KINH PHẬT TỰ THUYẾT (Udāna)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 1 (VNC PHVN, 2021)

KINH PHẬT Tự THUYẾT (Udãna)

Dịch giả Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU KINH PHẬT Tự THUYẾT CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU Kinh Udãna được dịch là Kỉnh Phật tự thuyết, nghĩa là những kinh này được đức Phật tự nói, do cảm xúc mạnh sinh khởi, không ai thỉnh Phật thuyết. Cũng có khi dịch là Kinh Vô vân tự thuyêt, nghĩa là không có người hỏi, đức Phật tự nói. Có khi được dịch là Kinh Những lời cảm hứng, nghĩa ỉà lời nói đột khởi, do cảm xúc mạnh thúc đây, khi đức Phật tự mình chứng kiên những sự việc xảy ra xung quanh. Theo Upanishad, chữ Udãna có nghĩa là hơi thở, sinh mệnh (prãna, apãna, sumãna, vyãna, udãnà) ở trung tâm cổ họng được phát ra. Tập này gồm 8 phẩm, mỗi phẩm có 10 kinh. Như vậy, có 80 kinh tất cả. Để tiện tìm kiếm, khi viết (I. §2) thời hiểu là phẩm I, kinh số 2; khi viết (IV. §7) thời hiêu là phâm IV kinh sô 7, v.v... Môi kinh gôm 2 phân, phân đâu văn xuôi, ghi nhận sự kiện hay câu chuyện do đức Phật chứng kiến hay do các Tỷ-kheo kê lại, và phân thứ hai là lời cảm hứng của đức Phật, phân lớn là băng những thi kệ (gãthã), chỉ có 1, 2 bài kinh Udãna được chép bằng văn xuôi. Trước hết là một số kinh liên hệ đến đời sống của đức Phật, như 3 kinh đầu, Phẩm Giác ngộ diễn tả đức Phật khi mới thành đạo, ngồi nhập định dưới gốc cây Bồ-đề, suy tưởng đến lý 12 nhân duyên, thuận chiều và nghịch chiều rồi nói lên lời cảm hứng (Ud. I. §1-3). Ud. II. §1 nói đến tích chuyện đức Phật ngồi nhập định gặp mưa to gió lớn, rắn Mucalinda đã quấn lấy thân mình đức Phật để che chở cho Ngài. Ud. IV. §5 đề cập đến đức Phật bị các vị xuất gia, tại gia, vua chúa... đến làm phiền nhiễu nên Ngài bỏ đi vào núi một mình và sống với một con voi; con voi này cũng bị đàn voi quây rây nên đên sông một mình với đức Phật. Sự kiện khi đức Phật từ bỏ thọ hành và tuyên bố sau 3 tháng sẽ nhập Niết-bàn được Ud. VI. § 1 diễn tả. Bữa cơm cuối cùng do thợ rèn Cunda cúng dường đức Phật cũng được đê cập. Sau bữa cơm ây, đức Phật nhuôm bệnh và không bao lâu nhập Niết-bàn. Những sự tích trên giúp chúng ta có thêm một số tài liệu về lịch sử đức Phật. Song song với các sự tích về đời sống đức Phật, tập Udãna nói đến khá nhiều về các đệ tử của đức Phật, như Sãriputta, Moggallãna, Kaccãna, Subhũti, Mahãkassapa, Nanda,... Mahãkassapa bị bệnh, đã tu định luôn bảy ngày để tự chữa trị (Ud. III. §7). Nanda ban đầu mê các tiên nữ nên tu hành,

sau bị các đồng Phạm hạnh chỉ trích nên tinh tấn tu hành chứng quả A-la- hán (JJd. III. §2). Sãriputta ngồi nhập định bị quỷ dạ-xoa đánh trên đầu (Ud. IV. §4, §7). Năm trăm Tỷ-kheo do Yasoja đứng đầu làm ồn bị đức Phật đuổi đi, sau đó tinh tấn tu hành chứng được quả A-la-hán (Ud. III. §3). Đức Phật khen Tôn giả Lakundaka Bhaddiya trong dung săc xâu xí nhưng đã chứng quả giải thoát (Ud. VII. §5). Tôn giả Dabba Mallaputta nhập định hỏa giới tự thiêu trước chúng Tăng không để lại tro tàn (IJd. VIII. §9-10). Tiếp đến là các đệ tử tại gia, như nữ cư sĩ Visãkhã 2 lần đến yết kiến đức Phật, một lần vì có sự

việc cần phải giải quyết với Vua Pasenadi (Ud. II. §9), một lần có đứa cháu trai chết nên đến thưa với đức Phật (Ud. VIII. §8). Sự tích 500 cung nữ của Vua Ưdena, trong ây có Sãmãvatĩ bị chêt thiêu cũng được đê cập. Vua Pasenadi nước Kosala được nói đên nhiêu lân trong tập này. Có một lần Vua hỏi đức Phật có thể biết được các người tu hành có chứng quả hay không, đức Phật đã trả lời rằng với những người như Vua Pasenadi sống trong dục lạc thì khó lòng biết được quả chứng của các nhà tu hành (Ud. VI. §2). Bao giờ cũng vậy, giữa đức Phật và các ngoại đạo cũng có những va chạm, xung khắc và các tích này được ghi nhận khá nhiều trong tập Udãna. Trước hết là Sự kiện khi Như Lai chưa xuất hiện thời các ngoại đạo được quần chúng cung kính cúng dường, nhưng khi Như Lai xuất hiện thời sự cung kính cúng duờng bị giảm thiểu (Ud. II. §4; VI. §10). Cũng vì vậy, ngoại đạo thù hằn đức Phật và chúng Tăng; họ giêt kỹ nữ Sundarĩ, đem chôn ở Jetavana đê vu oan cho chúng Tăng (Ud. IV. §8). Một sự kiện khác, dân chúng ở Thũma do ngoại đạo xúi giục đổ cỏ và rác xuống giếng để ngăn đức Phật không uống nước được (JJd. VII. §9). Đôi khi, đức Phật dùng một vài hình ảnh để nói đến sự cố chấp của các ngoại đạo. Chúng ta nhớ câu chuyện các người mù rờ voi, diễn tả các ngoại đạo môi người châp chặt chủ thuyêt của mình (JJd. VI. §4). Một sự kiện khác là câu chuyện một du sĩ ngoại đạo tìm dầu cho vợ mình sắp sinh, đã vào kho vua uông quá nhiêu dâu đê đem dâu vê cho vợ, nhung vì uông quá nhiêu nên bị đau đớn, lăn lộn, khốn khổ (Ud. II. §6). Ngoài ra, có nhiều vấn đề xã hội rất bình thường cũng được nói đến. Như đức Phật thấy đứa con nít hành hạ con rắn (Ud. II. §3), dân chúng Vương Xá tranh nhau cô kỹ nữ (JJd. VI. §8), hay chuyện dân Sãvatthi quá đắm say về dục (ưd. VII. §3-4) cũng được đức Phật đề cập và nói lên lời cảm hứng. Trong 80 kinh của tập Udãna, 80 trường hợp được ghi nhận là đức Phật thuyêt lên những lời cảm hứng sau khi cảm thây xúc động trước một sô sự kiện, và chính những lời cảm hứng mới thật là quan ừ-ọng trong tập Udãna này, vì đây là dịp đức Phật nói lên quan điểm của mình đối với những sự việc đã xảy ra xung quanh. Và chính những quan điểm ấy đã trở thành những giáo lý chính đức Phật đã trình bày và giảng dạy. Chúng ta cũng tìm được những pháp và tùy pháp mà đức Phật thuyết giảng ngang qua các lời cảm hứng ấy.

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU KINH PHẬT Tự THUYẾT 91

Trước hết là lý 12 nhân duyên hay lý duyên khởi được trình bày 3 lần, trong 3 kinh đầu Ud. I. §1-3, thuận chiều, nghịch chiều, thuận chiều và nghịch chiêu, từ vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh săc cho đên duyên sanh-lão-tử-sầu-bi-khổ-ưu-não. Quá trình sanh tử của con người từ quá khứ đến hiện tại, từ hiện tại đến tương lai được khéo cô đọng trong thuyết duyên khởi. Bao giờ cũng vậy, đức Phật nhắm đến trong dây chuyền sanh tử, 2 pháp dục và ái rất quan trọng. Và do vậy có nhiều lời cảm hứng đề cập đến dục và ái. Trong Ud. VII. §4, dân chúng Sãvatthi quá đắm say về dục nên đức Phật đã nói: “Bị mù bởi các dục, Bị bao phủ bởi lưới, Bị ái dục bao trùm, Lại còn bị trói buộc, Bởi thân bằng phóng dật. Như cá mắc miệng lưới, Họ đi đến già chết, Như bê bú sữa mẹ.,, Với ái, có thân yêu là có đau khổ. Khi Visãkhã đến than với đức Phật có đứa cháu trai mới chết, đức Phật đã nói: "Những ai có chín mươi người thân yêu, những người ây có chín mươi sự đau khô. Những ai có

tám mươi người thân yêu, những người ấy có tám mươi sự đau khổ. Những ai có bảy mươi... có sáu mươi... có năm mươi... có bốn mươi... có ba mươi... có hai mươi... có mười... có chín... có tám... có bảy... có sáu... có năm... có bốn... có ba... có hai... có một người thân yêu, những người ấy có một sự đau khổ.,, (ưd. VIII. §8) “Sầu, than và đau khổ, Sai biệt có ở đời, Duyên thân ái, chúng có, Không thân ái, chứng không. Do vậy người an lạc, Người không có sầu muộn Là những ai ở đời, Không có người thân ái, Do vậy ai tha thiết, Được không sầu, không tham, Chớ làm thân, làm ái, Với một ai ở d&i." Dục và ái đã có mặt thời có sanh y, có sự tiếp nối một đời sống, nên có sanh y là có đau khổ: "Giữa làng, tại núi rừng, Cảm thọ khổ và lạc, Chớ quy về tự mình, Chớ quy về người khác. Các xúc được cảm thọ, Là đo duyên sanh y, Với vị không sanh y, Do đâu xúc, cảm thọ.^, ạjd. II. §4) Khi đức Phật từ bỏ thọ hành ỌJd. VI. §1), Ngài muốn cắt đứt mọi hành động sanh hữu: A "Cân,nhắc giữa Niết-bàn, Và nguôn sanh của hữu, Bậc Ẩn sĩ từ bỏ, Các hành động sanh hữu, Ưa thích hướng nội tâm, Thật định tĩnh an tịnh, Phá đổ ngã sanh hữu, Như phá tan áo giap."

92 KINH TIỂU Bộ

Trong nhiều kinh, đức Phật tán thán các đệ tử tu thiền định vì đó là con đường đưa đến giải thoát. Trong Ud. III. §5, Ngài Mục-kiền-liên ngồi thiền định tu thân hành niệm được đức Phật nói lên lời cảm hứng: 4íThân hành niệm an lập, Sáu xúc xứ chê ngự, Tỷ-kheo thường thiền định, Tự chứng tri Niết-b^n.” Trong Ud. III. §4, Ngài Xá-lợi-phất ngồi thiền định, để niệm trước mặt, không xa Thế Tôn bao nhiêu và Thế Tôn nói lên lời cảm hứng: “Nhu ngọn núi bằng đá, Không động, khéo an trú, Cũng vậy vị Tỷ-kheo, Đoạn diệt được ngu si, Như ngọn núi bằng đá, Không có bị dao dOng." Ngài Tu-bồ-đề (Subhũti) tu định Không tầm (Avitakkamsamãdhí) được Thế Tôn tán thán và nói lời cảm hứng: “Vói ai, tầm quét sạch, Nội tâm khéo cắt đứt, Không còn chút dư tàn, Vượt qua ái nhiễm ấy, ĩ Đạt được tưởng vô săc, Vượt khỏi bốn ách phược, Không đi đến thọ sanh." (Ụd. VI. §7) Nhưng đức Phật nhận tìiấy âối với chúng sanh, ukhỏ thấy là vô ngã, khỏ thấy là sự that", nên đức Phật thường dạy cho các đệ tử biết quán chiếu về "v6 ngêL" utTrên dưới khắp tất cả, Được giải thoát hoàn toàn, Không còn có tùy quán, 'Cái này chính là tôi.5 Giải thoát vậy vượt dòng, Trước chưa từng vượt qua, Không còn có rơi rớt, Vào sanh hữu thọ sanh." ạjd. VII. §1) Mục đích cuối cùng của sự tu hành là thành tựu giải thoát Niết-bàn, và trong tập Udãna có nhiều kinh về lời cảm hứng đề cập đến trạng thái Niết-bàn, một trạng thái khó dùng danh từ để diễn tả. Bãhiya Dãrucĩriya tu tập, tưởng mình đã chứng quảA-la-hán được đức Phật dạy cho: ''Vậy này Bãhiya, ông cần phải học tập như sau: 'Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe; trong cải ngửi, nếm, xúc chạm sẽ chỉ là cái ngửi, nếm, xúc chạm; trong cải thức tri sẽ chỉ là cái thức tri. 'Như vậy, này Bãhỉyaf ông cân phải học tập. Vĩ răngf này Bãhiya, nêu với ông, trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe sẽ chỉ là cải nghe; trong cái ngửi, nếm, xúc chạm sẽ chỉ là cái ngửi, nếm, xúc chạm; trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri; thì ông không có cải ấy, Này Bãhiya, nếu ông không có cái ấy thì ông không ở trong ấy, Này Bãhiya, nếu ông không ở trong ấy thì ông không có đời này, không có đời sau, không có chặng giữa hai đời, như vậy là đoạn tận khổ (I.§10)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU KINH PHẬT Tự THUYẾT 93

Đoạn sau đây cũng là đoạn diên tả Niêt-bàn trong lòd cảm hứng băng văn xuôi (Ud. VIII. §1): "Này các Tỷ-kheo, cỏ xứ này (ãyatana), tại đây không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió, không có Hư không vô biên xứ, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tưởng phỉ phi tưởng xứf không có đời này, không có đời sau, không có cả hai mặt trăng và mặt trời Do vậy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bô không có đên, không có đi, không có trủ, không có diệt, không có sanh, không có an trú, không có chuyến vận, không có sở duyên. Đây là sự đoạn tận khổ đau." Đoạn tiếp cũng diễn tả trạng thái Niết-bàn: "Này các Tỷ-kheo, có sự không sanh, không hiện hữu, không bị làmf không hữu vi. Này các Tỷ-kheo, nếu không có cải không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vif thì ở đây không thê trình bày sự xuât ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi. Vì răng, này các Tỷ-kheo, cỏ cái không sanh, không hiện hữu, không bị làmf không hữu vỉ, nên có trĩnh bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.” (JJd VIII. §3) Đây cũng là lời cảm hứng của Phật về trạng thái Niết-bàn giải thoát: “Cải gì có nương tựa, cái ấy có dao động; cái gì không có nương tựa, cái ấy không có dao động; không có dao động thì có khinh an; có khinh an thì không có thiên về; không có thiên về thì không có đến và đi; không có đến và đi thì không có diệt và sanh; không có diệt và sanh thì không có đời nàyf không có đời sau, không có khoảng giữa hai đờL Đây là sự đoạn tận khổ đauy (Ud. VIII. §4). Như vậy, trong tập Udãna này, ngang qua các câu cảm hứng do đức Phật thuyết lên, một số giáo lý căn bản đề cập pháp môn tu hành, đề cao mục đích tôi hậu và sứ mệnh hoăng pháp của đức Phật cũng được diên tả đên.

(Lời Giới thiệu Kinh Phật tự thuyết, 1982)

DẪN LUẬN KINH PHẬT Tự THUYẾT (UDẢNẢ) • 1. về từ ngữ Tự thuyết hay Tự thuyết kỉnh (Exclamations, Uplifting Verses) viết đầy đủ là Kinh Phật tự thuyết, được dịch âm trong chữ Hán là ííưu-đà-ná>, ()1 và được dịch nghĩa là ^Lởi cảm hứng'(cảm hứng ngữ, an emotional utterance, inspired utterances^- là tuyển tập 80 bài thi kệ cảm hứng ()hay QiV0 vấn tự thuyết' ()được đức Phật nói lên (Buddha's A ' r í e _ Utterances) trong 80 tình huông, bôi cảnh rât tự nhiên, không có người đại diện thưa hỏi hay thỉnh cầu trong pháp hội.123 Theo Păli - Hán từ điển ()của Bhikkhu Mahãnãno, Udãna là ucảm hứng được khởi lên, một loại phát biểu bằng tình cảm,, ( ).Trong Từ điển Pãli - Việt, Hòa thượng Bửu Chơn có cùng cách định nghĩa này: uSự phát biêu băng tình cảm hay xúc dOng." Trong văn học Ấn Độ giáo, chữ ^udãncỉ' có nghĩa là usự thở ra" (breathing out), ở đây được hiểu là sự phát ngôn dưới hình thức thi ca, được cảm hứng từ cảm xúc mãnh liệt, đặc biệt.4 2. về niên đại và bản dịch tiếng Anh Phân lớn các học giả thông nhât khi cho răng Kỉnh Phật tự thuyêt là một trong các bản văn Phật giáo có niên đại ra đời sớm nhất, đang khi cũng có học giả cho rằng kinh này ra đời muộn hơn.5 Khi đói chiếu văn bản, chúng ta dễ dàng nhận ra rằng có nhiều bài kinh trong Kinh Phật tự thuyết trùng lặp với các đoạn kinh trong Kinh Trường bộ, Kỉnh Trung bộ, Kinh Tăng chỉ bộ, Kinh Tương ưng bộ', cũng có các bài kinh do các vị đệ tử Thánh nói. Do đó, niên đại

1 Thể loại này thỉnh thoảng xuất hiện trong Khởi thế kinh (roi. 0024.7. 0345cl7); Tạp. (7.02. 0099.64. 0016c04); Phật bổn hạnh tạp kinh (fo3. 0190.4. 0672a04). ' 2 Tham chiếu Concise Pali-English Dictionary của A. p. Buddhadatta Mahãthera. 3 Tham chiếu: Mục từ ^Vô vấn tự thuyếc trong tự điển Buddhist Door online (https://www.buddhistdoor. net/dictionary/details): "Spoken voluntarily and not in reply to questions or a^peals.^ (truy cập ngày 14/1/2021). 4 Tham chiếu từ điển Pali-English Dictionary của Pali Text Society: uAn utterance mostly in metrical farm, inspired by a particularly intense emotiony 5 Tham chiếu: L. s. Cousins trong quyển Buddhist Studies in Honour ofHammalawa Saddhatissa, do Dhammapala, Gombrich & Norman biên tập, University of Jayawardenepiưa, 1984, p. 56.

của 80 bài kinh ngắn này thuộc hai nhóm niên đại: Giai đoạn đầu và giai đoạn phát triên vê sau. Một số bản dịch tiếng Anh chọn lọc được sử dụng tham khảo cho bài viết này như: -Anandajoti, Bhikkhu, (tr.), Udãna Exalted Utterances (Udãna - Lời cảm hứng). Third revised version, November 2011, with notes.6 -Ãnandạioti, Bhikkhu, A Comparison of the Pãli Udãnas and the Buddhist Hybrid Sanskrit Udãnavarga (So sảnh Kinh Phật tự thuyêt bản Pãli và Phâm Cảm hứng ngữ bản Sanskrit hỗn hợp Phật giảó), 2003.7 -Dewarakkhita, Bihalpola Siri Thera (ed.), Paramatthadĩpariĩ or the Commentary to the Udãna (Chú giải Kỉnh Phật tự thuyết), (Colombo, 1920, reprinted Colombo, 1990). -Ireland, John D., (tr.), The Udãna: Inspired Utterances of the Buddha (Kinh Phật tự thuyết: Lời cảm hứng của đức Phật), (Kandy, Sri Lanka: Buddhist Publication Society, 1990). -The Udãnapãli (Kinh Phật tự thuyêt bản Pãỉí), ed. by Belideniye Siridhamma Thero (Colombo, 1983). 3. Sự trừng lặp của Kinh Phật tự thuyêt trong Kỉnh tạng và Luật tạng Dưới đây, tôi trích dẫn 2 bảng đối chiếu các bài kinh trong Udãna trùng lặp với các kinh khác thuộc Tam tạng Pãli, được Bhikkhu Ãnandạjoti dịch ra tiếng Anh, in trong quyên "Udãna Exalted Utterances'" vào năm 2008.8 Lưu ý răng, 2 bảng này, Bhikkhu Ãnandạjoti sử dụng trên bản Pãli Tích Lan. Hai bảng đối chiếu dưới đây cung cấp cho chúng ta dữ liệu về sự trùng lặp giữa Kinh Phật tự thuyết với các bài kinh trong Kinh tạng và Luật tạng Pãli. Điêu này cho thây Kinh Phật tự thuyêt thuộc dạng tuyên chọn các bài kinh ngăn trong Kinh tạng và Luật tạng, ở chừng mực tương đôi giông với Kỉnh Pháp cú vốn là tập đại thành nhiều thi kệ trong 4 bộ kinh Pãli.

6 http://www.ancient-buddhist-texts.net/Texts-andTranslations/Udana/index.htm/ (truy cập ngày 13/2/2021). 7 Xem http://www.ancient-buddhist-texts.net/BuddhistTexts/C2-Udana-Parallels/index.htin/ (truy cập ngày 13/2/2021). , 8 Các chữ viết tắt vẫn giữ nguyên như trong quyển Udãna Exalted Utterances.

Bảng 1 (Văn xuôi và thi kệ) Kỉnh Phật tự thuyểt\ Tương ứng với: Pathamabodhisuttam 1-1 Vinaya Mahãvagga: Bodhikathã Dutiyabodhisuttarii 1-2 Vinaya Mahãvagga:

Bodhikathã Tatiyabodhisuttarh 1-3 Vinaya Mahãvagga: Bodhikathã Nigrodhasuttam 1-4 Vinaya Mahãvagga: Ạiapãlakathã Mucalindasuttam 2-1 Vinaya Mahãvagga: Mucalindakathã Bhaddiyasuttarh 2.10 Sanghabhedakkhandhakam: ChaSakyapabbajjakatha Nãgasuttarii 4.5 Kosambakakkhandhakam: Pãlileyyakagamanakathâ Rajasuttam 5-1 Mallikãsuttarh, Kosalasaĩhyuttarh, SN. 3.8 uposathasuttaih 5-5 Pãtimokkhatthapanakkhandhakarh: Imasmimdhammavinaye-atthacchariyam Sonasuttam 5-6 Cammakkhandhakam:Mahãkaccãnassa Pancavaraparidassanã Ãnandasuttam 5-8 Sanghabhedakkhandhakam: Pancavatthuyãcanakathã Ãyusaủkhãravossạjanasuttam 6-1 Mahãparinibbãnasuttam, DNA6 Iddhipãdasariiyuttam, SN. 51.1Ọ AN. VIII.vii.10 Cundasuttam 8-5 Mahãparinibbãnasuttam, DN. 16 Pãtaligãmiyasuttarh 8-6 Mahãparinibbãnasuttam, DN. 16 Bhesajjakkhandhakam: Sunidhavassakãravatthu

Bảng 2 (Thi kệ)
Kỉnh Phật tự thuyết'. Tương ứng với:
Kassapasuttam 1-6 Nid. II chú giải về Sn. 65
Jatilasuttam 1-9 cd Dhp. 393cd
Bãhiyasuttarh 1-10 Bãhiyattherassãpadãnam
Mucalindasuttam 2-1 Kathãvatthu: Hevatthikathã, Dutiyavaggo 1
Dandasuttam 2-3 Dhp. 131-132
Sãriputtasuttam 3-4 Th. 651 (Revata), Th. 999 (Sãriputta)
Pilindivacchasuttarh 3-6a-c Sn. 473a-c
Lokavolokanasuttarii 3-10 Sn. 593ab;
cf. SaḶãyatanavibhangasuttarii, MN. 149;
cf SaḶãyatanasamyuttaih, SN. 35.31;
cf. Khandhasamyuttam, SN. 22.41;
Gopãlasuttaih 4-3 Dhp. 42
Junhasuttam 4-4 Th. 192 (Khitaka)
Pindolasuttam 4-6 Mahăpadãnasuttarii (DN. 14), Cãrikã-anujãnanam
Dhp. 185
Sãriputtasuttaih 4-7 Th. 68 (Ekuddãniya);
Pãcittiyakanộam, Atthangatasikkhãpadam upasenasuttarii 4-9 VS.2 Sn. 751
Kumãrakasuttam 5-4c-h Dhanapãlasetthipetavatthu Pv. 243cd, 244
Uposathasuttaih 5-5 Th. 447 (Sirimanda);
Patimokkhatthapanakkhandhakam:
Imasmimdhammavinaye-atthacchariyam
ParivãrapãḶi: Gathasanganikam
Revatasuttarh 5-7 Kankhãrevatattherassãpadãnam
Kathãvatthu: Kankhãkathã

Saddhãyamãnasuttam 5-9 MN. 128;
Kosambiyajãtakaṛh Ja. 428;
Kosambakakkhandhakarii: Dĩghãvuvatthu
Panthakasuttarii 5-10d-f Sarabhangajatakam, Ja. 522
Subhũtisuttaih 6-7ab Sn. 7ab
Dutiyasattasuttam 7-4a-d Th. 297a-d (Rãhula)
Lakuntakabhaddiyasuttam 7-5 Cittasamyuttam SN. 41.5
Tanhãkkhayasuttarh 7-6d-f Dhp. 230b-d;
q IVi.6d.£
AN. IV.i.8d-f;
AN. V.v.2h-j 9 ,
Papancakkhayasuttam 7-8cd Các dòng cd xuất hiện theo thể văn xuôi trong
Anenjasappayasuttam (MN. 106);
AN. VII.vi.2
Tatiyanibbãnasuttam 8-3 Iti. 43
Catutthanibbãnasuttam 8-4 Channovâđasuttarii (MN. 144);
SaỊãyatanasariiyuttarii SN. 35.87;
Dutiyadabbasuttarh 8-10 Mahapajãpatigotamĩtherĩ-apadãnariì, vss. 286-287
DẢN LUẬN KINH PHẬT Tự THUYẾT 99

4. Vê cấu trúc và nội dung Kinh Phật tự thuyết có 8 phẩm gồm 80 bài kinh, mỗi phẩm có 10 bài kinh ngắn. Mỗi bài kinh được cấu tạo gồm 2 phần: Phần đầu là văn xuôi, mô tả bối cảnh bài kinh, khái quát nội dung; phần hai là thi kệ trùng tụng ý nghĩa đoạn văn xuôi, thỉnh thoảng có những bài kệ độc lập. Chỉ có vài bài kinh là văn xuôi. Vê mặc định thứ tự các bài kinh trong tuyên tập này được viêt tăt băng ký hiệu Ud. theo sau là con số thứ tự của phẩm, tiếp theo là số thứ tự của bài kinh. Ví dụ, Ud. I. §1-3 được hiểu là các bài kinh từ thứ tự 1-3 thuộc phẩm I của Kỉnh Phật tự thuyết. Phẩm thứ nhất có tựa đề là ^Giảc ngff' (Bodhivagga,, Enlightenment chapter), nói vê sự giác ngộ của đức Phật dưới cội Bô-đê tại Bồ-đề đạo tràng. Tại đây, đức Phật hình thành thuyết tương quan, tương thuộc (duyên khởi) của mọi sự vật hiện tượng trong vũ trụ theo chiều thuận và chiều nghịch (Kinh thứ nhất về cội Bồ-đề (Pathamabodhisuttă). Kinh thứ hai về cội Bô-đê (Dutiyabodhisutta), Kinh thứ ba vê cội Bô-đê (Tatiyabodhisuttà), Ud. I. §1-3). Đức Phật đưa ra quan điểm của Ngài về tiêu chuẩn đạo đức và trí tuệ đối với các đạo sĩ Bà-la-môn (Brãhmana), mà theo đạo Ấn Độ, họ chỉ chú trọng việc học thuộc thân chú, tu khô hạnh, tín ngưỡng thân linh (Kinh Huhunka (Huhunkasutta), Kinh Bà-la-môn (Brãhmanasutta), Kinh Mahãkassapa (Mahãkassapasutta), Kinh Ajakalapaka (Ajakalapakasutta), Kinh Sangamaji (Sangamajisutta), Kinh Kẻ bện tóc ựatiỉasuttă), Ud. I. §4-9). Đức Phật tiếp nhận đạo sĩ Bãhiya làm đệ tử xuất gia, dạy kỹ năng làm chủ các nhận thức giác quan: "'Trong cải thây sẽ chỉ là cái thây; trong cải nghe sẽ chỉ là cái nghe; trong cái ngửi, nếm, xúc chạm sẽ chỉ là cái ngửi, nếm, xúc chạm; trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri", không có sự can thiệp cảm xúc và thái độ

chủ quan vào tiến trình nhận thức các sự vật như thật, nhờ đó, người tu tập được giải thoát (Kinh Bãhiya (Bãhiyasutta), Ud. I. §10). Phẩm thứ hai có tựa đề là "Mucalindá1' (Mucaỉindavagga,, Mucalỉnda chapter). Đức Phật kể lại tuần lễ thứ 6 sau khi giác ngộ tại Bồ-đề đạo tràng, Ngài được thần rắn Mucalinda dùng thân to lớn bảo vệ Ngài trong giông to bão lớn (Kinh Mucalinda (Mucalindasuttă), Ud. II. §1). Giá trị của an lạc do kết thúc tham ái, vượt lên trên các khoái lạc của cõi ười và cõi người (Kinh Vua (Rậịasuttà), Kinh Cây gậy (Danậasuttà), Ud. II. §2-3). Phân tích duyên khởi và cách làm chủ cảm xúc (Kinh Tôn kỉnh (Sakkãrasuttà), Ud. II. §4). Ud. II. §5 (Kinh Cư sĩ nam (Upãsakasuttà)) nói về tác hại của việc chấp vào sở hữu, tài sản, đang khi Ud. II. §6-7 (Kinh Phụ nữ có thai (Gabbhinĩsuttà), Kinh Con trai độc nhất (Ekaputtakasutta)) nói về lợi ích của người buông bỏ Sự châp thủ vào sở hữu, vào những điêu khả ái. Đức Phật nói vê tình trạng trớ trêu của người tại gia muốn có con trai, con gái như ý nguyện của mình, nhưng trên thực tê thường ngược lại, họ phải sông giả vờ như vui vẻ, hài lòng

(Kinh Suppavãsã (Suppavãsãsutta), Ud. II. §8). Phật dạy cách vượt qua sự tùy thuộc, cũng như hữu và phi hữu để sống an lạc và thong dong (Kỉnh Vìsãkhă (yìsăkhăsuttà), Kinh Bhaddiya (Bhaddiyasuttà), Ud. II. §9-10). Phẩm thứ ba có tựa đề "Nandd' (Nandavagga,,Nanda chapter). Đức Phật nói về nghiệp quá khứ tạo ra quả khổ đau ở hiện tại (Kinh Kết quả của nghiệp (Kammavipăkcỳasuttà), Ud. III. §1). Phật khéo dẫn dụ nhằm giúp em trai là Nanda giữ vững lý tưởng xuất gia, trở thành bậc Thánh nhân (Kinh Nanda (Nandasuttà), Ud. III. §2). Giá trị an lạc của thực tập thiền bất động, không dính chấp vào thời gian (Kình Yasoja (Yasojasuttci), Ud. III. §3). Thực tập chánh niệm với thân thể vững như núi đá (Kinh Săriputta (Săríputtasuttà), Kinh Mahãmoggallãna (Mahãmoggallănasutta), Ud. III. §4-5). Vượt qua tâm cao ngạo, sống tương kính, gọi nhau bằng "Hiền giM' (Kinh Pilìndavaccha (Pilindavacchasuttà), Ud. III. §6). Giá trị phước báu của bố thí, cúng dường (Kinh Cảm hứng của Thiên chủ Sakka (Sakkudãnasuttà), Ud. III. §7). Nói pháp đúng với chân lý và im lặng như bậc Thánh (Kinh Người có hạnh khất thực (Pindapãtikasuttà), Ưd. III. §8). Giới hạn của các nghề thế gian chỉ đáp ứng cho việc mưu sinh, vốn thấp hơn giá trị của việc xuất gia với lý tưởng độ sinh, đạt giác ngộ, giải thoát (Kinh Nghề nghiệp (Sippasutta), ưd. III. §9). Tác hại của vô minh và tham ái trong sự hiện hữu và giá trị của sự nhiếp phục tâm tham ái (Kinh Thể giới (Lokasuttà), Ud. III. §10). Phẩm thứ tư có tựa đề ^Meghiycf (Meghiyavagga,Mẹghiya chapter). Đức Phật khuyên tu tập năm điều để đạt tâm giải thoát: Kết giao bạn lành; giữ giới hạnh; thảo luận về ít muốn biết đủ, xa ỉìa, hòa hợp, tinh cần tinh tấn, giữ giới, tu thiền, đa văn, giải thoát và giải thoát tri kiến; tinh cần tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện và làm sanh khởi các pháp thiện; tu trí tuệ kết thúc khổ đau (Kinh Meghiya (Meghỉyasuttà), Ud. IV. §1). Khiêm tốn, tỉnh giác và thận trọng trong phát ngôn (Kinh Tháo động (Uddhatasuttà), Ud. IV. §2). Sự nguy hiểm của tâm hướng tà (Kinh Người chăn bò (Gopãỉakasuttà), Ud. IV. §3). Giá trị của tâm bất động trước nghịch cảnh, không phẫn nộ, hận thù (Kinh Cái đánh của dạ-xoa (Yakkhapahãrasuttd), Ud. IV. §4). Lợi ích của việc làm chủ tâm khi đối diện với nghịch cảnh (Kinh Con voi (Nãgasuttà), Ud. IV. §5). Lợi ích của hạnh xa lìa, khất thực, hài lòng,

biết đủ, tinh tấn, tu thiền với tâm tăng thượng và an tịnh (Kinh Pindola (Pindolasutta), Kinh Sãrỉputta (Sãriputtasuttà), ưd. IV. §6-7). Cách vượt qua lời phỉ báng, xúc phạm danh dự, hậu quả của lời nói ác độc và hành vi sai trái (Kinh Sundarĩ (Sundarĩsuttà), Ud. IV. §8). Giá ưị của đời sống đạo đức, tu thiền và sự chấm dứt sanh tử, kết thúc khổ đau (Kinh Upasena (Upasenasutta), Kinh sự an tịnh của Sãrỉputta (Sãriputtaupasamasuttà), Ud. IV. §9-10). Phẩm thứ năm có tựa đề "Trưởng lão Sonci" (Sonavag^a, The Elder Sona chapter). Đức Phật nói về việc con người chấp vào tự ngã của

mình nhiều hơn tình thương, tình thân đối với tha nhân (Kinh Thân ái hơn (Piyatarasuttà), Ud. V. §1). Hoàng hậu Mãyã sanh lên cõi ười sau bảy ngày sanh ra Thái tử Siddhartha (Kinh Thọ mạng ngắn (Appãyukasutta), Ud. V §2). Người hủi chứng được quả Dự lưu, và quả báo bị hủi là do tiền thân khinh thường đức Phật Độc Giác (Kinh Người hủi Suppabuddha (Suppabuddhakutthisuttci), Ud. V. §3). Khuyên từ bỏ các điều bất thiện, dù trước mặt mọi người hay lúc ở một mình (Kinh Thiêu niên (Kumãrakasuttà), Ud. V. §4). Như biên có tám đặe điểm, người xuất gia phải có đủ tám đức hạnh cao quý (Kinh Ngày trai giới (Ụposathasuttà), Ud. V. §5). Lối sống thanh cao và cách tu trì của người xuất gia (Kinh Sona (Sonasutta), Ud. V. §6). Từ bỏ nghi ngờ để tâm bình an (Kinh Kankhãrevata (Kankhãrevaíasutta), Ud. V §7). Người hiên thiện không thê nói ác và làm ác (Kinh Chia rẽ Tăng chúng (Sanghabhedasutta). Ud V §8). Khuyên không nên măng nhiêc người khác (Kinh Lời nhỉêc măngệ (Sadhãyamãnasutta), Ud. V. §9). Phương pháp tu thiền, đạt chánh niệm hiện tiền (Kinh CũỊapanthaka (CũỊapanthakasuttà), Ud. V. §10). Phẩm thứ sáu có tựa đề "Sanh ra đã mù>, (Jaccandhavagga,, Jaccandha chapter). Đức Phật hứa sẽ nhập Niết-bàn khi các đệ tử có đủ tài năng được huân luyện, tự tin, nghe nhiêu, thực hành A 9 e ỉ Phật pháp, được an lạc, <>> :

CÓ khả năng thuyêt giảng, có thê trả lời các thăc măc, hướng dân mọi người tu tập (Kinh Từ bỏ thọ hành (Ãyusankhãrossạiianasuttà), Ud. VI. §1). Phải sống chung, tương tác và đàm luận băng trí tuệ mới hiêu được người khác (Kinh Bảy vị bện tóc (Sattajatilasutta), Ud. VI. §2). Tu đúng sẽ trừ diệt được những pháp bất thiện và tăng trưởng hạnh lành (Kinh Quán sát (Paccavekkhanasuttà), Ud. VI. §3). Qua điển tích người mù rờ voi, đức Phật nhắc nhở mọi người phải có cái nhìn toàn diện, không nên mất thời gian vào các luận bàn về những câu hỏi siêu hình (Kinh thứ nhất về ngoại đạo (Pathamanãnãtitthiyasuttà), Kỉnh thứ hai vê ngoại đạo (Dutiyanãnãtitthiyasuttà)^ Ud. VI. §4-5). Không châp vào mình, không châp người khác, không cao ngạo, không châp học thuyêt (Kỉnh thứ ba về ngoại đạo (Tatỉyanãnãtỉtthiyasuttà), Ud. V. §6). Trải nghiệm tâm không tầm cầu (Kinh Subhũti (Subhũtisuttà), Ud. VI. §7). Từ bỏ các cực đoan, đắm nhiễm do tà kiến, để sống không nhiễm đắm dục trần (Kinh Người kỹ nữ (Ganikãsuttà), Ud. VI. §8). Bị dính măc vào cái thây và cái nghe, giông như những con thiêu thân (Kinh Lao vào (Upãtidhãvantisuttà), Ud. VI. §9). Giá trị trí tuệ của đạo Phật như vâng thái dương, vượt xa các học thuyêt và tôn giáo khác vốn chỉ như ánh sáng của con đom

đóm (Kinh Xuất hiện (Uppajjantisuttci), Ud. VI. §10). Phẩm thứ bảy có tựa đề ilNho>, (CũỊavagga,The Little chapter). Đức Phật khuyên vượt qua cái tôi, để vượt qua dòng đời (Kinh thứ nhất về Lakundaka Bhaddỉya (Pathamalakundakabhaddiyasutta), Ud. VII. §1). Vượt qua các ham muốn, cắt đứt sự luân chuyển là giải thoát mọi khổ đau (Kỉnh thứ

hai về Lakundaka Bhaddỉya (Dutiyalakundakabhaddiyasutta), Ud. VIL §2). -V r Ã ỉ \ Chúng sanh tham đăm frong ái dục và phiên não (Kinh thứ nhât vê chúng sanh (Pathamasattasutta). Ud VII. §3). Các dục trói buộc lấy con người như cá mắc lưới và như bê bú sữa mẹ (Kinh thứ hai về chúng sanh (Dutiyasattasutd)^ Ud VIL §4). Sự vượt trội của vị Tỳ-kheo có ngoại hình xấu nhưng tu tập hạnh Thánh rất thành công (Kinh Lakundaka Bhaddìya khác (Aparalakundakabhaddiyasuttd)^ Ud. VII. §5). Thoát khỏi tham ái như rễ không bám đất (Kinh Ải được diệt (Tanhãsankhayasuttă), Ud. VII. §6). Từ bỏ các hý luận, vượt qua tham ái (Kinh Đoạn diệt chướng ngại (Papancakhayasutta)^ Ud. VII. §7). An trú chánh niệm vào thân hành (Kinh Kaccãna (Kaccãnasuttă)^ Ud. VIL §8). Như nước giếng tràn đây, hãy chuyên hóa tham ái thì tu hành thành công (Kinh Giêng nước (Ưdapãnasutta), Ud. VII. §9). Đời sống thiện lành sẽ được tái sanh vào cảnh giới an lành (Kinh Utena (Utenasuttà), Ud. VII. §10). Phẩm thứ tám có tựa đề ^Dân làngPãtair (Pãtaỉigãmiyavagga, ,Pãtalỉgãma chapter). Đức Phật phân tích bản chất an lạc tuyệt đối củaNiết- bàn, vốn "không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió, không có Hư không vô biên xứ, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không có đời này, không có đời sau, không có cả mặt trăng và mặt trời.,, Niết-bàn là ukhông có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh, không có an trú, không có chuyển vận, không có sở duyOn" (Kinh thứ nhất liên hệ đến Niết-bàn (Pathamanibbãnapatisamyuttasuttà), Kinh thứ ba liên hệ đến Niết-bàn (Tatiyanỉbbãnapatỉsarnyuttasuttà), Ud. VIII. §1, §3). Người trí sẽ thấy được vô ngã và chân lý (Kinh thứ hai liên hệ đến Niết- bàn (Dutiyanibbanapatisamyuttasutta), Ud. VIII. §2). Niết-bàn không có đến- đi, diệt-sanh; không có đời này, đời sau, khoảng giữa của hai đời (Kinh thứ tư liên hệ đến Niết-bàn (Catutthanibbanapatisamyuttasutta), Ud. VIII. §4). Ca ngợi giá trị của sự cúng dường đức Phật trước lúc Ngài giác ngộ và trước khi nhập Niết-bàn tối hậu (Kinh Cunda (Cundasuttà), Ud. VIII. §5). Năm tác hại của người không giữ giới hạnh (Kinh Dân làngPãtali (Pãtaligãmiyasuttà), Ưd. VIII. §6). Đi sai đường sẽ gặp nhiêu hậu quả xâu, cũng như không nên kêt giao với bạn xấu ác (Kỉnh Con đường rẽ(Pvidhãpathasuttă)^ Ud. VIII. §7). Còn thân ái thì còn ái nhiễm, còn ái nhiễm thì còn đau kho (Kinh Vìsãkhã(yỉsãkhãsuttà). Ud. VIII. §8). Dùng định hỏa giới để nhập định, đốt thân, các hành được lắng dịu, nhập Niêt-bàn (Kinh thứ nhât vê Dabba (Pathamadabbasuttà), Ud. VIII. §9) và vượt qua thác tham ái để giải thoát khỏi mọi trói buộc (Kỉnh thứ hai về Dabba (Dutiyadabbasutta), Ud. VIII. §10). Nói tóm lại, Kỉnh Phật tự thuyết là một tuyển tập các bài kinh do chính đức Phật tuyên thuyết trong một số thời điểm thích hợp từ lúc Ngài vừa chứng đắc đạo quả và trong suôt 45 năm hoăng pháp, với nhiêu chủ đê khác nhau như đã trinh bày ở trên. Học hỏi, suy tư và

ứng dụng lời Phật dạy vào trong cuộc sống

DẪN LUẬN KINH PHẬT Tự THUYẾT 103

hăng ngày đem lại lợi ích rât lớn, như thành tựu vê giới đức, thiên định và tuệ giác, nhờ đó đem lại an lạc và hạnh phúc ngay trong kiếp sống này.

TP. Hồ Chỉ Minh, ngày 21/2/2021 TT.TS. ThíchNhật Từ (Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)

I. PHẨM GIÁC NGỘ (BODHIVAGGA)

§1. KINH THỨ NHẤT VỀ CỘI BỒ-ĐÈ (Pathamabodhisutta)1 (ưd. 1) 1. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Uruvelã, trên bờ sông Nerafijara, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới chứng Chánh đẳng giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày, ngồi ong một thế kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm, canh thứ nhất, khéo thuận chiều tác ý lý duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu; do cái này sanh, cái kia sanh. Tức là, duyên vô minh có các hành, duyên các hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này." Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Thật sự khi các pháp, Có mặt, hiện khởi lên, Đối vị Bà-la-môn, Nhiệt tâm hành thiền định, Khi ấy, với vị ấy, Các nghi hoặc tiêu trừ, Vì quán tri hoàn toàn, Pháp cùng với các nhân.

§2. KINH THỨ HAI VÈ CỘI BỒ-ĐỀ (Dutiyabodhisuttà)2 (Ud. 2) 2. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Uruvelã, trên bờ sông Neranjara, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới chứng Chánh đẳng giác. Lúc bấy giờ, Thê Tôn trong bảy ngày, ng3i trong một thế kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày ay, ra khỏi định ấy, trong đêm, canh giữa, khéo nghịch chiều tác ý lý duyên khởi:3 "Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu; do cái này diệt, cái kia diệt. minh diệt Tức là, do vô : nên rhành diệt, do hành diệt nên * thức diệt, * do thức diệt nên danh săc diệt, do danh săc diệt nên sáu xứ diệt, do sáu xứ diệt nên xúc diệt,

1 Bốn kinh đầu tiên, tham chiếu Vìn. I, 1-4, Mahãvagga (Đại phẩm), về truyền thuyết cội Bồ-đề, xem MB. 13. .

2 Tham chiếu: Vin. I. ỉ; Pháp cukinhyham chí phẩm"(T.04. 0210.35. 0572b20); Awai diệu kinh "Ph?ïiỊ1£11"(T.04. 0212.34. 0768cl4); Pháp tập yếu tụng kinh uPhạm ch'íphẩm” lá(r.04. 0213.33. 0798a01). 3 Xem MB. 75ff.

106 KINH TIỂU Bộ

do XÚC diệt nên thọ diệt, do thọ diệt nên ái diệt, do ái diệt nên thủ diệt, do thủ diệt nên hữu diệt, do hữu diệt nên sanh diệt, do sanh diệt nên già-chết-sầu-bi- khổ-ưu-não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này."4 Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Thật sự khi các pháp, Có mặt, hiện

khởi lên, Đối yị Bà-la-môn, Nhiệt tâm hành thiền định, Khi ấy với vị ấy, Các nghi hoặc tiêu trừ, Vì đã biết hoàn toàn, Sự tiêu diệt các duyên.45

§3. KINH THỨ BA VỀ CỘI BỒ-ĐỀ (Tatiyabodhìsuttà)67ajd. 2) 3. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ỞUruvelã, trên bờ sông Nerafijara, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới chứng Chánh đẳng giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày, ngồi trong một thế kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm, canh cuối cùng, khéo thuận chiều và nghịch chiều tác ý lý duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu; do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu; do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là, duyên vô minh có các hành, duyên các hành có thức... duyên sanh có già-chết-sầu-bi-khổ-iru-não. Như vậy là sự tập khởi của khổ uẩn này. Do đoạn diệt ly tham, vô minh không có dư tàn nên các hành diệt; do các hành diệt nên thức diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.,, Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Thật sự khi các pháp, Có mặt, hiện khởi lên, Đối vị Bà-la-môn, Nhiệt tâm hành thiền định, Quét sạch các ma quân, Vị ấy đứng, an trú, Như ánh sáng mặt trời, Chói sáng khắp hư không.

§4. KINH HUHUNKA (Huhunkasutta)1 ajd. 3) 4. Như vầy tôi nghe.

4 Tham khảo KS. II. Iff; V. 334. 5 Paccaya (duyên), văn học Phật giáo thời kỳ đầu viết đồng nghĩa với hetu (nhân). 6 Tham chiếu: Vìn. I. 1; Xuất diệu kinh uPhạm chi pham,(r.04. 0212.34. 0768cl4); Pháp tập yếu tụng kỉnh “Phạm chí phẩm” (T.04. 0213.33. 0798a01). 7 Bản Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và PTS viết Huhunka. Bản CST viết Humhunkasutta. H. Kiêu mạn. Tham chiểu: Vin. I. 1; Netti. 128, Sâsanapatthãna (Sự hình thành giảo pháp); AA. 53: Humhunkajatikoti so kira ditihamangaliko mãnathaddho mãnavasena kodhavasena ca sabbarn avokkhạiãtikam passitvã jigucchanto ^hurnhư' nti karonto vỉcarati, tasmã ^hụmhunkaịãtiko^ ti vuccati, ^huhukkạiãtikđ^ tỉpỉ pãtho (4íNgười hay phát tiếng 'hum, higif” nghĩa là người ấy tin vào những^điềm lành mình nhìn thấy, ngươi ay cung ngoan cô do kiêu mạn vàphẫn nộ, khi thấy ai khciig thanh tịnh Hen lánh xa, đi lang thang và phát ra tiếng ^hum, hum”, vì thế người ấy được gọi là ungười hay phát ra tiếng 4hum, hum, (humhunkqjatikay\ cũng được viết là "người hay phát ra tiếng 'hu, hu'" (huhunkcyatika^).

PHẬT Tự THUYÉT < 107

Một thời, Thế Tôn trú ở Uruvelã, trên bờ sông Neranjara, dưới gốc cây bàng Ajapala, khi mới chứng Chánh đăng giác. Lúc bây giờ, Thê Tôn trong bảy ngày, ngồi trong một thế kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày ấy ra khỏi định. Có một Bà-la-môn thuộc dòng họ Huhunka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên lời chào hỏi; sau khi nói lời chào hỏi thân hữu, rồi đứng một bên. Đứng một ben, Ba-la-mon ây nói với The Tôn: -Tôn giả Gotama, cho đến như thế nào là Bà-la-môn, và những pháp nào tác thành Bà-la-môn?89 Thế Tôn sau khi biết được ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Vị Bà-la-môn nào, Loại trừ các ác pháp, r Không kiêu, không uế

nhiễm, Tự ngã khéo chê ngự, Vệ-đà được thông đạt, Phạm hạnh được viên thành, Vị Bà-la-môn ấy, Có thể nói lên được, Lời Phạm ngữ đúng pháp, Vị ấy ở đời này, Không hề có mạn tâm, Bất cứ ở nơi nào.

§5. KINH BÀ-LA-MÔN (Brãhmanasuttàỷ ạjd. 3) 5. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), khu vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Sãriputta (Xá-lợi- phất), Tôn giả Mahãmoggallãna (Đại Mục-kiền-liên), Tôn giả Mahãkassapa (Đại Ca-diếp), Tôn giả Mahãkaccãyana (Đại Ca-chiôi-diên), Tôn giả Mahãkotthika (Đại Câu-thi-la), Tôn giả Mahãkappina (Đại Kiếp-tân-na), Tôn giả Mahãcunda (Đại Thuần-đà), Tôn giảAnuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Revata (Ly-bà-đa), Ton gia Ananda (A-nan) đi đen The Ton. The Ton thay cac Ton giả ây từ xa đi đến, thấy vậy, liền nói với các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn này đang đi đến. Này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn này đang đi đến. Khi được nói vậy, một Tỷ-kheo, thọ sanh là Bà-la-môn, bạch Thế Tôn: Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là Bà-la-môn, và có bao nhiêu pháp tác thành Bà-la-môn? Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:10

8 UđA. và Vìn. I. 3 viết Brăhmanakaranữ, còn cỏ cách viết khác: Brãhmanakãrakã. 9 Tham chic\JKNetti. 128, Sasanapatthana (Sự hình thành giáo pháp); Pháp tập yếu tụng kinh "Phạm chí phẩm” (r.O4. 0213.33. Ò798a01). Xem MB. 85.

108 KINH TIÊU Bộ

Sau khi loại ác pháp,11 Ai thường hành chánh niệm, Kiết sử đoạn, giác ngộ, Những vị ấy ở đời, Thật là Bà-la-môn.

§6. KINH MAHÃKASSAPA (Mahãkassapasutta)12 ạjd. 4) 6. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con SÓC. Lúc bây giờ, Tôn giả Mahãkassapa trú ở hang Pipphali, đang bị bệnh rât đau nhức, trầm trọng. Rồi Tôn giả Mahãkassapa, sau một thời gian, thoát khỏi bệnh ấy.13 Rồi Tôn giả Mahãkassapa thoát khỏi bệnh ấy, suy nghĩ như sau: “Ta hãy đi vào Vương Xá đê khât thực.,, Lúc bây giờ, khoảng năm trăm thiên nhân đang cố gắng sửa soạn để Tôn giả Mahãkassapa nhận được đồ ăn khất thực.14 Nhimg Tôn giả Mahãkassapa từ chối năm trăm thiên nhân ấy, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Vuomg Xá để khất thực, đi ngang con đường những người nghèo, con đường những người ăn xin, con đường những người thợ dệt. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Ai sống không nhờ người, Không được người biết đến,1516 Sông tự mình chê ngự, An trú nơi cốt lõi, Các lậu hoặc đã đoạn, Sân hận được trừ diệt, Vị ấy được Ta gọi, Là vị Bà-la-môn.

§7. KINH AJAKALAPAKA (Ajakalãpakasuứà)ì6 (Ud. 4) 7. Như vầy tôi nghe.

11 Xem Dh. V. 388 và các bài kệ tiếp theo. 12 Xem s. V. 79, Pathamagilãnasutta (Kinh thử nhất về bệnh); CNid. 26, Khaggavỉsãụasutta (Kỉnh Sừng tê ngưu). 13 Nhờ nghe Thế Tôn thuyết về bảy giác chi và quán chiếu rõ, Mahãkassapa đang bị bệnh liền được khỏi bệnh. 14 Xem Ưd. 29. 15Anannãposin. Xem Sn. V. 65. AA. 63: Tattha anannaposinti annam posetĩti annaposi, na annaposi anannaposi, attanãposetabbassa annassa

abhãvena adutỉyo, ekakoti attho (<Ểở đây, không nuôi kẻ kh9c" được giải thích rằng annaposĩ là miôi kẻ khác, anannaposi là không nuôi kẻ khác, chỉ mình người đó, bởi không có người thứ hai khác cần nuôi, nghĩa là đơn độc một mình). AA. 63: Annatanti abhinnatam, yathãbhuccagunehipatthatayasam, teneva vã anannaposibhãvena appicchatãsantutthitãhi nãtam. Atha vã annãtanti sabbaso pahĩnatanhatãya lãbhasakkărasilokanikãmanahetu attãnarn jãnãpanavasena na natam ^Annatarn. nghĩa là được biết dến" tức là được biếztiếng, danh tiếng lan rộng do hạnh chơn chánh, hoặc được biet đến do không nuôi kẻ khác, ít muốn biết đủ?Hoặc ^annatam nghia ỉà khpng được biết đen,, tức là không được biết đen do đã đoạn trừ tham ái, nhân đưa đến ham muốn lợi đắc, địa vị, danh tiếng, những điêu làm cho người biết đến mình). 16 Tham chiếiK Netti. 128, SãsanapaỊthãna (Sự hình thành giáo pháp); Xuất diệu ỉậnh "Phạm chí phẩm,, (r.04. 0212.34. 0768C14); Pháp tập yếu tụng kình^hạm chí phẩm,, ^(7.04.0213.33.0798301).

PHẬT Tự THUYẾT 109

Một thời, Thế Tôn trú ở Pãtali,17*tại tháp Ajakalapaka, chỗ ở của dạ-xoa Ajakalapaka. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, trong đêm tối đen và trời mưa từng hạt xuống. Rồi dạ-xoa Ạjakalãpaka muốn làm cho Thế Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, ba lần nói lên gần Thế Tôn tiếng gào thét của mình là ^Akkulo pakkulò>,, "Này Sa-môn, con quỷ đây!M Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Khi nào Bà-la-môn, Đối với pháp của mình, Đã đạt được bờ kia, Vị ấy vượt qua được, Ác quỷ, yêu ma này.

§8. KINH SANGAMAJI (Sangãmạịisutta)19 ạjd. 5) 8. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sangãmạịi đi đến Sãvatthi để yết kiến Thế Tôn. Người vợ trước kia của Tôn giả Sangamaji nghe được tin Tôn giả Sangamaji19 đã đên Sãvatthi. Nàng liên dăt người con đi đên Jetavana. Lúc bây giờ, Tôn giả Sangamaji đang ngồi dưới gốc cây để nghỉ ban ngày. Rồi người vợ trước đây của Tôn giả Sangamaji đi đến Tôn giả Sangamaji; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sangamaji: Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ! Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sangamaji giữ im lặng. Lần thứ hai, người vợ trước kia của Tôn giả Sangamaji nói với Tôn giả Saồgãmạịi: Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ! Lần thứ hai, Tôn giả Sangamaji giữ im lặng. Lần thứ ba, người vợ trước kia của Tôn giả Sangamaji nói với Tôn giả Saủgãmạji: -Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ! Lần thứ ba, Tôn giả Sangamaji vẫn giữ im lặng. Rồi người vợ trước kia của Tôn giả Sangamaji đặt đứa nhỏ trước mặt Tôn giả Sangamaji rồi bỏ đi, nói rằng: Này Sa-môn, đây là đứa con trai của Sa-môn. Hãy nuôi dưỡng nó! Tôn giả Sangamaji không có ngó đến đứa nhỏ ấy, cũng không nói gì. Rồi người vợ trước kia của Tôn giả Sangamaji sau khi đi không xa, ngó lui lại thấy Tôn giả Sangamaji không ngó đứa con nhỏ ấy, cũng không nói gì, thấy vậy, liền suy nghĩ: uSa-môn này không muôn ngó đên người con.,^ Nàng liên trở lui lại,

17 Bản PTS viết Pãtaliya. Bản Tích Lan và CST viết Pãvãya. Pãvã là thủ phủ của dân chúng Mallã (cũng còn gọi là Pãveyyaka Mallã). Tham chiếu: Netti. 128,

Sãsanapatthãna (Sự hình thành giảo pháp); Xuất diệu kinh "Phạm chí phẩm,, (r.04.0212.34. 0768C14). 19 Xem Thag. V. 34; Pss. Breth. 39.

bồng lấy đứa con rồi ra đi. Thế Tôn với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy cử chỉ thô bạo như vậy của người vợ trước kia của Tôn giả Sangamaji. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết được ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Không hoan hỷ, nàng đến, Không sâu muộn, nàng đi, Giải thoát khỏi ái phược, Là Sangamaji, Ta gọi người như vậy, Là vị Bà-la-môn.

§9. KINH KẺ BỆN TÓC ựatilasutta)20 ạjd. 6) 9. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Gayã, tại Gayãsĩsa. Lúc bấy giờ, nhiều kẻ bện tóc, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mùng tám, trong thời tuyết rơi, lặn xuống và nổi lên trong nước hồ Gayã, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "v&i hành động này, chúng ta được thanh tịnh. Thế Tôn thấy nhiều kẻ bện tóc ấy, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mùng tám, trong thời tuyêt rơi, lặn xuông và nôi lên trong nước, làm việc lặn xuông nôi lên, tưới nước và tê lửa, nghĩ răng: “Vói hành động này, chúng ta được thanh tjnh." Thê Tôn sau khi hiêu biêt ý nghĩa này, ngay trong lúc ây, nói lên lời cảm hứng: Thanh tịnh không do nước, Ở đây nhiều người tắm,21 Trong ai có chơn thật, Lại thêm có Chánh pháp, Người ấy là thanh tịnh, Người ấy là Phạm chí.

§10. KINH BÃHIYA (Bãhiyasuttà)22 ạjd. 6) 10. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Bãhiya Dãrucĩriya trú ở Suppãraka, trên bờ biển, được cung kính, tôn trọng đảnh lê, cúng dường và nhận được y, đô ăn khât thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Rồi Bãhiya Dãrucữiya khởi lên tư tưởng như sau: "Vói ai là bậc A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán, ta là một trong những vị ấy."

20 Tham chiếu: Netti. 128, Sãsanapatthãna {Sự hình thành giáo pháp)', PhápỊ cú kinh ílPhạm cỊý phAm" (T.04. 0210.35. 0572b20); Xuất diệu kinh Tham chi íỊỉ(T.04. 0212.34. 0768c 14); Pháp tập yếu tụng kinh “Phạm chí phẩm,, (T.04. 0213.33. 0798a01). 21 Xem M. 1.39. p. (PTS, CST) viết nhãyatĩ. p. (Tích Lan) viết nahãyatĩ. s. Snãti, Snãtati-, H.(mộc dục), nghĩa là tắm gội. 22 Tham chieu: s. IV. 72, Mãlukyaputtasutta (Kinh Mãlukyaputtă)] Ap. II. 475, Bâhiyattheraapadăna (Ký sự về ĩrưởng lão Bahiydy, Netti. 128, Sasanapatthana (Sự hình thành giảo phảp)', Xuất dỉệu kinh 1"(7.04. 0212.27. 0730c06); Pháp tập yếu tụng kinh "Viên tịch pham?, (T.04. 0213.26, 0790bl6).

Rồi một thiên nhân, trước là bà con huyết thống với Bãhiya Dãrucĩriya, vì lòng từ mẫn, vì muốn lợi ích. Với tâm của mình biết tâm tư của Bãhiya Dãrucĩriya, đi đến Bãhiya Dãrucĩriya và nói như sau: Này Bãhiya, ông không phải là A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la- hán. Ông không có đạo lộ ấy. Với đạo lộ này, ông có thể trở thành A-la-hán hay đang đi trên con đường đưa đến A-la-hán. Nhưng ai, trong thê giới này, với thê giới chư thiên, là những vị A-la-hán hay đang đi trên con đường đưa đên

A-la-hán? Này Bãhiya, có thành phô tên là Sãvatthi trên những vùng phương Bắc. Tại đấy, có Thế Tôn hiện đang trú, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Vị ấy là bậc A-la-hán và thuyết pháp đưa đến quả A-la-hán. Rồi Bãhiya Dãrucĩriya được thiên nhân ấy thúc ẹiục, đi ra khỏi Suppãraka; trong suốt đường trường chỉ nghỉ một đêm, đi đên chồ Thê Tôn đang trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo đang đi kinh hành giữa trời. Bãhiya Dãrucĩriya đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói như sau: -Thưa các Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở đâu? Tôi muốn được yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này Bãhiya, Thế Tôn đã đi vào giữa các nhà để khất thực. Rồi Bãhiya Dãrucĩriya mau chóng ra khỏi Jetavana, đi vào Sãvatthi, và thấy Thế Tôn đang đi khất thực, khả ái, khả tín, các căn an tịnh, tâm ý an tịnh, đạt được an chỉ, chế ngự tối thượng, giống như một con voi được điều phục, phòng hộ với các căn an tịnh. Thấy vậy, Bãhiya Dãrucĩriya liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, cúi đầu xuống chân The Tôn và bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con, Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc, an lạc lâu dài! Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bãhiya Dãrucĩriya: Không phải thời, này Bãhiya, Ta đang đi vào giữa các nhà để khất thực. Lần thứ hai, Bãhiya Dãrucĩriya bạch Thế Tôn: Thật khó biết, bạch Thế Tôn, là chướng ngại cho mạng sống của Thế Tôn, hay chướng ngại cho mạng sông của con. Bạch Thê Tôn, Thê Tôn hãy thuyêt pháp cho con, Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc, an lạc lâu dài! Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Bãhiya Dãrucĩriya: Không phải thời, này Bãhiya, Ta đang đi vào giữa các nhà để khất thực. Lần thứ ba, Bãhiya Dãrucĩriya bạch Thế Tôn: —Thật khó biết... hạnh phúc, an lạc lâu dài! -Vậy này Bãhiya, ông cân phải học tập như sau: "Trong cái thây sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe; trong cái ngửi, nếm, xúc chạm sẽ chỉ

là cái ngửi, nếm, xúc chạm; trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri."23 Như vậy, nàỵ Bãhiya, ông cần phải học tập. Vì rằng, này Bãhiya, nếu với ông, trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe; trong cái ngửi, nếm, xúc chạm sẽ chỉ là cái ngửi, nếm, xúc chạm; trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri; thì ông không có cái ấy. Này Bãhiya, nếu ông không có cái ấy thì ông không ở trong ấy. Này Bãhiya, nếu ông không ở trong ấy thì ông không có đời này, không có đời sau, không có chặng giữa hai đời, như vậy là đoạn tận khổ đau. Nhờ lời thuyết pháp tóm tắt này của Thế Tôn, tâm của Bãhiya Dãrucĩriya được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Thế Tôn sau khi thuyết cho Bãhiya Dãrucĩriya lời giáo giới tóm tắt này, liền ra đi. Thế Tôn ra đi không bao lâu, một con bò mẹ đang đi cùng bê con đã húc chết Bãhiya Dãrucĩriya. Thế Tôn sau khi khất thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khất thực trở về, đi ra khỏi thành với nhiều Tỷ-kheo, thấy Bãhiya Dãrucĩriya bị chêt, thây vậy, liên nói với các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, hãy lấy thân xác Bãhiya Dãrucĩriya đặt lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, rồi xây tháp lên trên. Này các Tỷ-kheo, một vị đồng Phạm hạnh với các ông đã qua đời! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, sau khi đặt thân xác của Bãhiẹa Dãrucĩriya lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, xây dựng cái tháp cho vị ấy, rôi đi đên Thê Tôn; sau khi đên, đảnh lê Thê Tôn rôi

ngôi xuông một bên. Ngôi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, thân xác của Bãhiya Dãrucĩriya đã được hỏa thiêu, tháp đã được xây dựng xong cho vị ấy. Sanh thú cho vị ấy là gì? Đời sau vị ấy là gì? Này các Tỷ-kheo, Hiền trí là Bãhiya Dãrucĩriya, đã hành trì tùy pháp, đúng pháp và không có phiên nhiêu Ta với những tranh luận vê pháp. Này các Tỷ-kheo, Bãhiya Darucưiya đã nhập Niết-bàn. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Chỗ nào nước và đất, Lửa, gió không trụ vững, Tại đây, sao không chói, Mặt trời không chiếu sáng, Tại đây, trăng không chiếu, Tại đây không u ám. Khi ẩn sĩ Phạm chí, Tự mình với trí tuệ, * r

Thể nhập vào Chánh pháp, Vị ây được giải thoát, Khỏi sắc và vô sắc, Khỏi an lạc, đau khổ. Lời cảm hứng này được Thế Tôn thuyết giảng và tôi được nghe như vậy.

23 Xem s. IV. 72 với đoạn tương tự nói về trường hợp Mãlunkyãputta khi đã về già muốn xin Thế Tôn một lời dạy tóm tắt.

II. PHẨM MUCALINDA (MUCALINDAVAGGA)

§1. KINH MUCALINDA (Mucaỉindasuttà)24 (Ud. 10) 11. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Uruvelã, trên bờ sông Nerafijara, dưới gốc cây Mucalinda, khi Ngài mới chứng Chánh đẳng giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày ngôi một thê kiêt-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Lúc bây giờ, một cơn giông tô lớn trái mùa khởi lên, và trong bảy ngày, trời mưa gió lạnh, bâu trời u ám. Rồi thần rắn Mucalinda ra khỏi chỗ ở của mình, dùng thân cuộn bảy vòng quanh thân của Thế Tôn, và đứng thẳng, vươn cao các mang lớn trên đầu [Thế Tôn] với ý nghĩ: "Mong Thế Tôn khỏi lạnh! Mong Thế Tôn khỏi nóng! Mong Thế Tôn khỏi xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, sức nóng, các loài bò sát!" Rôi Thê Tôn, sau bảy ngày ây, ra khỏi định ây. Lúc ây, Mucalinda, vua các loài rắn, sau khi biết trời đã sáng tỏ, mây đã tan, cởi mở thân mình khỏi thân Thê Tôn, biên dạng thân săc của mình, hóa hiện thân săc một thanh niên đứng trước mặt Thế Tôn, chắp tay đảnh lễ Thế Tôn. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Viễn ly là an lạc, Với người biết tri túc, Với người có nghe pháp, Với người có chánh kiến. Không sân giận, ác ý, Là an lạc ở trên đời, .z Ị. Đối hữu tình chúng sanh, Biêt tự chê, ngăn ngừa. Ly tham, vượt các dục, Là an lạc ở đời, Ai nhiếp phục ngã mạn, Đây an lạc tối thượng.2526

§2. KINH VUA (Rậịasuttaỹ6 (Ud. 10) 12. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika.

24 Tham chiếu: Vin. I. Ị; Xuất diệu kinh Lạc pham', (T.04. 0212.31. 0153aỉoỵ Pháp tập yếu tụng kinh “Lạc phẩm>,(T.04. 0213.3d 0794al6). 25 Bài kệ này được đề cập trong PC. 129. 26 Xẹm Netti. 128, Sãsanapatịhãna {Sự hình thạnh giáo pháp)', Pe.23, Sãsanapatthãnadutiyabhũmi (Phần thứ hai về Sự hình thành giáo pháp); Xuất diệu kinh uLgc phẩm"(7.04. 0212.31. Ò753al0); Pháp tập yểu tụng kinh tlLạc phấm” (r.04. 0213.30794al6).

LÚC bấy giờ, nhiều vị Tỷ-kheo, sau khi đi khất thực, ăn xong, trởf về, ngồi họp tại hội trường, và câu chuyện này được khỏi lên: 4tNày chư Hiền, giữa hai vị vua này, Vua Seniya Bimbisãra ở Magadha và Vua Pasenadi ở xứ Kosala, ai giàu có hơn, ai tài sản lớn hơn, ai kho tàng lớn hơn, ai quốc độ lớn hơn, ai xe cộ lớn hơn, ai sức mạnh lớn hơn, ai thần lực lớn hơn, ai uy lực lớn hơn?^, Rồi câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo ấy chưa được chấm dứt. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến hội trường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, ở đây, nay các ông ngồi hội họp với câu chuyện gì? Và câu chuyện gì giữa chừng chưa chấm dứt giữa các ông? Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sau khi đi khất thực, ăn xong, trở về... câu chuyện này được khởi lên... ai uy lực lớn hơn? Câu chuyện này giữa chúng con, bạch Thế Tôn, chưa được chấm dứt thời Thế Tôn đã đến. —Này các Tỷ-kheo, thật không thích đáng cho các ông, những thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, tìr bỏ gia đình, sống không gia đình, lại nói câu chuyện như vậy. Này các Tỷ-kheo, khi các ông hội họp với nhau, có hai việc cần phải làm: Đàm luận về Chánh pháp hay giữ sự im lặng của bậc Thánh.2728 Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Dục lạc gì ở đời, Kể cả thiên lạc này, Không băng phân mười sáu, Lạc do ái đoạn diệt.

§3. KINH CÂY GẬY (Dandasutta)23 (Ud. 11) 13. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. LÚC bây giờ, giữa Sãvatthi và Jetavana, một sô đông đứa trẻ đang hành hạ con rắn với cây gậy. Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sãvatthi để khất thực. Thế Tôn thấy giữa Săvatthi và Jetavana, nhiều đứa trẻ đang hành hạ con rắn với cây gậy. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay lúc ấy nói lên lời cảm hứng này: Ai làm hại với trượng, Kẻ tìm lạc cho mình, Người ấy sau khi chết, Không tìm được an lạc.

27 XemUd. III. 8; M. I. 161; s. II. 273. Chú giải giải thích là sự im lặng của chỉ và quán, thiền thứ hai hay thiền thứ tư. 28 Xem Dh. V. 131; Phập củ"Dao trượng phẩm,, (T.Q4. 0210.18. 565a29); Xuất diệukịn^Lạc phẩm” (T.04. 0212.31. 0753al0);
Pháp tậpyểu tụng kinh uLạc pham,, r04. 0213.30. 0794al6).

PHẬT Tự THUYẾT 115

Đối chúng sanh muốn lạc, Ai không hại với trượng, Kẻ tìm lạc cho mình, Đời sau tìm được lạc.

(Ud. 12)
§4. KINH TÔN KÍNH (Sakkãrasutta)2930
14. Như vầy tôi nghe.
Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika.
Lúc bấy giờ, Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, tôn kính,
A r 9 t
nhận được các vật dụng như y, đô ăn khất thực, sàng tọa, dược phâm trị bệnh. Chúng Tăng cũng được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đô ăn khất thực, sàng tọa, dược phâm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo

không được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, tôn kính, không nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Các du sĩ ấy không kham nhẫn được sự việc Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo được kính trọng. Khi nào gặp các Tỷ-kheo ở làng và ở trong rừng, họ dùng những lời nói không tốt lành, thô ác, mắng nhiếc, phỉ báng, công kích, não hại các Tỷ-kheo. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn được cung kính, tôn trọng... dược phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, tôn trọng... dược phẩm trị bệnh. Nhung các du sĩ ngoại đạo không được cung kính, tôn trọng... dược phẩm trị bệnh. Rồi bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo ấy không kham nhẫn được sự việc Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo được kính trọng... não hại các Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này: Giữa làng, tại núi rừng, Cảm thọ khổ và lạc, Chớ quy về tự mình, Chớ quy vê người khác. Các xúc được cảm thọ, Là do duyên sanh y, Với vị không sanh y,3° Do đâu xúc, cảm thọ.

§5. KINH CƯ SĨ NAM (Upãsakasutta)31 (Ud. 13) 15. Nhu vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anăthapindika. Lúc bấy giờ, một nam cư sĩ tên là Icchãnangalaka32 đi đến Sãvatthi vì một vài

29 Xem Ud. 43; Pháp tập yếu tụng kinh "Lạc phm” (7.04. 0213.30. 0794al6). 30 "Sanh y” chỉ cho 5 thủ uẩn, chính 5 thủ uẩn này làm căn bản cho một đời sống khác. 31 Tham chiếụ: Xuất diệu kinh t4Lạc phẩm"(7.04. 0212.31. 0753al0); Pháp tập yếu tụng kinh “Lạc phẩm” (r.04.0213.30794al6). • " 32 Một ngôi làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala. Xem 4 III. 30, 341; V. 325; KS. V. 289.

công việc phải làm. Nam cư sĩ ấy, sau khi làm công việc xong ở Sãvatthi, đi đến rrri_ A rwn ___ ___ 1 • J. A _ jX 2 1 A. f rfi - A • _ A •___ A 1 _ -- _____ Ạ Tzv r• r*
The Ton; sau khi đen, đảnh le The Ton roi ngoi xuong mot ben. The Ton nói với nam cư sĩ ây đang ngôi một bên: Đã lâu roi, này nam cư sĩ, ong tạo nên cơ hội này/3 tức là đên đây. -Bạch Thế Tôn, đã lâu rồi, con muốn yết kiến Thế Tôn. Nhưng con bị bận bịu bởi những công việc phải làm này khác, nên con không thể đi đến yết kiến Thế Tôn được. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Ai lão luyện33 Chánh pháp, 3435 Được nghe nhiều Chánh pháp, Không xem bất cứ gì, Là an lạc của mình, Hãy xem, não hại thay! Những ai có sở hữu,35 Khiến cho con người này, Bị trói buộc người khác.

§6. KINH PHỤ NỮ CÓ THAI (Gabbhinĩsutta)36 ạjd. 13)

16. Như vây tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika.

Lúc bấy giờ, thanh nữ trẻ Bà-la-môn, vợ của một du sĩ có thai sắp sinh. Vợ của du sĩ ây nói với du sĩ:

Này Bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về, tôi cần dùng khi sanh con!

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo nói với nữ du sĩ:

Ở đâu, ta có thể đem dầu về cho nàng?
Lần thứ hai, nữ du sĩ nói với du sĩ:
Này Bà-la-môn, hãy đi và đem dâu vê, tôi cân dùng khi sanh con!
Lần thứ hai, du sĩ nói với nữ du sĩ:
—Ở đâu, ta có thể đem dầu về cho nàng?
Lần thứ ba, nữ du sĩ nói với du sĩ:
Này Bà-la-môn, hãy đi và đem dâu vê, tôi cân dùng khi sanh con!

Lúc bấy giờ, tại một kho của Vua Pasenadi nước Kosala, một Sa-môn hay Bà-la-môn có thê uông bơ hay dâu cho đên thỏa thích, nhưng không được mang đi. Người du sĩ ấy suy nghĩ: "Tại một kho của Vua Pasenadi nước Kosala... không được mang đi. Vậy ta hãy đi đến nhà kho của Vua Pasenadi nước Kosala, uống dầu cho đến thỏa thích, sau khi về đến nhà, mửa dầu ấy ra

33 XeinZ). I. 179.
34 Xem s. II. 47; IV. 210. Chú giải giải thích là bậc A-la-hán.
35 Sakincana chỉ cho những tâm bất thiện tham, sân, si.
36 Xem s. III. 202; J. I. 151; Vin. II. 268.

và ta cho nữ du sĩ dùng khi sanh con." Rồi du sĩ ấy đi đến nhà kho của Vua Pasenadi nước Kosala, uống dầu cho đến thỏa thích, sau khi về nhà không có thê mửa lên hay mửa xuông, có cảm thọ khô đau, nhói đau, khôc liệt, thông khổ, lăn lộn qua lại. Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực. Thế Tôn thấy người du sĩ ấy cảm thọ khổ đau, nhói đau khốc liệt, thống khổ, lăn lộn qua lại. Thê Tôn, sau khi hiêu biêt ý nghĩa này, ngay trong lúc ây, nói lên lời cảm hứng: An lạc thay là người, Không có gì sở hữu! Người chánh trí hiểu biết,3738 Không có gì sở hữu, Hãy xem, não hại thay! Những ai có sở hữu, Khiến cho con người này, Bị trói buộc người khác.

§7. KINH CON TRAI Độc NHẤT (Ekaputtakasutta)^ (Ud. 14) 17. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, con trai độc nhất của một nam cư sĩ, khả ái, đáng yêu bị mạng chung. Rồi nhiều nam cư sĩ với áo đẫm ướt, với tóc đẫm ướt, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các cư sĩ ấy đang ngồi một bên: -Này các cư sĩ, sao các ông với áo đẫm ướt, với tóc đẫm ướt, lại đến đây trong lúc quá sớm như vậy? Khi được nói vậy, người cư sĩ ây thưa với Thê Tôn: -Bạch Thế Tôn, người con trai độc nhất của con, khả ái, khả ý đã mạng chung. Do vậy, chúng con với áo đẫm ướt, với tóc đẫm ướt, đã đến đây trong lúc quá sớm! Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Bị khả ái, dễ thương, Trói buộc và chi phối, Rất nhiều chư thiên chúng, Và nhiều hạng con người, Đau khô và héo mòn, Bị thần chết nhiếp phục. Ngày đêm không phóng dật, Từ bỏ dung sắc đẹp, Vị ấy đào gốc kho, Mồi nhử của Ác ma, Thật khó vượt qua được!

37 Vedagụ, theo Chủ giải, là người đã thành tựu trí tuệ của bậc Thánh hay nói cách khác là đã chứng được NĨết-bàn. 38 Tham chiếu: Xuất dieukinh 424iem phẩm,, (T.04. 0212.6. 0649a06); Pháp tập yếu tụng kinh “Ai lạc phẩm” (r.04. 0213.5. 0779c23).

§8. KINH SUPPAVÃSÃ (Suppavãsăsutta)39 ajd. 15) 18. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Kundiya,40 trong rừng Kunditthana.41 Lúc bấy giờ, Suppavãsã, con gái của vua xứ Koliya, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Dầu nàng cảm giác những cảm thọ khổ đau, nhức nhối khốc liệt, thống khổ, nàng vẫn duy trì ba niệm: “Thế Tôn thật là bậc Chánh Đẳng Giác, Ngài thuyết pháp để đoạn tận đau khổ này. Chwig đệ tử của bậc Thế Tôn ấy thật khéo hành trì, họ hành trì để đoạn tận đau khổ này. Thật sự an lạc là Niết-bàn, tại đây khổ đau này không có mặt.,, Rồi Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya gọi người chồng của mình: -Này phu quân, hãy đi đến Thế Tôn! Sau khi đến, nhân danh tôi, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh ít não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú và thưa: "Bạch Thế Tôn, Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh ít não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú." Rồi hãy nói như sau: "Bạch Thế Tôn, Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Dầu nàng cảm giác những cảm thọ... tại đây khổ đấu này không có mạt.^, -Thật là tốt lành! Koliyaputta đáp lại Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya, rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Koliyaputta bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn... lạc trú... tại đây khổ đau này không có _ “Mong rằng Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya, được an lạc, không bệnh, sanh đứa con không có bệnh hoạn.,^ Với lời nói này của Như Lai, Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya, được an lạc, không bệnh, sanh đứa con trai không bệnh. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Koliyaputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi trở về nhà của mình. Koliyaputta thấy Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya được an lạc, không bệnh, sanh đứa con trai không bệnh; thấy vậy liền suy nghĩ như sau: "That vi diệu thay, thật hy hữu thay thần lực và đại uy lực của Thế Tôn, khiến cho Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya này, với lời nói của Thế Tôn, được an lạc, không bệnh, sanh con trai

39 Xem J. I. 419. Asãtarữpạiặtaka {Chuyện sắc thân bất lạc)\ Pháp cú kinh llThế tục phẩm" (T.04. 0210.21, 0566al9); Phấp cú thỉ dụ kịnhỹìẩ tục phẩm” '(T.QĨ. Õ211.21. 0594a04);"m” (r.04. 0212.6. 0649a06); Pháp tạp yếu Mg "Ailạcph*m” ' àả (T.04. 0213.5. 0779c23). 40 Một thị tứ cùa dân chúng Koliya. 41 Bản PTS và Thái Lan viết Kunditthanavana. Bản CST viết Kundadhãnavana. Xem DhA. IV. 192; J. I. 407.

không benh!" Nghĩ vậy, Koliyaputta hoan hỷ, thích thú, tâm sanh hỷ lạc. Rồi Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya, bảo người chồng mình: Hãy đi, này phu quân, hãy

đi đến Thế Toil! Sau khi đến, nhân danh tôi, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa: "B@ch Thế Tôn, Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Nàng được an lạc, không bệnh và sanh đứa con trai không bệnh. Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo dùng cơm trong bảy ngày. Mong Thế Tôn hãy nhận lời thọ bảy bữa cơm của Suppavãsã với chúng Ty-kheo!,? -Thật là tốt lành! Koliyaputta đáp lại Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Koliyaputta bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và nói như sau: MSuppavãsã, có thai đến bảy năm... đau đẻ đến ngày thứ bảy. Nay nàng được an lạc, không bệnh và sanh đứa con trai không bệnh. Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo... với chúng Tỷ-kheo!,> Lúc bấy giờ, một nam cư sĩ khác đã mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là vị dẫn đầu, ngày mai dùng cơm, người cư sĩ ấy là người hộ trì cho Tôn giả Mahãmoggallãna. Rồi The Tôn nói với Tôn giả Mahãmoggallãna: -Này Moggallãna, hãy đến người cư sĩ! Sau khi đến, nói với người cư sĩ ấy như sau: t4Này Hiền giả, Suppavãsã con gái của vua xứ Koliya... có thai đến bảy năm... đến ngày thứ bảy. Nay nàng được an lạc... Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo... với chúng Tỷ-kheo. Hãy để cho Suppavãsă tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ đến lượt 6ng! “ - Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Tôn giả Mahãmoggallãna vâng đáp Thế Tôn, rồi đi đến người cư sĩ ấy; sau khi đến, nói với người cư sĩ: -Này Hiên giả, Suppavãsã... Hãy đê cho Suppavãsã, con của vua xứ Koliya, tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ đến phiên ông! -Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm cho con ba pháp về tài sản, về thọ mạng, về lòng tin, hãy để cho Suppavãsã, con gái của vua xứ Koliya, tổ chức bảy ngày cơm trước, rồi sau đến phiên con. Này Hiên giả, vê hai pháp, ta sẽ bảo đảm cho ông, vê tài sản và vê thọ mạng. Còn về lòng tin, thời ông phải tự bảo đảm. Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm cho con hai pháp, về tài sản và về thọ mạng, hãy để cho Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya, tổ chức bảy ngày cơm trước, rồi sau sẽ đến phiên con! Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna, sau khi thuyết phục được người cư sĩ ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, bạch Thế Tôn:

-Bạch Thế Tôn, cư sĩ ấy đã được con thuyết phục. Hãy để cho Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya, tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ đến phiên người cư SĨ ây! Rôi Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya, trong bảy ngày mời chúng Tỷ-kheo, với Thế Tôn là bậc dẫn đầu, tự tay mời và làm cho thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm; rồi khiến cho đứa trẻ đảnh lễ Thế Tôn và toàn thể chúng Tỷ-kheo. Rồi Tôn giả Sãriputta nói với đứa trẻ: -Này con, con có kham nhẫn được không? Con có nuôi sống được không? Con có đau khổ gì không? - Thưa Tôn giả, từ đâu con có thể kham nhẫn? Từ đâu con có thể nuôi sống? Từ đâu con không có đau khổ? Con đã sống bảy năm trong cái ghè đầy máu. Rồi Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya, nghĩ rằng: "Con ta đang nói chuyện với vị Tướng quân Chánh phíp," nàng hoan hỷ, tín thọ với tâm hỷ lạc. Rôi Thê Tôn nói với Suppavãsã, con gái vua xứ Koliya: -Này Suppavãsã, con có muôn một người con trai khác như vậy không? -Bạch Thê Tôn, con muôn có bảy người con trai như vậy! Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Không vui giả dạng vui, Không ái giả dạng ái, Khổ đau giả dạng lạc, Nhiếp phục kẻ phóng dật.42

§9. KINH VISĀKHĀ (Vỉsākhāsuttà)43 ạjd. 18) 19. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Đông Viên, ngôi lầu của mẹ Migāra.44 Lúc bấy giờ, mẹ Migāra có công việc liên hệ đến Vua Pasenadi nước Kosala. Vua Pasenadi nước Kosala chưa có quyết định về việc ấy. Rồi Vỉsākhā, mẹ của Migāra, vào buổi sáng sớm, đi đến The Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Visākhā, mẹ của Migāra, đang ngồi một bên: Này Visākhā, bà từ đâu đi đến sớm như vậy? Bạch Thê Tôn, con có công việc liên hệ đên Vua Pasenadi nước Kosala... về việc ấy. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Mọi tùng thuộc là khô, Mọi chủ quyên là lạc, Chung dùng làm não hại, Trói buộc khó vượt qua.

42 XemDhA.W. 192; Thag. V. 60; J. I. 100. 43 Tham chiếụ: Xuất diệu kinh ílLạc phẩm"(T.04. 0212.31. 0753al0); Pháp tập yếu tụng “Lạc phẩm”04. 0213.30794al6). 44 XemKS V. 197,241; GS. n. 191 (chú thích).

PHẬT Tự THUYẾT 121

§10. KINH BHADDIYA (Bhaddiyasuttà)45 (ưd. 18) 20. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Anupiyã, tại rừng xoài. Lúc bấy giờ, Tôn giả Bhaddiya, con của KāḶĩgodhã đi đên khu rừng, đi đên gôc cây, đi đến ngôi nhà trống, thường hay nói lên lời cảm hứng: "Oi, an lạc thay! Oi, an lạc thay!" Một số đông Tỷ-kheo nghe Tôn giả Bhaddiya, con cùa KãḶĩgodhã đi đên khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, thường nói lên lời cảm hứng: uÔi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!" Nghe vậy, các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: “Khang gì nghi ngờ, chư Hiền, Tôn giả Bhaddiya, con của KãḶĩgodhã sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, vì trước kia còn ở gia đình được huởng an lạc nhà vua, vì Tôn giả nhớ đến an lạc ấy, nên khi đến khu rừng, hay đi đen gốc cây... thường nói lên lời cảm hứng: uÔi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!,, Rồi một so đông Tỷ- kheo đi đen The Tôn; sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn rôi ngôi xuông một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bhaddiya, con của KãḶĩgodhã, khi đi đến khu rừng... nói lên lời cảm hứng: "Oi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!"... không có nghi ngờ gì nữa... sống Phạm hạnh không có hoan hỷ... í4Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!” Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo: -Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, nói với Bhaddiya, con của KãḶĩgodhã: “Thua Hiền giả, bậc Đạo sư gọi Hiền giả." -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Bhaddiya, con của KãḶĩgodhã: Thưa Hiên giả, bậc Đạo sư gọi Hiên giả. -Thưa vâng, Hiền giả. Tôn giả Bhaddiya, con của KãḶĩgodhã, vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đen? đảnh lê Thê Tôn roi ngôi xuông một ben. Thê Tôn nói với Tôn giả Bhaddiya, con của KãḶĩgodhã, đang ngồi một bên: -Có thật chăng, này Bhaddiya, ông đi đên khu rừng... "Oi, an lạc thay! Oi, an lạc thay!”? Thưa vâng, bạch Thế Tôn. -Do thây mục đích gì, đi đên khu rừng... "Oi, an lạc thay! Oi, an lạc thay!"? Bạch Thế Tôn, thuở trước, khi còn ở trong gia đình, được hưởng an lạc nhà vua, trong nội cung có đặt người khéo bảo vệ, ngoài nội cung có đặt người khéo bảo vệ; trong thành có đặt người khéo bảo vệ, ngoài thành có đặt người khéo bảo vệ; trong nước cũng có đặt người khéo bảo vệ, ngoài nước cũng có đặt

45 Xem Sn. 1, Uragasutta (Kinh Rắn),, Vin. II. \ĩíồ'%Xuất diệu kinh "'Lạc phẩm"(T.04. 0212.31. 0753al 0)?Pháp tạp yếu tụng kinh “Lạcpm” (T.04. 0213.30. 0794al6).

người khéo bảo vệ. Bạch Thế Tôn, con được bảo vệ phòng giữ như vậy, nhưng con vẫn sống sợ hãi, hồi hộp, run sợ, hoảng sợ. Nhưng nay con đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đến ngôi nhà trống, con sống một mình, con sống không sợ hãi, không hồi hộp, không run sợ, không hoảng sợ, không rộn ràng, không hốt hoảng, lắng dịu, nhẹ nhàng, tâm như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, do thấy mục đích như vậy, nên con khi đi đến khu rừng... con nói lên lời cảm hứng: "0i, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!" Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Với ai, trong nội tâm, Không có lòng phẫn nộ, Vượt qua hữu, phi hữu, Vị ấy thoát sợ hãi, An lạc, không sầu muộn, Chư thiên không thấy được.

ị>

ni. PHẨM NANDA (NANDAVAGGA)

§1. KINH KẾT QUẢ CỦA NGHIỆP (Kammavipãkạịasutta)4647 (Ud. 21) 21. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bẩy giờ, một Tỷ-kheo ngồi không xa Thế Tôn, ngồi kiết- già, lưng thẳng, chịu đựng sự đau đớn, kết quả của nghiệp về trước, nhói đau, cực khổ, thống khổ, chánh niệm, tỉnh giác, không có sầu não. The Tôn nhìn tnay vị Ty-kheo nay ngoi khong xa The Ton... knong co sầu não. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng: Tỷ-kheo bỏ mọi nghiệp, Tẩy sạch bụi làm trước, An trú không ngã sở, Không cân nói với người.

§2. KINH NANDA (Nandasutta)41 (Ud. 21) 22. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. LÚC bây giờ, Tôn giả Nanda, em của Thê Tôn, con của người dì, nói như sau với nhiều Tỷ-kheo: “Này các Hiền giả, tôi sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, tôi không chịu nổi đời sống Phạm hạnh; sau khi bỏ học tập, tôi sẽ hoàn tục.” Một Tỷ-kheo khác đi đen The Tôn; sau khi đen, đanh le The Ton roi ngồi xuông một bên. Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda, em của Thế Tôn, con của người dì, nói như sau: "... tôi sẽ hoàn tục." Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo: -Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta bảo Tỷ-kheo Nanda: "Hiền giả Nanda, bậc Đạo sư gọi Hiền gia." - Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

46 Tham chiếu: Xuất diệu kinh ^a-rnon pham,, (T.04. 0212.33. 0164cỉ5y,Pháp tậpyếu tụng kinh uBật-sô phẩm,, (T.04. 0213.32. 0796b 16). 47 Tham chiếu: Miln.167, VatthaguyhanidassanapanhoJjCau hỏivềyiệc biểu lộ vật được che giấu sau lớp vải); Pháp tập yểu tụng kinh^ẻật-sô phẩm” (r.04. 0213.32. 0796b 16).

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Nanda; sau khi đến, nói với Tôn giả Nanda: -Hiền giả Nanda, bậc Đạo sư gọi Hiền giả! -Thưa vâng, Hiền giả. Tôn giả Nanda

vâng đáp vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thể Tôn rồi ngồi xuong một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Nanda đang ngồi một bên: Có thật chăng, này Nanda, ông nói như sau với nhiều Tỷ-kheo: "Này các Hiền giả, tôi sống Phạm hạnh không có hoan hỷ... tôi sẽ hoàn tục?" Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Nhưng này, không hoan hỷ cái gì, ông sông Phạm hạnh, khiên ông không chịu nổi sống Phạm hạnh, từ bỏ học tập, ông sẽ hoàn tục? Bạch Thế Tôn, khi con từ bỏ gia đình, một Thích-ca nữ, cô gái đẹp trong nước, với tóc chải mới nửa phần ngó nhìn con và nói: t4Quý tử (ayyaputtà) hãy về gấp!" Bạch Thế Tôn, vì con không thể quên nàng nên con sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, con không thể chịu nổi đời sống Phạm hạnh; sau khi từ bỏ học tập, con sẽ hoàn tục. Rồi Thế Tôn cầm cánh tay Tôn giả Nanda, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất ở Jetavana và hiện ra tại cõi trời Ba Mươi Ba. Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm thiên nữ đi đến để hầu hạ Thiên chủ Sakka, và họ được gọi là "c6 chân như chân chim bồ câu." Lúc bấy giờ, Thê Tôn bảo Tôn giả Nanda: -Này Nanda, ông có thấy năm trăm thiên nữ này có chân như chân chim bồ câu không? -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. -Này Nanda, ông nghĩ thế nào, ai đẹp đẽ hơn, hay ai đáng ưa nhìn hơn, hay ai khả ái hơn, Thích-ca nữ, cô gái đẹp trong nước, hay năm trăm thiên nữ có chân như chân chim bồ câu này? -Bạch Thế Tôn, ví như một con khỉ cái bị thương, tai mũi bị chặt đứt, cũng vậy, là Thích-ca nữ, cô gái đẹp trong nước, nếu đem so sánh với năm trăm thiên nữ có chân như chân chim bồ câu này; không thê ước lường so sánh, không bằng một phần nhỏ, không thể so sánh với họ; năm trâm thiên nữ này đẹp hơn, dáng ưa nhìn hơn, khả ái hơn. -Hãy hoan hỷ, này Nanda! Hãy hoan hỷ, này Nanda! Ta đền cho ông năm trăm thiên nữ có chân như chân chim bồ câu ấy. -Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đền cho con năm trăm thiên nữ có chân như chân chim bồ câu, thời bạch Thế Tôn, con sẽ sống hoan hỷ trong đời sống Phạm hạnh. Rồi Thế Tôn cầm cánh tay của Tôn giả Nanda, như người lực sĩ... đang duỗi ra, như vậy biến mất ở cõi trời Ba Mươi Ba, hiện ra ở Jetavana.

PHẬT Tự THUYẾT > 125

Các Tỷ-kheo được nghe: "T6n giả Nanda, em Thế Tôn, con của bà dì, sống Phạm hạnh vì mục đích thiên nữ. Thế Tôn có hứa đền cho năm trăm thiên nữ với chân như chân chim bồ c2u." Rồi các Tỷ-kheo bạn của Tôn giả Nanda, gọi Tôn giả Nanda là người làm thuê, là ngưòd buôn bán: "T6n giả Nanda là người làm thuê, Tôn giả Nanda là người buôn bán. Vì mục đích thiên nữ, Tôn giả Nanda sống Phạm hạnh. Thế Tôn có hứa đền cho năm trăm thiên nữ có chân như chân chim bồ câu!" Rồi Tôn giả Nanda bị bực phiền, tủi nhục, chán ngấy bởi bị gọi là người làm thuê, là người buôn bán; sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, tự tin; khônẹ bao lâu, vì mục đích mà thiện nam tử chon chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, Tôn giả tự mình thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ấy ngay trong hiện tại. Tôn giả rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Tôn giả Nanda đã trở thành một vị A-la-hán. Rồi một thiên nhân, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên nhân ấy bạch Thế Tôn: - Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda, con trai của bà dì, do

đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lạu tâm giải thoát, Tuẹ giải thoát. Trí khởi lên nơi Thê Tôn: "Nanda, do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.,, Rồi Tôn giả Nanda, sau khi đêm ấy đã mãn, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Nanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có hứa đền cho con năm trăm thiên nữ với chân như chân chim bồ câu. Bạch Thế Tôn, con xin giải tỏa cho Thế Tôn lời hứa 4. Ầ Ễ đen ây. -Này Nanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của ông: “Nanda, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.Lại nữa, một thiên nhân có báo cho Ta tin ấy: CÍBạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda, con trai của bà dì, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Vì ràng, này Nanda, tâm của ông được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ, nên Ta được giải thoát khối lơi hứa này. Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, chính trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này: Ai vượt khỏi bùn này, Đè bẹp gai của dục, Đạt được si đoạn diệt, Vị Tỷ-kheo như vậy, Không cảm thọ khổ lạc.

126 A KINH TIỀU Bộ

§3. KINH YASOJA (Yasojasutta)^ ajd. 24) 23. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thê Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Tỷ-kheo do Yasoja dẫn đầu, đã đến Sãvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến ấy, trong khi chào thăm các Tỷ-kheo sở tại, sắp đặt sàng tọa, sửa soạn y bát, gây tiếng ồn ào to lớn. Thế Tôn bảo Tôn giả Ãnanda: -Này Ãnanda, tiếng ồn ào to lớn này là gì, như các người đánh cá cướp giật cá? -Bạch Thế Tôn, có năm trăm Tỷ-kheo này, dẫn đầu là Yasoja, đã đến Sãvatthi de yet kien The Ton. Cac Ty-kneo mới aen ay... gay nen tieng on ao to lớn. -Này Ãnanda, hãy nhân danh Ta nói với các Tỷ-kheo ấy: "'Bậc Đạo sư gọi các Tôn giả." -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ãnanda vâng đáp Thế Tôn, đi đến các Tỷ-kheo ấy; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo ây: -Bậc Đạo sư gọi các Tôn giả! -Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ãnanda, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh le The Ton roi ngoi xuong một ben. The Ton nói với cac Ty-kheo ay đang ngồi một bên: -Này các Tỷ-kheo, tiếng ồn ào to lớn này là gì, như các người đánh cá cướp giật cá? Tôn giả Yasoja bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, có năm trăm Tỷ-kheo này đã đến Sãvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến này... gây nên tiếng ồn ào to lớn. -Này các Tỷ-kheo, hãy đi đi! Ta đuổi các ông, các ông không xứng đáng được sông gân Ta! -Thưa vâng! Bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân hữu hướng vê Ngài, dọn dẹp sàng tọa, câm lây y bát, đi đên dân chúng Vạjjĩ, tiêp tục bộ hành giữa dân chúng Vạjjĩ rôi đi đên con sông Vaggumudã; sau khi đên, dựng lên chòi lá trên bờ sông Vaggumudã, an cư mùa mưa tại chô ấy. Rồi Tôn giả Yasoja, sửa soạn an cư, bảo các Tỷ-kheo:

48 Tham chiếu: M. I. 456, Cãtumasutta (Kinh CậtumS), số 67; Xuất diệụ kỉnh ^Sa-mon phẩm" (r.04. 0212.33. 0764C15); Phấp tập yếu tụng kinh uBật-sô pbẩm”

(r04 0213.32. 0796b 16).

PHẬT Tự THUYẾT^ 127

Thưa các Hiền giả, Thế Tôn đuổi chúng ta vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng ta, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với chúng ta. Này chư Hiền, chúng ta hãy sống cho thật đúng pháp, chúng ta sống như thế nào để Thế Tôn có thể hoan hỷ! Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo vâng đáp Tôn giả Yasoja. Rồi các Tỷ-kheo ấy sống viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cân, và trong thời gian an cư, tât cả đêu chứng ngộ Ba minh. Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Sãvatthi cho đến khi vừa ý thì bộ hành đi Vesãli. Cứ đi như vậy, sau cùng Ngài đến Vesãli. Tại đấy, Thế Tôn trú ở Đại Lâm, tại ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn, với tâm của mình tác ý đến tâm các Tỷ- kheo ở trên bờ sông Vàggumudã, gọi Tôn giả Ãnanda: "Nhu có hào quang, này Ãnanda, là phương ấy; như có ánh sáng, này Ãnanda, là phương ấy. Tại phương ây, các Tỷ-kheo đang sông trên bờ sông Vaggumudã. Thật là không nhàm chán cho Ta nếu được đi và tác ý đến phương ấy. Này Ãnanda, hãy gửi một sứ giả đến các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudã và nói: 'Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả. Bậc Đạo sư muốn gặp các Ton giả.^,, - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ãnanda vâng đáp Thế Tôn, đi đến một Tỷ-kheo; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo ấy: -Hãy đi, này Hiền giả, hãy đi đến các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudã; sau khi đên, nói với các Tỷ-kheo ây như sau: 4tBậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả. Bậc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả." _ Thưa vâng, Hiền giả. Vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ãnanda, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, vị ấy biến mất ở ngôi nhà có nóc nhọn tại Đại Lâm và hiện ra trước măt các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudã. Rôi Tỷ-kheo ây nói với các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudã: -Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả. Bậc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả. -Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo vâng đáp vị Tỷ-kheo ây, sau khi dọn dẹp sàng tọa, câm y bát, ví như một nhà lực sĩ... co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, các Tỷ-kheo ấy biên mât ở trên bờ sông Vaggumudã, và hiện ra ở Đại Lâm, tại ngôi nhà có nóc nhọn, trước mặt Thế Tôn. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi trong thiền định bất động.49 Các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: “Nay Thế Tôn đang an trú trong loại an trú nào?,, Rôi các Tỷ-kheo ây suy nghĩ: "The Tôn nay đang an trú trong loại an trú bất d0ng." Và tất cả các Tỷ-kheo ấy ngồi xuống trong định bất động.

49 Chú giải giải thích là định do thiền thứ tư tăng thịnh.

128 KINH TIỂU Bộ

Tôn giả Ãnanda, khi đêm đã gần mãn, canh một đã gần qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn: -Đêm đã gân mãn, canh một đã gân qua, các Tỷ-kheo mới đên ngôi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến! Được nghe nói vậy, Thê Tôn giữ im lặng. Lân thứ hai, Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gân mãn, canh giữa đã gân qua, từ chô ngôi đứng dậy, đăp y vào một bên vai, chap tay hướng đen The Ton và bạch The Ton: -Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh giữa đã gần qua, các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến! Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng. Lần

thứ ba, Tôn giả Ãnanda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, rạng đông đã ló dạng, đêm đã có bộ mặt hoan hỷ,50 từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, rạng đông đã ló dạng, đêm đã có bộ mặt hoan hỷ, các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu... Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến! Rồi Thế Tôn xuất khỏi định ấy, bảo Tôn giả Ảnanda: -Nếu ông có hiểu biết, này Ãnanda, ông sẽ không nói như vậy. Này Ãnanda, Ta và năm trăm Tỷ-kheo này, tất cả đang nhập định bất động. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Ai đã thắng gai dục, Mắng, gia hại, trói buộc, Vị ây đứng bât động, Như núi vững an trú, Vị Tỷ-kheo như vầy, Lạc khổ không dao động.

§4. KINH SÃRIPUTTA (Sãriputtasuttà)51 ạjd. 27) 24. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tônìií ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sãriputta ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt. Thế Tôn thấy Tôn giả Sãriputta ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, limg thẳng, đặt niệm trước mặt. Rồi Thế Tôn, sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Như ngọn núi bằng đá, Không động, khéo an trú, Cũng vậy vị Tỷ-kheo, Đoạn diệt được ngu si, Như ngọn núi băng đá, Không có bị dao động.

50 Nandimukhỉyã rattiyã: Được rạng đông chói sáng, bóng tối đang tan biến dần. 51 Tham chiếu: Thag.N. 645, 981Xí diệu kinh 4Sa5n0n ph^i2 (04. 0212.33. 0764cl5); Pháp tập yếu tụng kinh 44Bật-sô phẩm"(r.04.021332.0796bl6).

PHẬT Tự THUYẾT 129

§5. KINH MAHÃMOGGALLÃNA (Mahãmoggallãnasuttà)52 ạjd. 27) 25. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. LÚC bây giờ, Tôn giả Mahãmoggallãna ngôi không xa Thê Tôn bao nhiêu, ngôi kiết-già, limg thẳng, nội tâm khéo an trú thân hành niệm. Thế Tôn thấy Tôn giả Mahãmoggallãna ngôi không xa bao nhiêu, ngôi kiêt-già, lưng thăng, nội tâm khéo an trú thân hành niệm. Rồi Thế Tôn, sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Thân hành niệm an lập, Sáu xúc xứ chế ngự, Tỷ-kheo thường thiền định, Tự chứng tri Niết-bàn.

§6. KINH PILINDAVACCHA (Pilỉndavacchasuttà)53 (Ud. 28) 26. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thê Tôn trú ở Rặjagaha, tại VèỊuvana, chô nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Pilindavaccha thường hay gọi Tỷ-kheo với danh từ bần tiện.54 Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, Tôn giả Pilindavaccha thường hay gọi các Tỷ-kheo với danh từ bần tiện. Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo: Hãy đi, này Tỷ-kheo, và nhân danh Ta, bảo Tỷ-kheo Pilindavaccha: uNày

Hiền giả Pilindavaccha, bậc Đạo sư gọi Hiền giA."

-Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thể Tôn, đi đến Tôn giả Pilindavaccha; sau khi đến, nói với Pilindavaccha:

Này Hiên giả Pilindavaccha, bậc Đạo sư gọi Hiên giả.

-Thưa vâng, Hiền giả. Tôn giả Pilindavaccha vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Pilindavaccha đang ngồi một bên:

52 Tham chiếu: Pe. 1; Pháp cú kinh^Đuy niệm phẩm,5 (T.04. 0210.6. 0561al6); Xuất diệu kinh "Duy ỊŨỆỊII ẸậiẸ1' ttys(T.04. 0212.16. 0698b06); Pháp tập yêu tụng kinh 4ÍỨC niệm phẩm5> (T.04. 0213.15. 0784b 14). Bản dịch củạ Sujato ỉà uThe Discourse about Kolita {Kỉnh về Kolità)y Bản dịch của Rhys Davids không có tựa đề. 53 Tham chiếu: Sn. 79; Pe. 1;M'¥"(T.04.0212.34.0768CỈ4); Pháp tập yếu tụng kỉnh "Pliạm chí phẩm" •(r.04. 0213.33. 0798a01). 54 Nguyen bản Pãli: Vasalavãdena samudãcarati, nghĩa là đối xử như với người hạ tiện. Bản tiếng Anh của PTS: Calling them menials^, nghĩa làgọí họ với danh từ "dầy tớ."

CÓ thật chăng, này Vaccha, ông thường gọi các Tỷ-kheo với danh từ bần tiện? - Thưa có, bạch Thế Tôn. Rồi Thế Tôn, sau khi tác ý đến đời sống trước của Pilindavaccha, liền bảo các Tỷ-kheo: -Này, các Tỷ-kheo, chớ có bực phiên với Tỷ-kheo Pilindavaccha. Này các Tỷ-kheo, không phải vì trong lòng có sân hận mà Vaccha thường gọi các Tỷ- kheo với danh từ bần tiện. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Vaccha trong năm trăm năm nối tiếp nhau đã sanh trong gia đình Bà-la-môn, danh từ bần tiện đã lâu ngày được chứa chấp trong vị ấy. Do vậy, Vàccha thường gọi Tỷ-kheo với danh từ bần tiện. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Trong ai không man trá, Không mạn, tham đoạn tận, Không ngã sở, không dục, Phẫn nộ được trừ diệt, Tự ngã thành mát lạnh, VỊ ấy là Phạm chí, Là Sa-môn, Tỷ-kheo.

§7. KINH CẢM HỨNG CỦA THIÊN CHỦ SAKKA (Sakkudãnasutta)55 (Ud. 29) 27. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Rậjagaha, tại VèỊuvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahãkassapa trú ở hang Pippali, ngồi một thế kiết-già trong bảy ngày, sau khi nhập vào một loại thiền định.56 Rồi Tôn giả Mahãkassapa, sau bảy ngày, xuất khỏi định ấy. Tôn giả Mahãkassapa, sau khi xuất khỏi định ấy, suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi vào Rậịagaha để khất thực!^, Lúc bây giờ, năm trăm chư thiên đang cô găng lo cho Tôn giả Mahãkassapa được đồ ăn khất thực. Rồi Tôn giả Mahãkassapa, sau khi khước từ năm trăm thiên nhân ấy, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Rặjagaha để khất thực. Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka muốn cúng dường đồ ăn khất thực cho Tôn giả Mahãkassapa, hóa thân làm người thợ dệt đang dệt chỉ, khi SiỊĨãtã, người nữ a-tu-la đang làm cho đầy cái thoi. Rồi Tôn giả Mahãkassapa, sau khi đi từng nhà khất thực ở Rặjagaha, đi đến trú xứ của Thiên chủ Sakka. Thiên chủ Sakka thấy Tôn giả Mahãkassapa từ xa đi đến; sau khi thấy, liền ra khỏi nhà, tiếp đón, lấy bát từ nơi tay cầm đem vào nhà, bới cơm từ nơi nồi, đựng đầy bát và đưa lại

55 Tham chiếu: Pháp củkinh <4Sa-môn phm"(T.04. 0210.34. 057lc29); Xuất diệu kinh ^Sa-monpham^tll (T.0402l2.33. 0764cl5); Pháp tập yếu tụng kinh

4<Bạt-sô pham^, (T.04. 0213.32. 0796Ò16). 56 Trong bản Chú giải cho rằng đó là một loại định của A-la-hán quả.

PHẬT Tự THUYẾT 131

cho Tôn giả Mahãkassapa. Đô ăn khât thực ây gôm có nhiêu loại canh, nhiêu loại món ăn, nhiều loại gia vị, món ăn trộn lẫn với nhau. Rồi Tôn giả Mahãkassapa suy nghĩ: "Ai là chúng sanh này, lại có thần lực uy lực như vậy?,, Rồi Tôn giả Mahãkassapa suy nghĩ: "Chính là Thiên chủ Sakka"; sau khi biết vậy, nói với Thiên chủ Sakka: Này Kosiya, chính ông đã làm sự việc này, chớ làm như vậy nữa! —Thưa Tôn giả Kassapa, mục đích của chúng tôi là được phước. Điều chúng tôi cần làm là được phước. Rồi Thiên chủ Sakka, sau khi đảnh lễ Tôn giả Mahãkassapa, thân phía hữu hướng vê Ngài, bay lên trên hư không, và ở giữa hư không nói lên ba lân cảm hứng: "Oi, bo thí tối thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa! Ôi, bố thí tối thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa! Ôi, bố thí tối thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa!" Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, nghe giữa hư không Thiên chủ Sakka nói lên ba lần lời cảm hứng: "Qi, bố thí toi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa! Ổi, bố thí tối thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa! Ôi, bố thí tối thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa!" Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Vị Tỷ-kheo khất thực, Tự sống không nhờ người, Chư thiên mong được vậy, Thường an tịnh, chánh niệm.

§8. KINH NGƯỜI CÓ HẠNH KHẤT THựC (Pindapatikasutta) (Ud. 30) 28. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thê Tồn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo sau bữa ăn, sau khi đi khất thực trở về, ngồi hội họp tại rạp tròn có cây Kareri, và câu chuyện sau đây được khởi lên: 4tTỷ-kheo đi khất thực, thưa các Hiền giả, thỉnh thoảng mắt được thấy sắc khả ái, thỉnh thoảng tai được nghe tiếng khả ái, thỉnh thoảng mũi được ngửi hương khả ái, thỉnh thoảng lưỡi được nếm vị khả ái, thỉnh thoảng thân được cảm giác xúc khả ái. Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo khất thực được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, tôn kính khi đi khất thực. Vậy này chư Hiền, chúng ta hãy là người đi khất thực, thỉnh thoảng măt chúng ta được thây săc khả ái, thỉnh thoảng tai chúng ta được nghe tiếng khả ái, thỉnh thoảng mũi chúng ta được ngửi hương khả ái, thỉnh thoảng lưỡi chúng ta được nếm vị khả ái, thỉnh thoảng thân chúng ta được cảm giác xúc khả ái. Chúng ta cũng được cung kính, tôn trẹ)ng, đảnh lễ, cúng dường, tôn kính khi chúng ta đi khất thực.?, Câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo ây chưa được nói xong, thì Thê Tôn, vào buổi chiều, từ thiền định đứng dậy, đi đến rạp tròn có cây Kareri; sau khi đến, ngòi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngòi, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

132 KINH TIỂU Bộ

Này các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi ở đây nói câu chuyện gì? Và câu chuyện gì giữa các ông chưa được nói xong? Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con khi đi khất thực trở về, sau bữa ăn, chúng con ngồi hội họp tại rạp tròn có cây Kareri, và câu chuyện sau đây được khởi lên giữa chúng con: t4Tỷ-kheo đi khât thực, thưa các Hiên giả, thỉnh thoảng măt được thấy sắc khả ái... chúng ta cũng được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường,

tôn kính khi chúng ta đi khất thỊTC.' Bạch Thế Tôn, đây là câu chuyện giữa chúng con, chưa được nói xong thì Thế Tôn đến. Này các Tỷ-kheo, chuyện này thật không xứng đáng cho các ông, là những thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, khi các ông nói lên câu chuyện như vậy. Khi các ông ngồi hội họp với nhau, này các Tỷ-kheo, có hai công việc cần phải làm: Nói pháp hay giữ im lặng của bậc Thánh. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Vị Tỷ-kheo khất thực, Tự sống không nhờ người, Chư thiên mong được vậy. Nhưng nếu Tỷ-kheo ấy, Y tựa vào danh vọng, Chư thiên không mong muốn.

§9. KINH NGHỀ NGHIỆP (Sippasutta)51 (/. 31) 29. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú tại Sãvatthi, Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, nlúều Tỷ-kheo... (như kinh trên)... câu chuyện này khởi lên: t4Này chư Hiên, ai biết nghề gì? Ai học tập nghề gì? Nghề gì là tối thượng?,, Ở đây, một số người nói như sau: "Huấn luyện voi là nghề tối thượng.Một sô người nói như sau: "Huân luyện ngựa là nghê tôi thượng.,, Một số người nói như sau: "Làm xe là nghề tối thuợng." Một số người nói như sau: t4Nghề bắn cung là nghề tối thuợng." Một sô người nói như sau: 4íNghề đao kiếm là nghề tối thượng.,, Một số người nói như sau: uNghề ấn hiệu57 58 là nghề tối ửỊtrọng." Một số người nói như sau: "Nghề tính toán là nghề tối thượng.Một số người nói như sau: t4Nghề ước lượng là nghề tối thtrợng." Một số người nói như sau: t4Nghề viết bài là nghề tối thượng.,, Một số người nói như sau: "Nghề làm thơ là nghề tối thượng.,, Một số người nói như sau: "Nghề phỏng đoán các nguyên nhân tự nhiên59 là nghê tôi thượng.,, Một sô người nói như sau: “Nghe điều khiển bộ máy quốc gia là nghề tối thirợng." Đây là câu chuyện xảy ra giữa các Tỷ-kheo chưa được nói xong.

57 Tham chiếu: Xuất diệu kinh '"Sa-mon pQp"(r.04. 0212.33. 0764cl5); Pháp tập yếu tụng kinh uBật-sô phẩm,^ (7.04. 0213.32. 0796b 16). 58 Muddữ. Ấn hiệu, con dấu, in ấn. Có chỗ giải thích là dấu hiệu ra dấu bằng tay giữa người mua và bán châu báu. Họ che dưới một cái khăn để người xung quanh không biết. 59 Tự nhiên học, phỏng đoán các hiện tượng thiên nhiên.

PHẬT Tự THUYẾT < 133

Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều... (như kinh trên)... chưa được nói xong... ở đây, bạch Thế Tôn... khởi lên: uNày Hiền giả, ai biết nghề gì... nghề điều khiển bộ máy quốc gia là nghề tối thuợng." Bạch Thế Tôn, đây là câu chuyện xảy ra giữa chúng con, chưa được nói xong thì Thế Tôn đã đến. Này các Tỷ-kheo, chuyện này thật không xứng đáng cho các ông... khi các ông ngồi hội họp với nhau, có hai công việc cần phải làm: Nói pháp hay giữ im lặng cua bậc Thánh. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Ai sông không nghê nghiệp, Nhẹ nhàng, muốn lợi ích, Các căn được chế ngự, Toàn diện được giải thoát, Không nhà, không ngã sở, Không dục, đoạn kiêu mạn, Vị Tỷ-kheo như vậy, Sống cô độc một mình.

§10. KINH THẾ GIỚI (Lokasutta)6Q ạjd. 32) 30. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Uruvelã, trên bờ sông Neranjara, dưới gốc cây Bô-đê, khi mới chứng Chánh đăng giác. Lúc bây giờ, Thê Tôn trong bảy ngày ngồi một thế kiết-già, hưởng thọ giải thoát lạc. Rồi

Thế Tôn, sau bảy ngày ấy, từ định ấy xuất khởi, nhìn đời với Phật nhãn, thấy các chúng sanh bị thiêu đốt với nhiều loại thiêu đốt, bị nhiệt não bởi nhiều loại nhiệt não, sanh ra bởi tham, bởi sân, bởi si. Rồi Thế Tôn, sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Đời này bị thiêu đốt, Chi phối bởi cảm xúc, Tự mình nói rõ lên, Chứng bệnh của chính mình. Nghĩ do điều này, kia, Lại là một điều khác. Điều khác là vì hữu, Bị lệ thuộc vì hữu. Đời này hữu chi phối, Lại hoan hỷ với hữu, Hoan hỷ với điều gì, Điều ấy gây sợ hãi. Ai sợ hãi điều gì, Điều ấy là đau khổ, Chính do đoạn diệt hữu, Phạm hạnh này được sống. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã tuyên bố rằng sự giải thoát khỏi hữu là do hữu, Ta nói rằng tất cả những vị ấy không giải thoát khỏi hữu. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã tuyên bô răng sự xuât ly khỏi hữu là do phi hữu. Tất cả những vị ấy, Ta tuyên bố rằng họ không rời khỏi hữu.

60 Tham chiếu: Netti. 128; Pe. 23; Pháp cú ^«^uSa-mon phẩm,, (T.04. 0210.34. 0571C29); Xuất “§ah(/.04. 0212.33. 0764c 15); Pháp tập yếu g/"Bat-s6ph*m” (T.04. 0213.32. 0796b 16). ...

Do duyên sanh y, khổ này được sanh khởi. Chính do đoạn diệt tất cả chấp thủ, khổ không có hiện hữu. Hãy xem đời rộng này, Bị vô minh chi phối, Các sanh loại được sanh, Ưa thích được sanh khởi, Không thoát được sanh hữu. Với ai đối sanh hữu, Tất cả mọi thời, xứ, Tất cả sanh hữu này, Vô thường, khổ, biến hoại, Như vậy thấy như thật. Với chơn chánh trí tuệ, Hữu ái được đoạn tận, Phi hữu ái không hỷ, Đoạn diệt ái hoàn toàn, Ly tham, diệt hoàn toàn, Như vậy là Niết-bàn. r

Tỷ-kheo ây mát lạnh, Không châp thủ tái sanh, Nhiêp phục được Ma vương, Trận chiến đã chiến thắng, Vị Tỷ-kheo như vậy, Vượt qua mọi sanh hữu.

IV PHẨM MEGHIYA (MEGHIYAVAGGA)

§1. KINH MEGHIYA (Meghiyasutta)6ỉ ạjd. 34) 31. Như vầy tôi nghe. Một thời^Thế Tôn trú ở Cãlikã, tại núi Cãlikã. Lúc bấy giờ, Tôn giả Meghiya là thị giả Thế Tôn. Rồi Tôn giả Meghiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, con muốn vào làng Jantu để khất thực. -Này Meghiya, hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời! Rồi Tôn giả Meghiya, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào làng Jantu để khất thực. Khất thực ở làng Jantu xong, sau bữa ăn, trở về, đi đến bờ sông KimikãỊã; sau khi đên, bộ hành qua lại trên bờ sông KimikăỊã, thây rừng xoài tươi đẹp, khả ái; thấy vậy, Tôn giả Meghiya suy nghĩ: "That tươi đẹp thay, khả ái thay rừng xoài này! Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần. Nếu Thế Tôn cho phép ta, ta sẽ đến rừng xoài này để tinh cần hành trì.,, Rồi Tôn giả Meghiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn: -Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào làng Jantu đê khất thực. Khất thực ở làng Jantu xong, sau bữa ăn, trở vê, con đi đên bờ sông KimikãỊã; sau khi đến, con bộ hành qua lại trên bờ sông KimikãỊã, con thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái; thấy vậy, con suy nghĩ: "That tươi đẹp thay, khả ái thay rừng xoài này! Rừng xoài

này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần.,, Nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài ây đê tinh cân hành trì. Nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya: Hãy chờ đợi, này Meghiya! Ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỷ-kheo khác đến! Lần thứ hai, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn: _ _ r _ Ị _. _ ___ _ _ > _____

Bạch Thê Tôn, đôi với The Ton, knong co gì can phải lam them nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm. Nhưng đối với con, bạch Thế Tôn, có

61 Tham chiếu: A. IV. 354; Di-ê (7.01. 0026.56. 0491al4); Xuất diệu kỉnh ^Tâmý phẩnf, (T.04. 0212.32. 0758cl2); Phap tập yểu tụng kỉnh “H&t2mphẩm” (T.04.0213.31.0795b06). • “

việc Cần phải làm thêm nữa, có việc cộng thêm vào việc đã làm. Bạch Thế Tôn, nêu Thê Tôn cho phép con, con sẽ đi đên rừng xoài này đê tinh cân tu hành. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya: -Hãy chờ đợi, này Meghiya! Ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỷ-kheo khác đển! Lần thứ ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn: Bạch Thê Tôn, đôi với Thê Tôn không có gì cân phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm... con sẽ đi đên rừng xoài này đê tinh cần tu hành. Này Meghiya, khi ông nói tinh cân, thời Ta có thê nói gì được! Này Meghiya, nay ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời! Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tồn, thân bên hữu hướng về Ngài đi đến rừng xoài ấy; sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài và ngồi trú ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng xoài ấy, phần lớn ba tầm ác, không thiện hiện hành, tức là dục tầm, sân tầm, hại tầm. Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau: "That kỳ lạ thay, thật hy hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại bị ba tầm ác, không thiện này xâm nhập, tức là dục tầm, sân tầm, hại Rồi Tôn giả Meghiya, vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đên, đảnh le The Ton roi ngôi xuong một ben. Ngôi xuong một ben, Ton gia Meghiya bạch Thế Tôn: -Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con sống trong rừng xoài ấy, phần lớn ba \ _ V : X ỵ > _ _ r _ tâm ác, không thiện hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm. Bạch Thê Tôn, rôi con suy nghĩ như sau: "That kỳ lạ thay... hại tâm.,^ r \ -Này Meghiya, có năm pháp đưa đên sự thuân thục cho tâm giải thoát chưa thuần thục. The nào là năm? Ở đây, thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu; đây là pháp thứ nhất, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thục đi đến thuần thục. Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo giữ giới, sống chế ïiệự với sự chế ngự của Giới bổn (Pãtỉmokkhă), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu tập trong các học pháp; đây là pháp thứ hai, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thục đi đến thuần thục. Lại nữa, này Meghiya, phàm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng khai mở tâm, đưa đên nhât hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niêt-bàn như: Câu chuyện vê ít dục, câu chuyện vê biêt đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không kết giao, câu chuyện về khởi tâm tinh tân, câu chuyện vê giới luật, câu chuyện vê thiên định, câu chuyện vê trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như

vậy có được như ý muốn, có được không khó khăn, có được không

PHẬT Tự THUYẾT < 137

mệt nhọc; đây là pháp thứ ba, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thục đi đến thuần thục. Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo sống tinh cần, tinh tấn, để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đôi với pháp thiện; đây là pháp thứ tư, này Meghiya, khiên cho tâm giải thoát chưa thuân thục đi đên thuân thục. Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo có trí tuệ, đầy đủ trí tuệ, đi đến thẩm sát sanh diệt, với Thánh thê nhập đưa đên đoạn tận khô đau; đây là pháp thứ năm, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thục đi đến thuần thục. Này Meghiya, đây là năm pháp khiên tâm giải thoát chưa thuân thục đi đên thuân thục. Này Meghiya, với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ây sẽ giữ giới, sẽ sông chê ngự với sự chê ngự của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu tập trong các học pháp. Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện băng hữu, được chờ đợi là phàm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng khai mở tâm đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn như: Câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện vê không kêt giao, câu chuyện vê khởi tâm tinh tân, câu chuyện vê giới luật, câu chuyện vê thiên định9 câu chuyện vê trí tuệ?ÕZ câu chuyện vê giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có được như ý muốn, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc. Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ây sông tinh cân, tinh tân đê đoạn tận các pháp không thiện, đê làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện. Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là yị Tỷ-kheo sẽ có trí tuệ, đầy đủ trí tuệ, đi đến thẩm sát sanh diệt, với Thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau. Lại nữa, này Meghiya, với vị Tỷ-kheo khéo an trú trong năm pháp này, bốn pháp cần phải tu tập thêm: Bất tịnh, cần phải tu tập để đoạn tận tham; từ, cần phải tu tập để đoạn tận sân; niệm hơi thở vô hơi thở ra, cần phải tu tập để trừ khử tầm tư; vô thường tưởng, cần phải tu tập để nhổ lên kiêu mạn: "T6i la." Này Meghiya, với ai có tưởng vô thường, tưởng vô ngã được an trú; với ai có tưởng vô ngã, vị ấy đạt được sự nhổ lên kiêu mạn: uTôi là.,J Niết-bàn ngay trong hiện tại.

62 Xem III. 117.

138 KINH TIỂU Bộ

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Các tầm nhỏ tế nhị, Hiện hành ý hoan hỷ, Do không biết đến chúng, Tâm động, chạy nhiều đời, Nếu biết chúng tầm tư, Nhiệt tâm và chánh niệm, Chế ngự được tư tưởng, Khi ý không hoan hỷ, Bậc Chánh Giác bỏ chúng, Không còn chút dư tàn.

§2. KINH THÁO ĐỘNG (Uddhatasuttà)^ ajd. 37) 32. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Kusinãrã, tại upavattana, trong khu rừng sãla của dân chúng Mallã. Lúc bây giờ,

nhiêu Tỷ-kheo đang sông trong những côc ở trong rừng không xa Thế Tôn bao nhiêu, tháo động, kiêu căng, lắm mồm lắm miệng, phát ngôn bừa bãi, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Thế Tôn thấy số đông các Tỷ-kheo ấy đang sống trong những cốc ở trong rừng, tháo động, kiêu căng, lắm mồm lắm miệng, phát ngôn bừa bãi, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Thê Tôn sau khi hiêu biêt ý nghĩa này, ngay trong lúc ây, nói lên lời cảm hứng: Với thân không hộ trì, Với tà kiến chi phối, Bị hôn trầm, thụy miên, Nhiêp phục và chê ngự, Kẻ ấy bị rơi vào, Uy lực của Ma vương. Do vậy hộ trì tâm, Sở hành chánh tư duy, Đặt chánh kiến hàng đầu, Rõ biết tánh sanh diệt, Nhiếp phục và chế ngự, Hôn trâm và thụy miên, Vị Tỷ-kheo như vậy, Từ bỏ mọi ác thú.

§3. KINH NGƯỜI CHĂN BÒ (Gopãlakasutta) (Ud. 38) 33. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Kosala với đại chúng Tỷ- kheo. Rôi Thê Tôn từ con đường bước xuông, đi đên một gôc cây; sau khi đên, ngôi xuông trên chô đã soạn săn. Có một người chăn bò đi đên Thê Tôn, sau khi đen, đanh lê Thê Tôn, roi ngôi xuông một bên. Thê Tôn với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ người chăn bò đang ngồi một bên ấy. Rồi người chăn bò ấy, sau khi được Thế Tôn với pháp thoại trinh bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho phấn khởi, bạch Thế Tôn:

63 Tham chiếu: Netti. 40, 85, 103. 108; Xuất diêu Jlzn/z uTam Ý phẩm^ (7.04. 0212.32. 0758cl2); Pháp tập yêu tụng kinh 4tHỘ tâm phâm^, (7.04. 0213.31. 0795b06).

PHẬT Tự THUYẾT 139

Bạch Thế Tồn, mong Thế Tôn nhận lời, ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo. Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi người chăn bò ấy, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi người chăn bò ấy, sau khi đêm ấy đã mãn, sau khi dự trữ sẵn sàng một số lớn cơm sữa và bơ tươi tại tư gia và báo thời giờ cho Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời, cơm đã sẵn sàng. Thê Tôn vào buôi sáng đăp y, câm y bát đi đên trú xứ của người chăn bò ây với chúng Tỷ-kheo; sau khi đên, ngôi xuông trên chô đã soạn săn. Người chăn bò ấy, tự tay mời, làm cho thỏa mãn chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu, với cơm sữa và bơ tươi. Rồi người chăn bò, khi Thế Tôn đã dùng xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế thấp khác, ngồi xuống một bên. Thế Tôn với pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ người chăn bò đang ngòi một bên; rồi Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Thế Tôn ra đi không bao lâu, có người đoạt mạng sống người chăn bò ấy tại biên giới của làng. Rồi một so đông Ty-kheo đi den The Ton; sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn, rôi ngôi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, hồm nay, chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu đã được người chăn bò ấy tự tay mời ăn và làm cho thỏa mãn với cơm sữa và bơ tươi. Người chăn bò ấy, bạch Thế Tôn, đã bị một người đoạt mạng sống tại biên giới của làng. Thê Tôn sau khi biêt ý nghĩa này, ngay trong lúc ây, nói lên lời cảm hứng: Nêu có độc ác gì, Kẻ thù hại người thù, Tâm định hướng tà vạy, Còn làm ác hơn nữa.64

§4. KINH CÁI ĐÁNH CỦA DẠ-XOA (Ỵakkhapahãrasuttà)65 ạjd. 39) 34. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tồn ở Rậjagaha, tại VeỊuvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Mahãmoggallãna trú ở động chim bồ câu. Tôn giả Sãriputta trong đêm sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới cạo xong, đang nhập định. Có hai dạ-xoa là bạn với nhau đang đi từ phương Nam lên phương Bắc vì một vài công việc. Các dạ-xoa ấy thấy Tôn giả Sãriputta trong đêm sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới cạo xong. Thấy vậy, dạ-xoa thứ nhất nói với dạ-xoa thứ hai: 4tNày bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này." Được nghe nói vậy, vị dạ-xoa này nói với dạ-xoa

64XemD/z. V.42. 65 Tham chiếu: Thag. V. 191; Miỉn. 95; Netti. 128; Pe. 23. 147; Xuất diệu kỉnh " (r.04. 0212.32. 0758C12); Pháp tập yếu tụng kinh 4íHọ tâm phẩm” (TM. 021331. 0795ỒO6).

ấy: uThôi đi, bạn! Đừng xúc phạm vị Sa-môn ấy! Này bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy Ẹrc.” Lần thứ hai, vị dạ-xoa ấy nói với vị dạ-xoa này: 4tNày bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này." Lần thứ hai, vị dạ-xoa này nói với vị dạ-xoa ấy: “Th6i đi, bạn! Đừng xúc phạm vị Sa-môn ấy! Này bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy Ẹrc." Lần thứ ba, vị dạ-xoa ấy nói với vị dạ-xoa này: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn nay.?, Lần thứ ba, vị dạ-xoa này nói với vị dạ-xoa ấy: "Th6i đi, bạn! Đừng xúc phạm vị Sa-môn ấy! Này bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy Ẹrc." Rồi dạ-xoa ấy không nghe theo, liền đánh trên đầu Tôn giả Sãriputta. Với cái đánh quá mạnh này, có thể làm tan xác con voi cao từ bảy đến bảy rưỡi khuỷu tay, hay làm bể tan ngọn núi lớn. Ngay lúc ấy, dạ-xoa ấy hét lớn: "T6i bị cháy! Tôi bị cháy!" và rơi vào đại địa ngục. Tôn giả Mahãmoggallãna với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy Tôn giả Sãriputta bị đánh trên đâu, thây vậy liên đên Tôn giả Sãriputta; sau khi đên, nói với Tôn giả Sãriputta: Mong rằng Hiền giả có thể kham nhẫn! Mong rằng Hiền giả có thể chịu đựng! Mong rằng Hiền giả không có đau đớn! -Này Hiên giả Moggallãna, tôi có thê kham nhân. Hiên giả Moggallãna, tôi có thể chịu đựng, nhưng tôi có hơi đau đầu. Thật vi diệu thay, Hiền giả Sãriputta! Thật hy hữu thay, Hiền giả Sãriputta! Hiền giả Sãriputta thật có thần lực lớn, thật có uy lực lớn! Ở đây, thưa Hiền giả Sãriputta, có con dạ-xoa đánh trên đầu Hiền giả, đánh thật mạnh; với cái đánh ấy, có thể làm tan xác con voi cao từ bảy đến bảy rưỡi khuỷu tay, hay làm bể tan ngọn núi lớn. Và Tôn giả Sãriputta đã nói như sau: -Này Hiên giả Moggallãna, tôi có thê kham nhân. Này Hiên giả Moggallãna, tồi có thể chịu đựng, nhưng tôi có hơi đau đầu. Thật vi diệu thay, Hiền giả Moggallãna! Thật hy hữu thay, Hiền giả Moggallãna! Có đại thần lực, có đại uy lực là Tôn giả Mahãmoggallãna! Vì rằng Hiền giả có thể thấy được dạ-xoa, nhưng tôi nay không thấy được một con quỷ đói chỗ đống rác.66 Thế Tôn, với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, nghe được câu chuyện như vậy giữa hai vị Đại long tượng ấy. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Tâm ai như tảng đá, An trú không dao động, Không tham vật khả ái, Đáng phẫn nộ không sân, Tâm ai tu như vậy, Từ đâu khổ đến được.

66 Một loại quỷ thường ở trên núi (Chú giải).

§5. KINH CON VOI (Nãgasuttd)^ ạjd. 41) 35. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, Thế Tôn bị quây rây bởi các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, các vua, các đại thân của vua, các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo; vì bị quây rây nên trở ngại, không có thoải mái, an ổn. Rồi Thế Tôn suy nghĩ như sau: "Nay Ta bị quấy rầy bởi các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni...; vì bị quây rây nên trở ngại, không có thoải mái, an ôn. Vậy Ta hãy sông một mình, xa rời đại chiíng." Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kosambĩ để khất thực. Khất thực ở Kosambĩ xong, sau bữa ăn, khi trở về, liền dọn dẹp sàng tọa của mình, câm y bát, không nói cho thị giả biêt, không báo cho chúng Tỷ-kheo biêt, một mình không có người thứ hai, ra đi bộ hành hướng đến Pãlileyyaka. Ngài cứ đi như vậy, sau cùng thì đến Pãlileyyaka. Tại đây, Thế Tôn sống ở Pãlileyyaka, khóm rừng Rakkhita, dưới gốc cây Sãla Bhadda. Rôi một con voi bị quây rây bởi các con voi, các con voi cái, các con voi con, các con voi còn bú; ăn cỏ với đầu ngọn bị cắt đứt, ăn các cành cây bị gãy, uống nước bị vẩn đục, khi hụp lặn xong lên khỏi nước, nó bị các con voi cái cọ xát thân hình; vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái, an ổn. Rồi con voi ấy suy nghĩ: "Ta bị quấy rầy bởi các con voi, các con voi cái... vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái, an ổn. Vậy ta hãy sống một mình, xa rời khỏi đàn voi.,, Rồi con voi ấy, rời khỏi đàn voi, đi đến Pãlileyyaka, tại khóm rừng Rakkhita, ở gốc cây Sãla Bhadda. Tại đấy, con voi ấy, tại chỗ nào Thế Tôn ở thì tại chỗ ấy, nó dọn sạch cỏ với cái vòi của mình, đem nước uống, đồ ăn để Thế Tôn dùng. Rồi Thế Tôn, trong khi sống độc cư thiền tịnh, tư tưởng như sau được khởi lên: "Ta trước đây bị quây rây bởi các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni... vì bị quây rây nên trở ngại, không có thoải mái, an ôn. Nay Ta sông không bị quây rây bởi các Tỷ- kheo, Tỷ-kheo-ni... vì không bị quấy rầy, Ta sống an lạc, thoải mái." Còn con voi ấy cũng khởi lên suy nghĩ như sau: "Trư&c đây, ta sống bị quấy rầy bởi các con voi... ; vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái, an ổn. Nay ta sông không bị quây rây bởi các con voi... ; ta ăn cỏ với đâu ngọn không bị căt đứt, ăn các cành cây không bị bẻ gãy, uông nước không bị vân đục, khi hụp lặn xong lên khỏi nước, ta không bị các con voi cái cọ xát thân hình, ta không bị quấy rầy nên sống an lạc, thoải Rồi Thế Tôn, sau khi biết hạnh viễn ly của mình, với tâm của mình biết được tâm của con voi ây, ngay trong lúc ây, nói lên lời cảm hứng:*

67 Tham chiếu: Vìn. I. 337; Xuất diêu kỉnh 2Tam V phẩm^ỉii01 (7.04. 0212.32. 0758cl2); Pháp tập yếu tụng kinh 4ÍHỘ tâm phầm,, (7.04. 0213.31. 0795b06).

Đây là voi với voi,68 Với voi có ngà lớn, Với tâm đồng với tâm, Một mình vui thích rừng.

ụjd. 42) §6. KINH PINDOLA (Pindolasutta)6970 36. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thê Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Pindolabharadvaja ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngôi kiêt-già, lưng thăng, sông ở rừng, đi khât thực, mặc y lượm từ đông rác, chỉ mang ba y, ít dục, biết đủ, viễn ly,

không ưa thích hội họp, tinh cần, tinh tấn, nói hạnh Đầu-đà, chú tâm vào tăng thượng tâm Thế Tôn thấy Tôn giả Pindolabharadvaja ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng... chú tâm vào tăng thượng tâm. Rồi Thế Tôn, sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: r e 9

Không mắng, không gia hại, Chê ngự trong Giới bôn, Tiết độ trong ăn uống, Nằm ngồi chỉ một mình, Chú tâm vào tăng thượng, Chính lời chư Phật dạy.

§7. KINH SÃRIPUTTA (Sãriputtasuttayồ ạjd. 43) 37. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sãriputta ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, tinh cần, tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm. Thế Tôn thấy Tôn giả Sãriputta ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, limg thẳng, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, tinh cần, tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm. Rồi Thế Tôn, sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay lủc ấy, nói lên lời cảm hứng này: Tâm tăng thượng ẩn sĩ, Không phóng dật, tu tập, Trên con đường chánh trí,71 Vị ấy không sầu muộn, Luôn luôn được an tịnh, Thường nắm giữ chánh niệm.

68 Nãga có nghĩa là bậc Hiền trí, bậc Long tượng, con voi và con rắn. 69 Tham chieu: D. II. 1; Dh. V. 185; Pháp cí/ hặ/Thuật Phật phẩm"(T.04. 0210.22. 0567a01); Xuất diệu kỉnh '^Tâm Ỷ phẩm"(r04. 0212.32. 0758cl2); Pháp tập yếu tụng "h5 tâm phẩm” (Ĩ.04. 0213.31. 0795b06). 70 Tham chiếu: Thag. V. 68; Vỉn. IV. 54; Pháp cú kinh 4tGiáo học phỊỊỊ” (r.04. 0210.2. 0559bl3); Pháp cú thỉ dụ kinh stGiao học phanf,(L04. 0211.2. 0577al5);^/ả diệu ^Ạ;yôphóngdật phẩm,, (T.04. 0212.4. 0636c29); Xuất diệu kình ^Phộngdật phẩm^, '(T.04. 0212.5. 0641c 17); Pháp tập yểu tụng kinh uPhóng dật phẩm,, lã (T.04.0213.4.0779a01). 71 Chỉ cho quả A-la-hán.

PHẬT Tự THUYẾT 143

§8. KINH SƯNDARĨ (Sundarĩsutta)12 (Ud. 43) 38. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, tôn kính, cũng nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính... cũng không nhận Ã 1 -í X : e được các vật dụng như y, đô ăn khất thực, sàng tọa, dược phâm trị bệnh. Các du sĩ ngoại đạo ấy, không thể chịu nổi sự cung kính đối với Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo, đi đến nữ du sĩ Sundarĩ; sau khi đến, nói với nữ du sĩ Sundarĩ: Này chị, chị có thể làm lợi ích cho các bà con? Thưa các Tôn giả, con có thể làm gì? Việc gì con có thể làm được? Đời sống của con là một vật hy sinh cho các bà con. Vậy chị hãy thường đi đến Jetavana! Thưa vâng, các Tôn giả. Nữ du sĩ Sundari, sau khi vâng đáp các du sĩ ngoại đạo ấy, thường xuyên đi đến Jetavana. Khi các du sĩ ngoại đạo ấy được biết rằng nữ du sĩ Sundaiĩ được nhiêu ngưòd thây thường xuyên đi đên Jetavana, họ đoạt mạng sông của nữ du sĩ Sundan; tại đây, chôn nàng vào cái hô trong cái mương

của Jetavana, rôi đi đến Vua Pasenadi nước Kosala; sau khi đến, thưa với Vua Pasenadi nước Kosala: Thưa Đại vương, chúng tôi không nhìn thấy nữ du sĩ Sundarĩ. Nhimg các ngươi nghi ở tại đâu? Ở tại Jetavana, thưa Đại vương. -Vậy hãy đi tìm ở Jetavana! Các du sĩ ngoại đạo ây đi tìm ở Jetavana, đào mương tại chô đã quăng nàng xuống, đặt nàng trên giường, đi vào Sãvatthi từ đường này đến đường khác, từ ngã ba đường này đến ngã ba đường khác, họ làm cho dân chúng tức giận nói rằng: “Các ông hãy xem công việc làm của các Thích tử! Vô liêm sỉ là các Sa- môn Thích tử này, không giữ giới, theo ác pháp, nói láo, không Phạm hạnh; họ tự cho là sông đúng pháp, sông thanh tịnh, sông Phạm hạnh, nói lời chơn thật, giữ giới, theo thiện pháp. Không có Sa-môn hạnh trong những vị này, không có Bà-la-môn hạnh trong những vị này. Sa-môn hạnh của họ bị hủy hoại, Bà- la-môn hạnh của họ bị hủy hoại. Từ đâu họ có Sa-môn hạnh? Từ đâu họ có

72 Tham chiếu: Ud. 12; It. 42; Sn. 123; Mỉln. 155; Dh. V. 306; Pháp cú kinh "Dja ngục phẩm,5 (r.O4. 0210.30. 0570a05); Pháp tập yếugIIn phẩm”,(4 0213.8. 078lb03); Xuất diệukmh ^ĩhỉ bang phanf5 (T.04. 0212.9. 0663cl8); Xuat diệu kỉnh ^a-mon phàm5 5 (T.04. 0212.33. 0764cl5); Pháp tập yểu tụng kinh t4Bật-sô pham?, (r.oi 0213.32. 0796bl6).

Bà-la-môn hạnh? Sa-môn hạnh của họ đã bị mất, sau khi làm xong phận sự của đàn ông, họ đoạt mạng sông của nữ nhân nay.i, Lúc bấy giờ, các người ở Sãvatthi, khi thấy các Tỷ-kheo, họ dùng những lời r r V. \ V. không tôt, ác độc, măng nhiêc, mạ lỵ, phỉ báng, bức não, nói răng: "V6 liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, không giữ giới, theo ác pháp... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này." Rồi một số đông Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Sãvatthi để khất thực; khất thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn, trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi di đên9 đảnh le The Ton roi ngôi xuong một ben. Ngoi mot ben, cac Ty-kheo ay bach The Ton: Bạch Thế Tôn, nay các người ở Sãvatthi khi thấy các Tỷ-kheo... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này.,, -Này các Tỷ-kheo, tiêng đôn này sẽ không còn tôn tại lâu dài, chỉ có một tuân thôi, sau một tuân sẽ biên mât. Này các Tỷ-kheo, những ai thây Tỷ-kheo... bức não, các ông hãy chỉ trích lại với bài kệ này: Ai nói lời không thật, Phải đi đến địa ngục, Ai có làm lại nói, Việc ấy tôi không làm, Họ là những hạng người, Làmy các hạnh hạ liệt, 9

Cả hai sau khi chết, Sẽ đông đăng như nhau, Trong một đời sống khác.73 Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi học thuộc lòng bài kệ này từ nơi Thế Tôn, nếu có những người thấy các Tỷ-kheo mà dùng những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức não, các vị liền chỉ trích lại với bài kệ này: “Ai nói lời không thật... Trong một đời sông khác.,, Những người ây suy nghĩ như sau: t4Các Thích tử Sa-môn không có phạm tội. Sự việc ấy không phải do họ làm. Các Sa-môn Thích tử này đã tuyên bố như V:Và lời nói ấy Idiông có lâu dài, lời nói ấy chỉ tồn tại có một tuần, sau một tuần được biến mất. Rồi nhiều Tỷ- kheo đi đên Thê Tôn; sau khi đên, đảnh lê Thê Tôn rôi ngôi một bên. Ngôi một ben, cac Ty-kheo ay bạch The Ton: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, thật là khéo nói, lời này của Thế Tôn: “Này các

Tỷ-kheo, tiếng đồn nay se knong ton tại lau dai, chi co một tuân thôi, sau một tuân sẽ biên mat. Bach The Ton, tiêng don ay đã biên mat. Rồi Thế Tôn, sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

73 Xem Dh. V. 306.

PHẬT Tự THUYẾT 145

Người không biết chế ngự, Dùng lời đâm người khác, Giống dùng tên đâm voi, Khi tham gia chiến trận. Nghe những lời thô ác, Tỷ-kheo hãy chịu đựng, Giữ gìn không nói lên, Tâm không có hiềm hận.

§9. KINH UPASENA (Upasenasutta)14 ạjd. 45) 39. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tồn trú ở Rặjagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả upasena Vangantaputta75 trong khi độc cư thiền tịnh, ý nghĩ như sau được khởi lên: 4tThật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta! Bậc Đạo sư của ta, bậc Thế Tôn của ta là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Chúng ta được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống trong Pháp, Luật khéo nói. Các vị đồng Phạm hạnh với ta là những người có giới, theo thiện pháp. Chúng ta là những người giữ trọn vẹn giới luật. Chúng ta có thiền định. Chúng ta có nhất tâm, là bậc A-la-hán, đoạn tận các lậu hoặc. Chúng ta có đại thần lực, đại uy lực. Hiền thiện là mạng sống của ta, hiền thiện là sự chết của ta." Rồi Thế Tôn, với tâm của mình, biết được tâm của Tôn giả Upasena Vangantaputta, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Ai sống không nhiệt não, Khi chết không sầu muộn. Bậc trí thấy Niết-bàn, Giữa sâu không sâu muộn. Tỷ-kheo đoạn hữu ái, Tâm tư được an tịnh, Luân hồi sanh tử tận, Vị ấy không tái sanh.

§10. KINH Sự AN TỊNH CỦA SÃRIPUTTA (Sãríputtaupasamasuttày6 (Ud. 46) 40. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sãriputta ngồi xa Thế Tôn không bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thăng, quán sát sự an tịnh của mình. Thê Tôn thây Tôn giả Sãriputta ngôi xa Ngài không bao nhiêu, ngôi kiêt-già, lưng thăng, quán sát sự an tịnh của mình. Rồi Thế Tôn, sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Tỷ-kheo tâm an tịnh, Chặt đứt dây tham ái, Luân hồi sanh tử tận, Thoát khỏi ma trói buộc. 74 Tham chiếu: Sn. 139;Xuất diệu kinh aĨỊ pịiảỊIỊ''(T.04. 0212.33.0764c 15); Pháp tập yếu tụng kinh 4íBật-sô phẩm^, (7.04. 0213.32. 0796bl6). 75 Em của Sãriputta.

V PHẨM TRƯỞNG LÃO SONA (SONAK4GGA)

§1. KINH THÂN ÁI HƠN (Piyatarasuttà)11 ạjd. 47) 41. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại VeỊuvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Vua Pasenadi nước Kosala có mặt với Hoàng hậu Mallikã trên lâu thượng của hoàng cung, rôi Vua Pasenadi nước Kosala nói với Hoàng hậu Mallikã: Này Mallikã, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu? -Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với thiêp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương? -Này Mallikã, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala bước xuống lầu và đi đến Thế

Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Pesenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi lên lầu thượng của hoàng cung với Hoàng hậu Mallikã và con nói với Hoàng hậu Mallikã: 4tNày Mallikã, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?,, Khi được hỏi như vậy, bạch Thê Tôn, Hoàng hậu Mallikã trả lời với con: "Thua Đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời cho Hoàng hậu Mallikã:4'Này Mallikã, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta." Rồi Thế Tôn, sau khi biết rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ây, nói lên lời cảm hứng: r

Tâm ta đi cùng khăp, Tất cả mọi phương trời, Cũng không tìm thấy được, Ai thân hơn tự ngã. Tự ngã đôi mọi người, Quá thân ái như vậy, Vậy ai yêu tự ngã,77 Chớ hại tự ngã người.

77 Tham chiếu: s. I. 75, Mallikặsutta (Kinh Maỉỉikã)\Xuất dẠiempúm"([(M. 0212.6. 0649a06); Phấp tập yếu tụng kinh uÁi lạc píìẩm” (T.04. 0213.5. 0779c23).

§2. KINH THỌ MẠNG NGẮN ịẠppãyukasuttà)^ ụjd. 47) 42. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thê Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Rồi Tôn giả Ãnanda, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thê Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thọ mạng ít thay, bạch Thế Tôn, là mẹ của Thế Tôn! Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mạng chung, được sanh ở cõi trời Đâu-suất. -Chính là như vậy, này Ãnanda. Thọ mạng ít thay là mẹ vị Bồ-tát! Sau khi sanh Bồ-tát bảy ngày, mẹ Bồ-tát mạng chung, được sanh ở cõi trời Đâu-suất! Thọ mạng ít thay là các bà mẹ của các Bô-tát. Sau khi sanh bảy ngày, các bà mẹ của các Bô-tát mạng chung và được sanh lên cõi trời Đâu-suât! Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Tất cả hữu tình nào, Đã hoặc sẽ ra đời, Tất cả chúng sẽ đi, Sau khi bỏ sắc thân, Hiểu tất cả là vậy, Bậc thiện sanh nhiệt tâm, Sống đời sống Phạm hạnh.

§3. KINH NGƯỜI HỦI SUPPABƯDDHA (Suppabuddhakutthisutta)19 (Ud. 48) 43. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thê Tôn trú ở Rặjagaha, tại VeỊuvana, chô nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, một người bị bệnh hủi tên là Suppabuddha, nghèo đói, ăn xin, khốn cùng. Lúc bấy giờ, Thế Tồn với đại chúng đoanh vây, đang ngồi thuyết pháp. Người hủi Suppabuddha thấy từ đàng xa đại chúng đang tụ hội, thấy vậy liên suy nghĩ: <4Không nghi ngờ gì nữa, ở đây, có thê có chia phân cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm. Vậy ta hãy đi đến đại chúng ấy, mong rằng ta sẽ được chút gì ăn được, loại cứng hay loại Rồi người hủi Suppabuddha đi đến đại chúng ấy. Người hủi Suppabuddha thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng đang đoanh vây, thấy vậy liền suy nghĩ: 4ÍỞ đây không có cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm để chia phần. Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho hội chúng.Vậy ta hãy nghe pháp." Tại đấy, người hủi ngồi xuống

và nghĩ: "Ta sẽ nghe ph

78 Tham chiếu: Netti. 128; Pe. 23; Pháp tập yếu tụng kinh "Hữu vi phẩm^, (7.04. 0213.1.0777a02). 79 Tham chiếu: Netti. 5; Xuất diệu kinh 4tÁc hành phẩm" th(T.04. 0212.29. 0741b24); Pháp tập yếu tụng kinh íTội chương phẩm,, (rì)4. 0213.28. 0792al7).

PHẬT Tự THUYẾT 149

Rồi Thế Tôn, với tâm của mình duyên với tâm của toàn thể hội chúng, tác ý rằng: "d dây, ai có thể hiểu được pháp.' Thế Tôn thấy người hủi Suppabuddha đang ngồi trong hội chúng, thấy vậy liền suy nghĩ: UỞ đây, người này có thể hiểuphap.,, Vì người hủi Suppabuddha, Thế Tôn tuần tự thuyết pháp, tức là thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về thiên giới, thuyết về sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của người hủi Suppabuddha đã sẵn sàng, đã nhu thuận không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, tức là khổ, tập, diệt, đạo. f i •« t -a. _ r r t a Cũng như tâm vải thuân bạch được gột rửa các vêt đen sẽ rât dê thâm màu nhuộm. Cũng vậy, chính tại chô ngôi này, pháp nhãn xa trân ly câu khởi lên trong tâm người hủi Suppabuddha: <4Phàm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị đoạn diet." Khi ấy, người hủi Suppabuddha thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với lời dạy của đức Bổn sư, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người hủi Supabuddha bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thưa Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng! Rôi người hủi Suppabuddha được Thê Tôn châp thuận với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ; sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài ròi ra đi. Sau đó, một con bò húc vào người hủi Suppabuddha và đoạt mạng sống. __ •... , Ạ - _f _ 5 5 r Nhiêu Ty-kheo đi den The Ton; sau khi đen, đảnh le The Ton roi ngoi xuong một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, người hủi tên Suppabuddha được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, đã mạng chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Tương lai của vị ấy thế nào? -Này các Tỷ-kheo, Hiền trí là người hủi Suppabuddha đã thực hành tùy pháp, đúng pháp, không có làm phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Người hủi Suppabuddha, sau khi đoạn tận ba kiêt sử, đã chứng được quả Dự lưu, không còn bị thối đọa, chắc chắn đạt được Chánh giác. Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

150 < KINH TIỂU Bộ

Bạch Thế Tôn do nhân gì, do duyên gì, người hủi Suppabuddha lại là người nghèo đói, là người ăn xin, là người khôn cùng? Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, người hủi Suppabuddha là con của một nhà triệu phú ở Rajagaha, khi đi ngang qua một khu vườn, vị ấy thấy đức Phật Độc Giác Tagarasikhi đang đi vào thành khất thực. Thây vậy, vị ây suy nghĩ: "Ai là người hủi này mang y của người hủi đi lang thang?" Vị ấy nhổ nước miếng và xoay lưnẹ phía trái rồi bỏ đi. Do quả của nghiệp này mà nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiêu ngàn năm, nhiêu trăm ngàn năm, vị ây bị nâu trong địa ngục. Do quả còn lại của nghiệp ấy, chính tại Rặjagaha này, vị ấy là một người nghèo đói, là người ăn xin, là người khôn cùng. Nay vị ây do y cứ vào Pháp, Luật được Như Lai thuyết giảng, vị ấy được lòng tin, vị ấy được giới, vị ấy được nghe pháp, vị ấy được từ bỏ, vị ấy được trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này, được cộng trú với chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Tại đấy, vị ấy chói sáng hơn các chư thiên khác về dung sắc và danh xưng. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Như người có mắt nhìn, cố gắng tránh lồi lõm, Cũng vậy người trí tránh, Điêu ác giữa đời này.

§4. KINH THIẾU NIÊN (Kumãrakasuttàỷữ ụjd. 51) 44. Như vây tôi nghe. Một thời, Thê Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, nhiều thiếu niên giữa Sãvatthi và Jetavana đang hành hạ các con cá nhỏ. Roi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Săvatthi để khất thực. Thế Tôn thấy nhiều thiếu niên giữa Sãvatthi và Jetavana đang hành hạ các con cá nhỏ; thấy vậy, đi đến các thiếu niên ấy, sau khi đến, nói với chúng: -Này các thiêu niên, các con có sợ đau khô không? Các con không ưa thích khổ phải không? -Thưa vâng, bạch Thê Tôn, chúng con sợ đau khô. Chúng con không ưa thích khổ. Rồi Thê Tôn, sau khi hiêu biêt ý nghĩa này, ngay trong lúc ây, nói lên lời cảm hứng: Nếu con sợ đau khổ, Nếu con không ưa khổ, Dầu bất cứ chỗ nào, Trước mặt hay sau lưng, Chớ làm các nghiệp ác. Nếu con làm, sẽ làm, Các nghiệp ác, bất thiện, Con không thoát khỏi khổ, Dầu nhảy vọt và chạy.

80 Tham chiếu: Netti. 128; Pe. 23 Xuất diệụkinh phẩm,, (T.04. 0212.10. 0668a04); Pháp tập yếu tụng kinh "Nghiepphẩm"(7.04. 0213.9. 0781c 10).

PHẬT Tự THUYẾT 151

§5. KINH NGÀY TRAI GIỚI (Uposathasuttấỷ1 ụjd. 51) 45. Nhu vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Pubbãrãma, trong lâu đài của mẹ Migăra. Lúc bấy giờ, Thế Tôn, vào ngày trai giới, đang ngồi có chúng Tỷ-kheo doanh vây. Rồi Tôn giả Ãnanda, sau khi đêm đã khuya, canh một sắp qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, đêm đã khuya, canh một đã sắp qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết Giới bổn (Pãtimokkhà) cho chúng Tỷ-kheo! Khi được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Ãnanda, khi đêm đã khuya, canh giữa đã sắp qua... chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết Giới bổn cho chúng Tỷ-kheo! Lân thứ hai, The Tôn giữ im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Ãnanda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng, đêm đã nở nụ cười, từ chỗ ngồi đứng dậy, đáp y vào một bền vai, chắp tay hương đến Thế Ton và bạch Thế Tồn: —Bạch Thế Tôn, đêm đã gần

mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng, đêm đã nở nụ cười, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết Giới bổn cho chúng Tỷ-kheo! Này Ãnanda, hội chúng này không thanh tịnh. Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna suy nghĩ: 4tVì người nào mà Thế Tôn nói: 'Này Ãnanda, hội chúng này không thanh tỹih'?'' Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna với tâm của mình tác ý đến tâm toàn thể chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Mahãmoggallãna thấy một người không giữ giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, sở hành đáng nghi ngờ, hành động được che đậy, không phải Sa-môn tự xưng là Sa-mồn, không theo Phạm hạnh tự xưng là Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, đầy ứ dục vọng, bản chất ô uế, đang ngồi ẹiữa chúng Tỷ-kheo; thấy vậy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến người ấy; sau khi đên, nói với người ây: Hiền giả, hãy đứng dậy! Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo. Ngườd ấy giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Moggallãna nói với người ấy: Hiền giả, hãy đứng dậy! Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

81 Tham chiếu: A. IV. 197, 204; Thag; V. 447; Vin. II. 236; Xuất diệu kinh [CỊiórі ph1" (T.04. 0212.7. 0654c 18); Pháp tập yêu tụng kinh "Trì giới phâm^, (7.04. 0213.6. 0780b 16). -

Lần thứ hai, người ấy im lặng. Lân thứ ba, Tôn giả Mahãmoggallãna... Lân thứ ba, người ây im lặng. Rôi Tôn giả Mahãmoggallãna năm tay người ây, dăt tay ra khỏi cửa, gài then cửa lại, roi đi đến The Tôn; sau khi đen, bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Hiền giả ấy đã bị con đưa ra ngoài rồi. Hội chúng nay thanh tịnh, bạch Thế Tôn. Thế Tôn hãy thuyết Giới bổn (Pãtỉmokkhà) cho chúng Tỷ-kheo! Thật lạ lùng thay, Moggallãna! Thật dị thường thay, Moggallãna! Người ngu si ây chờ đợi cho đên khi bị câm tay. Rồi Thế Tôn, bảo các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo, bắt đầu từ nay, Ta sẽ không làm Bố-tát (ưposatha) nữa, Ta sẽ không tụng đọc Giới bổn (Pãtỉmokkha) nữa. Bắt đầu từ nay, các ông hãy làm Bố-tát, các ông hãy tụng đọc Giới bổn. Sự kiện không có được, này các Tỷ-kheo, cơ hội không có được, là Như Lai có thể làm Bố-tát, có thể đọc Giới bổn với hội chúng không thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, biên lớn có tám pháp vi diệu hy hữu này, do thây vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn. Thế nào là tam? Này các Tỷ-kheo, biên lớn tuân tự nghiêng xuôi, tuân tự thâp dân, tuân tự sâu dần, không có thình lình như một vực thẳm. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn tuân tự nghiêng xuôi, tuân tự thâp dân, tuân tự sâu dân, không có thình lình như một vực thẳm; này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu thứ nhất chưa từng có của biển lớn. Do thấy vậy, biết vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ; này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu thứ hai chưa từng có của biên lớn. Do thây vậy, biêt vậy, các a-tu-la thích thú biên lớn. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết, nếu có xác chêt trong biên lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vât lên đât liên. Vì răng, này các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết, nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vất lên đất liền; này các Tỷ-kheo, đây là Sự vi diệu thứ ba chưa từng có của biên lớn. Do thây vậy, biêt vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn. Lại nữa, này

các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunã, sông Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahĩ, các con sông ấy khi chảy đến biển liền bỏ tên trước, trở thành biển lớn. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, phàm có con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunã, sông Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahĩ, các con sông ây khi chảy đên biên liên bỏ tên trước, trở thành biển lớn; này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu thứ tư chưa từng có của biển lớn. Do thấy vậy, biết vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn.

PHẬT Tự THUYẾT 153

9 Lại nữa, này các Tỷ-kheo, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào r

biên lớn, phàm có những nước mưa từ trên trời rơi xuông, nhưng không vì vậy mà biên lớn được thây có giảm, tăng. Vì răng, này các Tỷ-kheo, phàm có dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có nước mưa từ trên trời rơi xuống, nhtmg khồng vì vậy mà biển lớn được thấy có giảm, tăng; này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu thứ năm chưa từng có của biển lớn. Do thấy vậy, biết vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mặii. Này các Tỷ- kheo, đây là sự vi diệu thứ sáu chưa từng có của biển lớn. Do thấy vậy, biết vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biên lớn có nhiêu châu báu, nhiêu loại châu báu, ở đây, có những châu báu này, như: Trân châu, ma-ni châu, lưu ly, xà cừ, ngọc bích, san hồ, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì răng, này các Tỷ-kheo, biên lớn có A J e A r

nhiêu châu báu, nhiêu loại châu báu, ở đây, có những loại châu báu này, như: Trân châu, ma-ni châu, lưu ly, xà cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não; này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu thứ bảy chưa từng có của biển lớn. Do thây vậy, biêt vậy, các a-tu-la thích thú biên lớn. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biên lớn là trú xứ của các loài sinh vật lớn, tại đây có những sinh vật này, như các con timi, timingala, timitimingala, các loài a-tu-la, các loài nãga, các loài gandhabba; trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm do-tuần, hai ưăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Vì răng, này các Tỷ-kheo, biên lớn là trú xứ của các loài sinh vật lớn, tại đây có những sinh vật này, như các con cá khổng lồ timi, timingala, timitimingala, các loài a-tu-la, các loài nãga, các loài gandhabba; trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần; này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu thử tám chưa từng có của biên lớn. Do thây vậy, biết vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có tám pháp vi diệu chưa từng có trong Pháp, Luật này. Do thấy vậy, biết vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này. Thế nào là tám? Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự nghiêng xuôi, tuần tự thấp dần, tuân tự sâu dân, không có thình lình như một vực thăm; cũng vậy, này các Tỷ- kheo, trong Pháp, Luật này, các học pháp là tuân tự, các bước thực hành là tuân tự, các bước tiến bộ là tuần tự, không có sự thể nhập Chánh trí thình lình. Này A * * A

các Tỷ-kheo, vì răng trong Pháp, Luật này, các học pháp là tuân tự, các bước thực hành là tuần tự, các bước tiến bộ là tuần tự, không có sự thể nhập Chánh trí thình lình, này các Tỷ-kheo, đây là pháp vi diệu thứ nhất chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thấy vậy, biết vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này. Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn

đứng một chỗ không có vượt qua bờ, cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi các học pháp được Ta tuyên dạy cho các đệ tử,

các đệ tử của Ta dầu cho vì sinh mạng cũng không vượt qua. Này các Tỷ-kheo5 vì rằng trong Pháp, Luật này, các học pháp được Ta tuyên dạy cho các đệ tử, các đệ tử của Ta dầu cho vì sinh mạng cũng không vượt qua; này các Tỷ-kheo, đây là pháp vi diệu thứ hai chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thấy vậy, biết vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này. Ví như, này các Tỷ-kheo5 biên lớn không có chứa chập xác chết, nêu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vất lên đất liền. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, người nào không giữ giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh, đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhimg tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là có Phạm hạnh, nội tâm hủ hóa, ứ đầy tham dục, bản chất ô uế, chúng Tăng không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo-tăng? nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa. người e ây. Này các Tỷ-kheo, A vì răng r trong Pháp, Luậtr này, người r ây không giữ giới, theo ác pháp... bản chât ô uê... và chúng Tăng sông xa vị ây; này các Tỷ-kheo, đây là pháp vi diệu thứ ba chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thấy vậy, biết vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunã, sông Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahĩ; các con sông ấy khi chảy đến biển? liền bỏ tên trước, trở thành biển lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn? Phệ-xá9 Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp, Luật được Như Lai tuyên bố sau này; họ từ bỏ tên họ của mình từ trước và trở thành những Sa-môn Thích tử. Này các Tỷ-kheo, vì rằng trong Pháp, Luật này, có bốn giai cấp: Sát-đế-lỵ... trở thành những Sa-môn Thích tử; nàỵ các Tỷ-kheo, đây là pháp vi diệu thứ tư chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thấy vậy, biết vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trên trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn có giảm, tăng. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo, nếu có nhiều vị Tỷ-kheo nhập vào Niêt-bàn giới không có dư y, Niêt-bàn giới cũng không vì vậy được thây có giảm, tăng. Này các Tỷ-kheo, vì răng nêu có nhiêu vị Tỷ-kheo nhập vào Niêt-bàn giới... cũng không vì vậy được thây có giảm, tăng; này các Tỷ-kheo9 đây là pháp vi diệu thứ năm chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thấy vậy, biết vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này. Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn5 cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này cũng chỉ có một vị là vị giải thoát. Này các Tỷ- kheo, vì rằng Pháp và Luật này, Pháp này cũng chỉ có một vị là vị giải thoát; này các Tỷ-kheo, đây là pháp vi diệu thứ sáu chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thấy vậy, biết vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này.

PHẬT Tự THUYẾT 155

__ e 7 # \ Z

Ví như, này các Tỷ-kheo, biên lớn có nhiêu châu báu, ở đây, có những châu báu này, như: Trân châu, ma-ni châu, lưu ly, xà cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp, Luật này có nhiều châu báu, nhiêu loại châu báu, ở đây, có những loại châu báu này, như: Bôn niệm xứ, bôn chánh cân, bôn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành. Này các Tỷ-kheo, vì răng Pháp, Luật này có nhiêu châu báu, như: Bôn niệm xứ... Thánh đạo tám ngành; này các Tỷ-kheo, đây là pháp vi diệu thứ bảy chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thây vậy, biêt vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này. Ví như, này các Tỷ-kheo, biên lớn là trú xứ của các loài sinh vật lớn, tại đây có những sinh vật như các con cá khổng lồ timi, timingala, timitimingala, các loài asura, các loài nãga, các loài gandhabba; trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này là trú xứ của các loài sinh vật lớn. Ở đấy, có những sinh vật này: Bậc Dự liru, bậc đang hướng đến chứng ngộ Dự liru quả; bậc Nhất lai, bậc đang hướng đến chứng Nhất lai quả; bậc Bất lai, bậc đang hướng đến chứng Bất lai quả; bậc A-la-hán, bậc đang hướng đến chứng ngộ A-la-hán quả. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các sinh vật lớn; ở dấy, có những sinh vật này... A-la-hán quả; này các Tỷ-kheo, đây là pháp vi diệu thứ tám chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thấy vậy, biết vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này. Này các Tỷ-kheo, đây là tám pháp vi diệu chưa từng có trong Pháp và Luật này. Do thây vậy, biêt vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong khi ấy, nói lên lời cảm hứng: Mưa rơi trên mái che, Không rơi trên khoảng trông, Vậy mở mái che ra, Mưa không rơi trên đó.

§6. KINH SONA (Sonasuttảỷ2 (Ụd. 57) 46. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahãkaccãna trú ở giữa dân chúng xứ Avanti, gần thành Kuraraghara, trên ngọn núi tên Pavatta. Lúc bấy giờ, nam cư sĩ Sona Kutikanna là thị giả của Tôn giả Mahãkaccãna. Rồi nam cư sĩ Sona Kutikanna trong khi độc cư thiền tịnh, tư tưởng như sau được khởi lến: "Nhu Tôn giả Mahãkaccãna thuyết pháp, thật không dễ dàng cho một người sống trong gia đình có thể thực hành một cách viên mãn Phạm hạnh thuân tịnh, trăng bạch như vỏ ôc. Vậy 82 Tham chiếu: Hn. L 179; Sn. 151-63, 166, 168, 171, 174, 179, 182, 185; Xuất diệu kỉnh "Ac hành (7.04. 0212.29. 0741b24); Pháp tập yếu tụng kình 4tTội chưởng phẩm,, (04. 0213.28. 0792al7).

156 KINH TIỀU Bộ

ta hãy cạo bỏ râu tóc, đăp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sông không gia đình.,, Nam cư sĩ Sona Kutikanna đi đên Tôn giả Mahãkaccãna; sau khi đên, đảnh lễ Tôn giả rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Sona Kutikanna thưa Tôn giả Mahãkaccãna: -Thưa Tôn giả, ở đây, trong khi con độc cư thiên tịnh... sông không gia đình. Thưa Tôn giả, Tôn giả hãy cho con xuất gia! Nghe nói vậy, Tôn giả Mahãkaccãna nói với nam cư sĩ Sona Kutikanna: -Này Sona, thật khó thay đời sống Phạm hạnh, ăn một ngày một bữa, nằm ngủ một mình cho đên trọn đời! Này Sona, cứ ở nhà, sông trong gia đình, chú tâm vào lời dạy của chư Phật, tạm thời hiện tại sông Phạm hạnh, ăn

một ngày một bữa, năm ngủ một mình. Lúc đó, lòng ham muôn xuất gia của nam cư sĩ Sona Kutikanna được giảm nhẹ bớt. Lần thứ hai, nam cư sĩ Sona Kotikanna trong khi độc cư thiền tịnh... "... sống không gia đình. Lần thứ hai, nam cư sĩ Sona Kutikanna đi đến Tôn giả Mahãkaccãna... Hãy cho con xuất gia!" Lần thứ hai, Tôn giả Mahãkaccãna nói với nam cư sĩ Sona Kutikanna: -Này Sona, thật khó thay... được giảm nhẹ bớt. Lân thứ ba, nam cư sĩ Sona Kotikanna trong khi độc cư thiên tjnh... "... sông không gia đình. Lân thứ ba, nam cư sĩ Sona Kutikanna đi đên Tôn giả Mahãkaccãna và thưa... Hãy cho con xuất gia!" Rồi Tôn giả Mahãkaccãna cho nam cư sĩ Sona Kutikanna xuất gia. Lúc bây giờ, tại vùng phía Nam của xứ Avanti có ít Tỷ-kheo. Rồi Tôn giả Mahãkaccãna, sau ba kỳ an cư mùa mưa, một cách khó khăn, một cách mệt nhọc, tụ tập từ chỗ này chỗ nọ được một nhóm mười Tỷ-kheo và trao Đại giới cho Tôn giả Sona. Tôn giả Sona sau khi an cư mùa mưa độc cư thiên tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Ta chưa được thấy tận mặt Thế Tôn, tuy rằng ta có nghe Thế Tôn là vị như vậy, như vậy. Nêu vị Giáo thọ sư của ta cho phép, ta sẽ đi đên yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng GiAc." Rồi Tôn giả Sona vào buổi chiều, từ độc cư thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tồn giả Mahãkaccãna; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahãkaccãna rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sona thưa với Tôn giả Mahãkaccãna: -Thưa Tôn giả, trong khi con độc cư thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Ta chưa được thấy tận mặt Thế Tôn... Chánh Đẳng Giác.,, -Lành thay, lành thay, Sona! Hãy đi, này Sona, để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này Sona, người sẽ thấy Thế Tôn khả ái, khơi dậy lòng tin, các căn an tịnh, tâm ý thanh tịnh, đã đạt được an chỉ chế ngự tối thượng, bậc Long tượng được điêu phục, hộ trì, các căn nhiêp phục. Sau khi thấy, hãy nhân danh ta, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, nhẹ nhàng, khỏe mạnh, an ổn không, thưa rằng: 4íBạch Ngài, Giáo thọ sư

của con là Tôn giả Mahãkaccãna cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Ngài có ít bệnh, ít não, nhẹ nhàng, an ôn kh6ĩig?" Thưa vang, Ton gia. Tôn giả Sona hoan hỷ tín thọ lời dạy của Tôn giả Mahãkaccãna, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tôn giả Mahãkaccãna, thân bên hữu hướng về Tôn giả, dọn dẹp sàng tọa, câm y bát, bộ hành hướng vê Sãvatthi; cứ đi như vậy cuôi cùng thì đến Sãvatthi, Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika, đến chỗ Thế Tôn; sau 1 • 4. Ar J. 2 __ 1 _ 1 1 Ạ FT^1_ Ạ r-r-1 / _
\ f A •___ Ạ _A • _ _ A ___ _____J _ A •. ___ A _ _ Tk T _ A r A, _ rr-1 _____ i _
khi đên, đảnh lê The Tôn rôi ngôi xuong một ben. Ngôi xuong một ben, Ton giả Sona bạch Thế Tôn: Bạch Ngài, Giáo thọ sư của con là Tôn giả Mahãkaccãna cúi đầu đảnh lễ, hỏi thăm... có an ổn không? -Này Tỷ-kheo, ông có kham nhẫn được không? Ông có sống dễ dàng không? Đi đường đên đây không có mệt nhọc, khât thực không có mệt nhọc chứ? -Bạch Thế Tôn, con có thể kham nhẫn. Bạch Thế Tôn, con có thể sống dê dàng. Bạch Ngài, con đi đường không có mệt nhọc, khât thực không có mệt nhọc. Rồi Thế Tồn bảo Tôn giả Ãnanda: -Này Ãnanda, hãy sửa soạn sàng tọa cho Tỷ-kheo mới đến này! Tôn giả Ãnanda suy nghĩ: “Thế Tôn bảo ta: 'Này Ãnanda, hãy sửa soạn sàng tọa cho Tỷ-kheo mới đến này!' Như vậy, Thế Tôn muốn ở chung một chỗ với Tỷ-kheo ấy. Như vậy, Thế Tôn muốn ở chung với Tôn giả Sona ấy." Nên chỗ nào Thê Tôn ở, tại

chô ây, Tôn giả Ananda sửa soạn sàng tọa cho Tôn giả Sona. Rôi Thế Tôn, sau khi ngồi ở ngoài trời đã quá khuya, rửa chân và đi vào tinh xá. Tôn giả Sona, sau khi ngồi ngoài trời đã quá khuya, rửa chân và đi vào tinh xá. Rồi The Ton, khi đêm đã gan sang, thức day, The Ton nói với Ton gia Sona: -Hãy nói pháp cho các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Sona vâng đáp Thê Tôn, đọc thuộc lòng mười sáu phân của phâm thứ tám83 một cách đầy đủ. Sau khi Tôn giả Sona chấm dứt tụng đọc của mình, Thê Tôn nói: Lành thay, lành thay Tỷ-kheo! Tỷ-kheo đã khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì toàn bộ mười sáu phân trong phâm thứ tám. Người được đây đủ thiện ngôn,84 minh bạch, phát ngôn rõ ràng, ý nghĩa minh xác. Này Tỷ-kheo, ông có bao nhiêu tuổi an cư mùa mưa? -Bạch Thế Tôn, con có một tuổi an cư mùa mưa. -Này Tỷ-kheo, vì sao ông lại để chậm như thế?

83 Chỉ cho chương IV của Suttanipãta, bắt đàu từ Kămasutta (Kinh về dục) gồm có 209 bài kệ. 84 Câu này được tìm thấy trong A. II. 50, 96; s. I. 240; II. 280.

158 KINH TIÊU Bộ

Bạch Thế Tôn, đã lâu con thấy sự nguy hại trong các dục, nhưng sự bó buộc của đời sông gia đình, nhiêu phận sự, nhiêu công việc phải làm. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Thây nguy hại ở đời, Biêt pháp không sanh y, Bậc Thánh không ưa ác, Bậc tịnh không ưa ác.

§7. KINH KANKHÃREVATA (Kankhãrevatasuttảỷ5 (Ud. 60) 47. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thê Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ồng Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Kankhãrevata ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngôi kiêt-già, lưng thăng, tự mình quán sát sự thanh tịnh do vượt qua được nghi ngờ. Thê Tôn thây Tôn giả Kankhãrevata ngôi không xa bao nhiêu, ngôi kiêt-già, lưng thăng, tự mình quán sát sự thanh tịnh do vượt qua được nghi ngờ. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Phàm những nghi hoặc gì, Đời này hay đời sau, Tự mình cảm nhận được, Hay người khác cảm nhận, Người hành thiền từ bỏ, Hoàn toàn tất cả chúng, Nhiệt tâm hành Phạm hạnh.

§8. KINH CHIA RẼ TĂNG CHỦNG (Sanghabhedasutta)^ ạjd. 60) 48. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thê Tôn trú ở Rậjagaha, tại VèỊuvana, chô nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ãnanda trong ngày trai giới, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Rặjagaha để khất thực. Devadatta thấy Tôn giả Ãnanda đi khất thực ở Rặjagaha; sau khi thây, đi đên Tôn giả Ananda và nói với Tôn giả Ananda: -Bắt đầu từ hôm nay, Hiền giả Ãnanda, ta sẽ làm lễ trai giới và sẽ tác thành các Tăng sự riêng khác với Thế Tôn, khác với chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Ãnanda, sau khi đi khất thực ở Rajagaha xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Rajagaha để khất thực. Bạch Thế Tôn, Devadatta thấy con đi khất thực ở Rặjagaha, thấy*

85 Tham chiếu: Ap. II. 491; Kv. 180; Xuất diệu kinh ctSong yeu phanf5 (T.04. 0212.30. 0747c06); Pháp tập yếu tụng kinh "Tirơng ưng phẩm,, (7.04. 0213.29.

0792c29). 86 Tham chiếu: Vin. II. 180; Xuất diệu kinh t4Ác hành phaiif5 Him(r.04. 0212.29. 074lb24); Pháp tập yếu tụng kinh uTọi chướng phẩm” (r04. 0213.28. 0792al7).

PHẬT Tự THUYẾT 159

vậy liên đi đên con và n6i: “Băt đâu từ hôm nay, Hiên giả Ananda... khác với chúng Ty-kheo." Hôm nay, bạch Thế Tôn, Devadatta sẽ phá hòa hợp Tăng, làm lễ trai giới và hành các Tăng sự. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Dễ làm là việc lành, Đối với kẻ làm lành. Khó làm là việc ác, Đối với kẻ làm lành. Dễ làm là việc ác, Đối với kẻ làm ác. Khó làm là việc ác, Đối với các bậc Thánh.

§9. KINH LỜI NHIẾC MẮNG (Sadhãyamãnasutta)^ ụjd. 61) 49. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn bộ hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ- kheo. Lúc bây giờ, nhiêu thanh niên Bà-la-môn không xa Thê Tôn bao nhiêu, dùng những lời nhiêc măng vượt đà quá xa. Thê Tôn thây nhiêu thanh niên không xa bao nhiêu, dùng những lời nhiêc măng vượt đà quá xa. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Người mờ mịt, ngơ ngác, Tỏ ra mình có trí, Dùng ngôn từ sáo rỗng, Chỉ muốn mở miệng rộng, Cái gì dắt dẫn họ, Họ cũng không biết rõ.

§10. KINH CŨLAPANTHAKA (CũIapanthakasuttàỷ^ (Ud. 61) 50. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ồng Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả CũIapanthaka ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết- già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Thế Tôn thấy Tồn giả CũIapanthaka ngồi không xa bao nhiêu, ngôi kiêt-già, lưng thăng, đê niệm trước mặt. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Với thân tâm an trú, Đứng, ngồi hay nằm xuống, Tỷ-kheo an trú niệm, 89 được thù thắng, Trước sau87 88 Trước sau thù thăng rôi, Vượt tầm mắt Ác ma.

87 Tham chiếu: M. III. 152; J. III. 488; Vin. I. 337. 88 Tham chiếu: cú kinh "Dụy niem phẩm"(04. 0210.6. 0561al6)zAwấí diệu kỉnh “DuyjậệỊnphẩm"(7.04. 0212.16. 0698b06); Pháp tập yểu tụng kỉnh "ức niệm phẩm^, (T.04. 0213.15. 0784bl4). 89 Theo Chủ giải, đây chỉ cho "chí" rồi đến "quán."

VI. PHẨM SANHRAĐÃ MÙ ỰACCANDHAK4GGA)

§1. KINH TỪ BỎ THỌ HÀNH (Ãyusankhãrossajjanasuttà)9Q ụjd. 62) 51. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Đại Lâm, chỗ ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm ỵ bát, đi vào Vesali để khất thực. Khất thực ở Vèsãli xong, sau bữa ăn, khi đi khất thực trở về, Thế Tôn gọi Tôn giả Ãnanda: -Này Ãnanda, hãy cầm tọa cụ, Ta sẽ đi đến đền Cãpãla để nghỉ ban ngày! -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ãnanda vâng đáp Thế Tôn, cầm tọa cụ và đi sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn đi đến đền Cãpãla; khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda: -Này Ãnanda, khả ái thay Vesãli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattamba! Khả ái thay đền Bahuputta! Khả ái thay đền Sãrandada! Khả ái thay đền Cãpãla! Này Ãnanda, những ai đã tu tập bốn như ý túc, làm cho sung mãn,

thành thạo, thông suôt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, nêu muôn, người ây có thê sống đến một kiếp hay hơn một kiếp. Này Ãnanda, nay Như Lai đã tu tập bốn như ý túc, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, này Ananda, nêu muôn, Như Lai có thê sông đên một kiêp hay hơn một kiếp. Nhưng Tôn giả Ananda không thê nhận hiêu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: 4tBạch Thế Tồn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời và loài ngườd!" Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh. Lần thứ hai... Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda: -Này Ảnanda, khả ái thay Vesãli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattamba! Khả ái thay đền Bahuputta! Khả ái thay đên Sãrandada! Khả ái thay đên Cãpãla!... 90 Tham chiếu: D. II. 72, Mahãparinibbãnasutta (Kỉnh Đại Bái-niết-bàn), số 16; 5. V 258, Cetiyasutta (Kinh Đền thờ); A. IV. 308, Bhũmỉcãlasutta (Kinh Động đấi); Địa động kinh (T.01. 0026.36. 0447b23); Tang.J^ (7\02. 0125.42.5. 0753cll); Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự (7.24. 1451.35. 0382b29). •

Nhưng Tôn giả Ãnanda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời và loài nguôi!" Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh. Rồi Thể Tôn nói với Tôn giả Ãnanda: -Này Ãnanda, hãy đi và làm những gì ông nghĩ là hợp thời! -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. __ _ — _ _ __ r ___ ,

Tôn giả Ananda vâng đáp The Tôn, từ cho ngôi đứng dậy, đảnh lê Thê Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ngồi xuống một gốc cây không xa bao nhiêu. Tôn giả Ananda ra đi không bao lâu, Ac ma đi đên Thê Tôn; sau khi đên, liền đứng một bên. Đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, nay Thế Tồn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ chưa diệt độ, khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng được huân luyện, đạt được tự tín, an ôn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp; sau khi học hỏi giáo lý từ thầy của mình, họ chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai mở, phân tích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, họ chưa có thể chất vấn, khéo hàng phục một cách đúng pháp, thuyết pháp thần dieu." Bạch Thế Tôn, nay có những Tỷ-kheo đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín, an on khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sông chánh hạnh, sông tùy pháp; sau khi học hỏi giáo lý từ thây của mình, họ tuyên bô diễn giảng trình bày, xác định, khai mở, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, sau khi chất vấn, họ khéo hàng phục một cách đúng pháp, thuyết pháp thần diệu. Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ!

Bạch Thế Ton, nay đã đên thời The Ton diệt độ. Bạch The Ton, đây la lời Thê Ton đã nói: 4'Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo-ni của Ta... những nam cư sĩ của Ta... những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng... thuyết pháp thần dieu." Bạch Thế Tôn, nay có những Tỷ-kheo-ni... những nam cư sĩ... những nữ cư sĩ đệ tử của Thê Tôn có tài năng, được huân luyện, đạt được tự tín... có thể thuyết pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tồn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: t4Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào Phạm hạnh này của Ta chưa được thịnh hưng, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài người."

PHẬT Tự THUYẾT 163

Bạch Thế Tôn, nay Phạm hạnh của Thế Tôn đã được thịnh hưng, thịnh đạt, phô biên, quảng bá, biên mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài người. Như yậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Ác ma: -Này Ác ma, hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ! Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ. Và tại đền Cãpãla, Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, từ bỏ thọ hành, không duy trì mạng sống lâu hơn nữa. Khi Thế Tôn từ bỏ thọ hành, thời đại địa chấn động, ghê rợn, lông tóc dựng ngược, sấm trời vang dậy. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Cân nhắc giữa Niết-bàn, Và nguôn sanh của hữu, Bậc Ẩn sĩ từ bỏ, Các hành động sanh hữu, Ưa thích hướng nội tâm, Thật định tĩnh an tịnh, Phá đồ ngã sanh hữu, Như phá tan áo giáp.

§2. KINH BẢY VỊ BỆN TÓC (Sattaiatilasuttảy1 (ưd. 64) 52. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, tại Đông Viên, lâu đài của mẹ Migãra. Lúc bấy giờ, Thế Tôn vào buổi chiều, từ độc cư thiền tịnh đứng dậy và đến ngồi tại cửa ngoài của lâu đài. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn; saũ khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngôi xuông một bên. Lúc bây giờ, bảy vị bện tóc, bảy vị Ni-kiên-tử, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ với nách đầy lông, với móng tay dài, mang các dụng cụ khất sĩ, đã đi ngang qua Thế Tôn không xa bao nhiêu. Vua Pasenadi nước Kosala nhìn thây bảy vị bện tóc... qua Thê Tôn không xa bao nhiêu. Rôi Vua Pasenadi nước Kosala, từ chô ngôi đứng dậy, đăp y một bên vai, quỳ xuống trên đầu gối tay mặt, chắp tay hướng về bảy vị bện tóc, bảy vị Ni-kiên-tử, bảy vị lõa thê, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ây, nói lên ba lân tên của mình: "Thua chư Tôn giả, con là Vua Pasenadi nước Kosala!" Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, khi bảy vị bện tóc, bảy vị Ni-kiền-tử, bảy vị lõa thê, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ây đã đi ngang qua không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

91 Tham chiểu: s. I. 77, Sattajatilasutta (Kinh Bảy vị bện tóc)', Tạp.(7.02. 0099.1148. 0305c21); Biệt Tạp.(T.02. 0100.71.0399al 9); Xuất diệu kinh uLợi duangpharrf,(04. 0212?14. 0687b07); Pháp tập yếu tụng kỉnh í4Lợi dưỡng phẩm,, (04 0213.13. 0783c04).

Bạch Thế Tôn? có phải những Tôn giả ấy là những vị A-la-hán trên đời này, hay là những vị đang đi trên con đường hướng đến đạo quả A-la-hán? Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ5 trong khi còn sống với gia đình, thọ hưởng dục lạc, bị vợ con trói buộc, quen dùng các loại chiên-đàn ở \

xứ Kãsĩ, trang sức với vòng hoa, hương thơm, dâu sáp, thọ hưởng vàng và bạc? thời Đại vương thật khó biêt được các vị ây là bậc A-la-hán hay là bậc đang đi con đường hướng đến A-la-hán quả. Thưa Đại vương, chính phải cộng trú mới biết được giới đức của một người, và như vậy? phải trong một thời gian dài, không thể ngày được; phải có chú ý, không phải không có chú ý; phải có trí

tuệ, không phải không có trí tuệ. Thưa Đại vương, chính phải có liên hệ mới biết được sự thanh liêm của một người, phải trong một thời gian dài, không thể ít ngày được; phải có chú ý? không phải không có chú ý; phải có trí tuệ, không phải không có trí tuệ. Thưa Đại vương, chính trong thời gian bất hạnh mới biết được sự trung kiên của một người, phải trong một thời gian dài, không thể ít ngày được; phải có chú ý, không phải không chú ý; phải có trí tuệ, không phải với không có trí tuệ. Thưa Đại vương, chính phải đàm luận mới biết được trí tuệ của một người, phải trong một thời gian dài, không thể ít ngày được; phải có chú ý, không phải không chú ý; phải có trí tuệ, không phải với không có trí tuệ. Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Khi Thế Tôn đã khéo nói như sau: "Thua Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ... không phải không có trí tueBạch Thế Tôn, những người này là những người cải trang, những trinh thám của con, những người trinh sát này sau khi đi trinh sát một nước, họ đến con. Trước hết, họ điều tra rồi con mới đúc kết. Bạch Thế Tôn, ở đây, những người ấy sau khi tẩy sạch bụi và nhớp, sau khi tắm rửa và xoa dầu, sau khi chải sạch râu tóc, mặc áo vải trắng, họ được hầu hạ săn sóc và cho thọ hưởng năm dục công đức. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Chớ siêng năng cố gắng, Tại bất cứ chỗ nào, Chớ trở thành là người, Thuộc vào con người khác, Chớ có sống ỷ lại, Nương tựa vào người khác, Chớ sống buôn bán pháp.

§3. KINH QUÁN SÁT (Paccavekkhaṇasuttdỷ2 ạjd. 66) 53. Như vầy tôi nghe.

92 Tham chiếu: Dh. V. 228; Pháp cu kinh^^ nộ phẩm" (04. 0210.25. 0568a03); Phậppm"(F.04. 0210.36. 0573a23); Pháp cú thỉ dụn phẩm,,3,04. 0211.25. 05§6aQ5);•0phẩm" (T.04. 0212.27. 07Xuất diệu kinh "S911(T.04. 0212.30. 0747c06); Pháp tập yếu tụng kinh uViên tịch pham, ft (T.04. 0213.26. 0790bl6); Pháp tậpyếu tụng kinh uTương ưng phẩm,, (rO4. 0213.29. 0792c29).

PHẬT Tự THUYẾT 165

Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. LÚC bây giờ, Thê Tôn ngôi quán sát các pháp bât thiện của mình được trừ diệt và các pháp thiện của mình được tu tập, làm cho tăng trưởng. Rồi Thế Tôn, sau khi biết các pháp bất thiện của mình đã được trừ diệt và các pháp thiện của mình được tu tập, được làm cho

sung mãn, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Trước có nay không có, Trước không có nay có, Đã không và sẽ không, Và nay hiện không có.93

§4. KINH THỨ NHẤT VỀ NGOẠI ĐẠO (Pathamanãnãtìtthiyasuttà) (Ud. 66) 54. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, một số đông các ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào Sãvatthi để khất thực. Họ có quan điểm khác nhau, có kham nhẫn khác nhau, có sở thích khác nhau, y cứ nương tựa vào quan điểm khác nhau. Một số Sa-môn, Bà-la-môn, luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là thường còn, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vqgg." Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.^, Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là có biên tế, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.,, Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng,,, Một sô Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyêt như sau, quan điêm như sau: "Sanh mạng và thân thê là một, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.,, Một sô Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Sanh mạng và thân thể là khác, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư VQĩig." Một số Sa-môn, Bà-la- môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.,, Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điêm như sau: "Nhu Lai không có tôn tại sau khi chêt, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.,, Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.,, Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.,, Họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: “Nhu thế này là pháp, như thế này không phải pháp; như thế này không phải pháp, như thế này là pháp." Rồi nhiều Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực; khất thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn, khi đi khất thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

93 Xem s. III. 55; Pss. Breth. V. 138.

-Ở đây, bạch Thế Tôn, một số đông ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà- la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào Sãvatthi để khất thực... như thế này không phải pháp, như thế này là pháp." -Này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết mục đích, không biết không phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp. Do họ không biết mục dí ch, do họ không biết không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đâu tranh... như thê này là ph9p.” Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, tại thành Sãvatthi này, có một ông vua, này các Tỷ-kheo, ông vua ấy bảo một người: "Này người kia, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sãvatthi, hãy nhóm tất cả lại một ch6." "Thua vâng, Đại vương." Này các Tỷ-kheo, người ây vâng đáp ông vua ây, phàm có bao nhiêu những người sanh

ra đã mù ở Sãvatthi, người ấy giữ lại tất cả rồi đi đến ông vua ấy, sau khi đến thưa với vị vua: "Thua Đại vương, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sãvatthi đã được tụ tập lại." "Nay khanh, hãy đưa ra một con voi cho những người mù!,, "Thua vâng, Đại vương." Này các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp ông vua ấy, đưa ra một con voi cho những người mù: "Này các người mù, đây là con voi." Với một số người mù, ông ta đưa cái đầu và nói: “Này các người mù, đây là con voi." Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lỗ tai con voi và nói: uNày các người mù, đây là con voi.,, Đối với một số người mù, ông ta đưa cái ngà con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi." Đối với một số người mù, ồng ta đưa cái vòi con voi và nói: 4'Này các người mù, đây là con voi.,, Đối với một số người mù, ông ta đưa cái thân con voi và nói: 4<Này các người mù, đây là con voi.,, Đối với một số người mù, ông ta đưa cái chân... Đối với một số người mù, ông ta đưa bắp đùi... Đối với một số người mù, ông ta đưa cái đuôi... Đối với một số người mù, ông ta đưa cái nhóm lông đuôi và nói: "Này các người mù, đây là con voi.,, Này các Tỷ-kheo, rồi người ấy sau khi đưa con voi cho các người mù, đi đến ông vua ấy; sau khi đên, tâu với vua: "Thua Đại vương, con voi đã được các người mù thây, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thòi!" Rồi này các Tỷ- kheo, ông vua đi đên các người mù ây, sau khi đên, nói với họ: "Này các người mù, các ông đã thấy con voi chua?" "Thua Đại vương, chúng tôi đã thấy con voi." t4Này các người mù, hãy nói con voi là như thê nào?" Này các Tỷ-kheo, những ai thấy đầu con voi, họ nói như sau: "Thua Đại vương, con voi là như thế này, như cái ghè.,, Này các Tỷ-kheo, những ai được thấy cái tai con voi, họ nói như sau: "Thua Đại vương, con voi là như thê này, như cái rô sàng gạo." Này các Tỷ-kheo, những ai được thấy cái ngà con voi, họ nói như sau: "Thua Đại vương, con voi là như thế này, như cái CQC.” Những ai được thấy cái V .

như cán cày.,, Những ai được thấy cái thân... như cái kho chiía." Những ai được thấy cái chân..."... như cái cột.,, Những ai được thấy bắp đùi..."... như cái c6i." Những ai được thấy cái đuôi, họ nói như sau: "Thua Đại vương, con voi là

PHẬT Tự THUYẾT 167

như thế này, như cái ch y." Những ai được thấy cái nhóm lông đuôi, họ nói như

sau: “Thua Đại vương, con voi là như thế này, như cái ch6i." Họ nói: '6 Như thế này là con voi, con voi không phải như vậy. Con voi không phải như vậy, như thế này là con voi." Cho đến khi họ đánh lộn nhau bằng tay. Rồi này các Tỷ-kheo, ông vua ấy hoan hỷ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt... như thế này là pháp." Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Có một số Sa-mồn, Cùng với Bà-la-môn, Quả thật họ chấp trước, Trong các luận thuyết này, Họ tranh luận, tranh chấp, Họ nhìn chỉ một phía.

§5. KINH THỨ HAI VÈ NGOẠI ĐẠO (Dutiyanãnãtitthiyasutta) ạjd. 69) 55. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, nhiều ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ trú ở Sãvatthi, họ có quan điểm khác nhau, họ có kham nhẫn khác nhau, họ có sở thích khác nhau, họ y cứ nương tựa vào quan điêm khác nhau. Một sô Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau,

quan điểm như sau: "Tịt ngã và thế giới là thường còn, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.,, Một số Sa-môn, Bà-la- môn... 4tTự ngã và thế giới là vô thường...uTự ngã và thế giới là thường còn và vô thuờng..."... "Tịt ĩigãí và thế giới là không thường còn và không vô thuờng..."... "Tự ngã và thế giới do tự mình tạo ra..."... "Tịt ngã và thế giới do người khác tạo ra..."... "Tịt ngã và thế giới do tự mình và người khác tạo ra...”... "Tịt ngã và thế giới không do tự mình tạo ra, không do người khác tạo ra, do vô nhân sanh, tự nhiên...4tLạc khô, tự ngã và thê giới là thường còn...,\.. "Lạc khổ, tự ngã và thế giới là vô thuờọg..."... "Lạc khổ, tự ngã và thế giới là thường còn và vô thuờng..."... í4Lạc khổ, tự ngã và thế giới là không thường còn và không vô thuèmg..."... "Lạc khổ, tự ngã và thế giới là do tự mình tạo ra..."... 4tLạc khổ, tự ngã và thế giới là do người khác tạo ra..."... uLạc khổ, tự ngã và thế giới là do tự mình và người khác tạo ra..." Có một số Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyêt như sau, quan điêm như sau: “Lạc khô, tự ngã và thê giới là không tự mình tạo ra, không do người khác tạo ra, do vô nhân sanh." Họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng r r r

lưỡi: "Nhir thê này là pháp, như thê này không phải pháp; như thê này không phải pháp, như thế này là pháp." Rồi nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm y bát vào Vương Xá để khất thực; khất thực ở Vương Xá xong, sau bữa ăn, trở vê, đi đên Thê Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ây bạch Thê Tôn:

-Ở đây, bạch Thế Tôn, có nhiều ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la- môn, các du sĩ trú ở Sãvatthi... họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau băng binh khí miệng lưỡi: "Nhu thê này là pháp, như thê này z í - jF không phải pháp. Như thê này không phải pháp, như thê này là phap7, Này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết mục đích, không biết không phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp. Do họ không biết mục đích, do họ không biết không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: "Nhu thế này là r r r

pháp, như thê này không phải pháp. Như thê này không phải pháp, như thê này là phap." Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Có một số Sa-môn, Cùng với Bà-la-môn, Quả thật họ chấp trước, Trong các luận thuyết này, Họ bị chìm đắm xuống, Khi đang còn giữa dòng, Họ không đạt đến được, Đất cứng trên bờ kia.

§6. KINH THỨ BA VÈ NGOẠI ĐẠO (Tatiyanãnãtitthiyasuttảỷ4 (Ud. 70) 56. (Giống kinh thứ hai về ngoại đạo, chỉ khác đoạn kết luận như sau:) Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Có người ở đời này, Chấp ungười làm là ta", Trói buộc với tư tưởng, 4tNgười làm là người khác", Họ không biết sự này, Không thấy là mũi tên; Ai nhìn mũi tên này, Với thận trọng cần thiết, Người ấy không còn chấp "Ngiròi làm chính 12 ta", Người ấy cũng không chấp "Ngư&i làm là người khác,J; Loài người ở đời này, Bị kiêu mạn nhiếp phục, Bị cột bởi kiêu mạn, Bị trói bởi

kiêu mạn, Trong các loại chủ thuyết, Họ cao ngạo, luận tranh, Họ không thê vượt qua, Luân chuyên trong sanh tử.

§7. KINH SUBHŨTI (Subhũtìsuttăỷ5 ạjd. 71) 57. Như vầy tôi nghe.

94 11^111<±11^5"(T.04. 0212.28. 0736b06); Pháp tập yếu tụng kinh “Qiún sát phẩm” (7.04. 0213.27. 0791b03). 95,Tham chiếu: Xuất diệu kinh "Song yếu n"(7.04. 0212.30. 0747c06); Pháp tập yểu tụng kinh “Tương ưng phẩm” (7.0 0213.29. 0792c29).

Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấỵ giờ, Tôn giả Subhũti9697ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, nhập định Không tầm. Thế Tôn thấy Tôn giả Subhũti ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, nhập định Không tầm. Thế Tôn sau khi hiêu biêt ý nghĩa này, ngay trong lúc ây, nói lên lời cảm hứng: Với ai, tâm quét sạch, Nội tâm khéo căt đứt, Khồng còn chút dư tàn, Vượt qua ái nhiễm ấy, Đạt được tưởng vô săc, Vượt khỏi bốn ách phược, Không đi đến thọ sanh.

§8. KINH NGƯỜI KỸ NỮ (Gaụikãsutta)91 (Ud. 71) 58. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, ở Vương Xá có hai nhóm say đắm một người kỹ nữ, tâm bị ám ảnh, họ cạnh tranh, đấu tranh nhau. Họ đi đến đánh nhau bằng nắm tay, đánh nhau bằng cục đất, đánh nhau bằng gậy gộc, đánh nhau bằng kiếm. Họ đi đến chết, đi đến đau khổ gần như chết. Rồi nhiều Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Vương Xá đê khât . thực. Khât thực fở Vương Xá xong, sau buôi _ _ Ạf rr-1 _ r - ~ . w J ? Á rri 9 r 4Ạ ____ 11' 4- A 1 Ạ rrni_ Ạ rwn JL. Ạ• 9 Á, ăn, trở vê, các Tỷ-kheo đi đen Thê Tôn; sau khi đen, đảnh lê The Tôn, rôi ngôi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, ở Vương Xá có hai nhóm say đắm một người kỹ nữ... họ đi đến chết, đi đến đau khổ gẫn như chết. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Phàm cái gì đạt được, Cái gì cân phải đạt, Cả hai vướng bụi trần, Với kẻ bị bệnh hoạn, Học tập chưa thuân thục. Kẻ tinh chuyên học tập, Sông giữ gìn giới câm, Àn kham khổ Phạm hạnh, Đây là một cực đoan, Và có chủ thuyêt răng: "Trong dục không lỗi lầm,,? Là cực đoan thứ hai. - ù Cả hai cực đoan này,98 Làm mộ phân tăng trưởng, Và chính mộ phần này, Làm tăng trưởng tà kiến. Những ai không thăng tri, Cả hai cực đoan này, Có kẻ bị chìm đắm, Có kẻ chạy quá mau.

96 Tu-bồ-đề, Ngài được xem như vị sống viễn ly đệ nhất. 97 Tham chiếu: Netti. 128; Xuất diệu n"(T.04. 0212.28. 0736b06); Pháp tập yếu tụng kỉnh "Quán sát phẩm,, (7.04. 0213.27. 0791b03). 98 SnA. 350 giải7thích như sau: Hai cực đoan là khổ hạnh và dục lạc. Cả 2 đều sai lạc, yancapattanti nghĩa làrtrạng thái khổ đau của những ngươi tự làm khổ mình. Còn yancapattabbanti là qua tương lai của người đắmi say dục lạc. Các mộ phần chi cho ai và vô minh, 2 thứ này khiến tà kiến tăng trưởng.

Những ai thắng tri chúng, Không ở chỗ của chúng, Không có suy tư vậy, Không có tự quá mạn, Họ không có luân chuyên, Để được tuyên bố lên."

§9. KINH LAO VÀO ựjpãtidhãvantìsuttà)ẏw (Ud. 72) 59. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi giữa trời, trong đêm tối mù mịt, với những cây đèn dâu đang chói sáng. Lúc bây giờ, nhiêu loại côn trùng có cánh bay liệng tới lui rơi vào trong những đèn dầu ấy và gặp phải tai nạn, gặp phải hoại diệt, gặp phải tai nạn hoại diệt. Thế Tôn thấy nhiều loại côn trùng có cánh tiếp tục rơi vào... Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Họ vẫn đang lao vào, Nhưng không đến cốt lõi, Họ làm cho tăng trưởng, Các trói buộc mới mẻ, Như các loại côn trùng, Rơi vào trong ánh sáng, Có người dâng đời mình, Cho điều được thấy, nghe.

§10. KINH XUẤT HIỆN (Uppajjantisuttà)ỈQỈ (Ud. 72) 60. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. . Ĩ \Z • A

Rôi Tôn giả Ananda, đi đên Thê Tôn; sau khi đen, đanh lê Thê Tôn rôi ngôi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, cho đến khi nào các Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, không hiện hữu ở đời, cho đến khi ấy, các du sĩ ngoại đạo được cung kính, được tôn trọng, được đảnh lễ, được cúng dường, được tôn kính, nhận được các vật dụng, như: Ỵ, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng đến khi các Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, hiện hữu ở đời, cho đến khi ấy, các du sĩ ngoại đạo, không được cung kính, không được tôn trọng, không được đảnh lễ, không được cúng dường, không được tôn kính, không nhận được các vật dụng, như: Y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng, như: Y đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; chúng Tỷ-kheo cũng như vậy.

99 Xem 5. III. 59; IV. 391. 10Tham chiếu: Xuất diệu kỉnh "Song yếu phanf,(7.04. 0212.30. 0747c06); Pháp tập yếu tụng kinh "Tương ững phẩm,, (T.04. 0213.29. 0792c29). I!Tham chiếu: Xuất diệu kinh “Song plẶỊi"(04. 0212.30. 0747c06); Pháp tập yểu tụng kinh “Tương ưng phAm” (7.04. 0213.29. 0792c29).

PHẬT Tự THUYẾT 171

-Đúng như vậy, này Ãnanda. Cho đến khi nào các Như Lai không xuất hiện ở đời... dược phâm trị bệnh. Nhưng đên khi các Như Lai xuât hiện ở đời... dược phẩm trị bệnh. Này Ãnanda, nay Thế Tôn được cung kính... chúng Tỷ- kheo cũng vậy. Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, Thế Tôn nói lên lời cảm hứng: Con đom đóm chiêu sáng, Khi mặt trời chưa mọc, Khi mặt trời mọc lên, Ánh sáng đom đóm diệt, Cũng vậy là ánh sáng, Của các nhà ngoại đạo, Khi bậc Chánh Đẳng Giác, Chưa xuất hiện ở đời. Các nhà ưa biện luận, Không có được thuần tịnh, Cũng vậy đệ tử chúng. Còn các nhà tà kiến, Họ không được giải thoát, Khỏi các sự đau khổ.

vn. PHẨM NHỎ (CULAVAGGA)

§1. KINH THỨ NHẤT VỀ LAKUNDAKA BHADDIYA (Pathamalakundakabhaddiyasutta)102 (Ud. 74) 61. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. LÚC bây giờ, Tôn giả Săriputta với pháp thoại gôm nhiêu pháp môn đang trình bày, khích lệ, làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ Tôn giả Lakundaka Bhaddiya. Do Tôn giả Sãriputta, với pháp thoại gồm nhiều pháp môn trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ nên tâm của Tôn giả Lakundaka Bhaddiya được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Thế Tôn thấy Tôn giả Lakundaka Bhaddiya, do Tôn giả Sãriputta với pháp thoại gôm nhiêu pháp mồn trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ nên tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có châp thủ. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Trên dưới khắp tất cả, Được giải thoát hoàn toàn, Không còn có tùy quán, "Cái này chính là t6i." Giải thoát vậy vượt dòng, Trước chưa từng vượt qua, Không còn có rơi rớt, Vào sanh hữu thọ sanh.

§2. KINH THỨ HAI VỀ LAKUNDAKA BHADDIYA (Dutiyalakundakabhaddiyasutta)103 (Ud. 74) 62. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sãriputta nghĩ Tôn giả Lakundaka Bhaddiya là một vị Hữu học nên đã trình bày pháp thoại gôm nhiêu cách thức tu tập hơn nữa, đã khích lệ, làm phấn khởi, làm hoan hỷ. Thế Tôn thấy Tôn giả Sãriputta nghĩ Tôn giả Lakundaka Bhaddiya là một vị Hữu học nên đã trình bày pháp thoại gồm nhiều cách thức tu tập hơn nữa, đã khích lệ, làm phấn khởi, làm hoan hỷ.

102 Xem Netti. 63, 128; Pe. 23, 147. 103 Tham chiếu: Pháp cụ 'n phẩm,, (04. 0210.36. 0573a23); Xuất diệu kinh "Nê-ho phậ'(r.04. 0212.27. 0730c06); Pháp tập yêu tụng kinh "Viên tịch phẩm” ra(f04. 0213.26.0790bl6). ,

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Cắt đứt được luân hồi, Đạt được sự không dục, Hoàn toàn được khô cạn, Nước sông không chảy nữa, Luân hồi đứt, không quay, Là giải thoát đau khổ.

§3. KINH THỨ NHẤT VỀ CHÚNG SANH (Pathamasattasutta)w ạjd. 75) 63. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thê Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bây giờ, nhiêu người ở Sãvatthi phân lớn đăm say quá độ vê các dục, sông say đắm, tham đắm, tham muốn, đam mê, bị trói buộc, bị mê say trong các dục. Rồi một số đông Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sãvatthi để khất thực. Khất thực ở Sãvatthi xong, sau buổi ăn, trên đường trở về, họ đi đến Thê Tôn; sau khi đen, đảnh le The Tôn roi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, họ bạch Thế Tôn: -Ở đây, bạch Thế Tôn, những người ở Sãvatthi... bị mê say trong các dục. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Chúng sanh bị tham đắm, Trong các loại ái dục, Họ không thấy lỗi lầm, Trong phiền não kiết sử. Chác chắn các chúng sanh, Tham đắm trong kiết sử, Họ không vượt qua được, Bộc lưu rộng và lớn.

§4. KINH THỨ HAI VỀ CHÚNG SANH (Dutiyasattasutta)^ (Ud. 75) 64. Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ồng Anãthapindika. LÚC bây

giờ, nhiêu người ở Sãvatthi phân lớn đăm say quá độ vê các dục... (như kinh 63)... bị mê say trong các dục. Rôi Thê Tôn vào buôi sáng đăp y, câm y bát đi vào Săvatthi để khất thực. Thế Tôn thấy các người ấy ở Sãvatthi... bị mê say trong các dục. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Bị mù bởi các dục, Bị bao phủ bởi lưới, Bị ái dục bao trùm, Lại còn bị trói buộc,*

1°4 Thạm chiếu: Pe. 1, 23;,40" (r.04. 0212.28. 0736b06); Pháp tập yếu tụng kinh "Quán sát phẩm(7.04. 0213.27. 0791b03). 105 Tham chiếu: Thag. V. 295; Netti. 33,,128; Pe. 23; Phập cú kinh t4Ái dục phẩm,, (7.0% 0210.32. 0570cl6);&^@?w_@W(Aip!ẩm ” (7.04. 0212.3. 0632b23); Pháp tạp yếu tụng kinh “Tham phẩm,, (T.04. 0213.3. 0778b 15).

PHẬT Tự THUYẾT 175

Bởi thân băng phóng dật, Như cá măc miệng lưới, Họ đi đến già chết, Như bê bú sữa mẹ.

§5. KINH KHÁC VÈ LAKUNDAKA BHADDIYA (Aparalakuụdakabhaddỉyasuttà)^ (Ud. 76) 65. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Lakundaka Bhaddiya đi theo sau lưng nhiều Tỷ-kheo, đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy Tôn giả Lakundaka Bhaddiya đi theo sau lưng nhiều Tỷ-kheo, xấu xí, khó nhìn, khòm lưng, phần lớn bị các Tỷ-kheo tỏ vẻ xem thường; thấy vậy, nói với các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, các ông có thây chăng, Tỷ-kheo này từ đàng xa... bị các Tỷ-kheo tỏ vẻ xem thường? - Thưa có, bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ây, này các Tỷ-kheo, có đại thân lực, có đại uy lực. Thiên chứng nào trước đây chưa từng chứng được bởi Tỷ-kheo ấy là thiền chứng không dễ gì chứng được. Và vì mục đích gì các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình, tức là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, vị ây ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Bộ phận không khuyêt thiêu, Có tán trăng che trên, Chỉ có một căm xe, Chiêc xe được di chuyên,106 107108 Hãy thấy vị ấy đến, Không phiền muộn khó khăn, Dòng nước đã căt đứt, Vị ấy không trói buộc.

§6. KINH ÁI ĐƯỢC DIỆT (Tanhãsankhayasuttà)ỵ^ (Ud. 76) 66. Như vây tôi nghe. Một thời, Thê Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. 106 Tham chiếu: s. TV.29\,Pathamak0mabhusutta (Kinh thứ nhất vệ Kãmabhũ)', Pe. 23; Xuất diệu kinh &1(7.04. 0212.28. 0736b06); Pháp tập yếu tụng kỉnh uQuán sát phẩm,, (T.orO213.27.O791bO3). 107 Theo Chủ giải, bộ phận không khuyết thiếu tức là vị ấy có giới hoàn toàn trong sạch; tán trắng che trên ý nói trạng thái hoàn toàn thanh tịnh, sự giải thoát của bậc đã đạt quả A-la-hán; một căm xe chỉ cho chárih niệm, chiếc xe tức là bản thân của vị ay. 108 Tham chiếu: A. II. 6, Appassutasutta (Kinh Nghe ỉ í); Ả. II. 27, A riyavamsasutta (Kinh Truyền thống bậc Thanh)', A. III. 46, Sappurisasutta (Kinh Bậc chân nhân); Dh. V. 230; Pháp củ kỉnh 'Thẫnnộ phẩn^ (7.04. 0210.25. 0568a03); Pháp củ thỉ dụ:nộ phẩm,, (r.04. 0211.25. 0596a05); Xụẩtdiệu kinh "Văn pham?,(7.04. 0212.23. 0720c08); Xuất dỉệụ kỉnh "Song yếu

phẩnf,(r.04. 0212.30. 0747c06); Pháp tập yếu tụng kỉnh "pa văn pli(7.04. 0213.22. 0788a04); Pháp tập yếu tụng kinh ‘Tirơng ưng phẩm,, (f04. 0213.29. 0792C29).

176 KINH TIỂU Bộ

LÚC bấy giờ, Tôn giả Annatakondanna ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đang quán sát lại sự giải thoát do ái được diệt. Thế Tôn thấy Tôn giả Annatakondanna ngồi không xa bao nhiêu, ngòi kiết-già, lưng thẳng, đang quán sát lại sự giải thoát do ái được diệt. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Rễ khồng có bén đất, Không lá, đâu dây leo, Bậc trí thoát trói buộc, Ai dám chê vị ấy, Chư thiên khen vị ây, Phạm thiên cũng ngợi khen.

§7. KINH ĐOẠN DIỆT CHƯỚNG NGẠI (Papancakhayasuttà)ÌW (Ud.77) 67. Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi quán sát lại sự từ bỏ, đoạn diệt các tưởng, chướng ngại của mình.109 110 Rồi Thế Tôn, sau khi biết sự từ bỏ, đoạn diệt các tưởng, chướng ngại của mình, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Với ai các chướng ngại, Không còn có an trú, Thoát ly được dây xích, Thoát ly được thanh chán,111112 Chư thiên và thế giới, Không thê nào xem thường, Sở hành vị ẩn sĩ, Đã vượt khỏi tham ái.

§8. KINH KACCÃNA (Kaccãnasutta)ẹn ajd. 77) 68. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thê Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahãkaccãna ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết- già, lưng thẳng, với thân hành niệm khéo an trú trước mặt trong nội tâm. Thế Tôn thấy Tôn giả Mahãkaccãna ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, với thân hành niệm khéo an trú trước mặt trong nội tâm. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Với ai thường thường niệm, Liên tục trú thân hành, "TrưGc không thể có được, Với tôi, sẽ không có,113

109 Tham chiếu: Netti. 33; Xuất diệu kinh "Song yếu phanf5 ỈẾÍJÌ(7.04. 0212.30. 0747c06); Pháp tập yếu tụng kỉnh “Tương ưng phẩm,, (6*. 0213.29. 0792c29).
110 Là tham, sân, si, kiến, ái, mạn. 111 Theo Chú giải, "dây xích" chỉ cho tham ái và tà kiến, làm ngăn ngại việc tiến vào cổng thành Niết- bàn; “thanh chắn" chỉ cho vô minh, làm ngăn ngại việc phân biệt rõ. 112 Tham chiếu: Phập cú kinh :Duy niệm phẩm"(7.04. 0210.6. 0561al6); Xuất diệu kinh "Duy m”(r.04. 0212.16. 0698b06); Pháp tập yếu tụng kinh t4ức niệm phm” (7.04. 0213.15. 0784bl4). '
113 Theo Chú giải, không có ở đây là không có tự ngã, ngũ uẩn.

PHẬT Tự THUYẾT 177

Sẽ không thể có được, Với tôi, nay sẽ không.,, Tiếp tục trú như vậy, Đúng thời vượt tham ái.

§9. KINH GIẾNG NƯỚC (Udapãnasuttà)^ (Ud. 78) 69. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Mallã cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến làng Bà-la-mồn của dân chúng Mallã tên là Thũna. Các Bà-la- mồn gia chủ ở Thũna được

nghe: "Sa-m6n Gotama từ dòng họ Thích-ca xuất gia, đang bộ hành giữa dân chúng Mallã cùng với đại chúng Tỷ-kheo, nay đã đến Thũiạa." Họ đổ đầy miệng giếng với cỏ và trấu với ý nghĩ: "Mong rằng các Sa-môn trọc đầu ấy không có nước u6ĩig." Rồi Thế Tôn, từ trên đường bước xuống, đi đến dưới một gốc cây; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda: Này Ananda, hãy đem nước uồng từ nơi giêng này cho Ta! Khi được nói vậy, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, nay các giếng ấy bị các gia chủ Bà-la-môn ở Thũna lấp đầy miệng với cỏ và trâu với ý nghĩ: "Mong răng các Sa-môn trọc đâu ây không có nước u6ng." Lần thứ hai, Thế Tôn bảo Tôn giả Ãnanda: -Này Ãnanda, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta! Lần thứ hai, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, nay các giếng ấy... . không có nước u8ng.” Lần thứ ba, Thế Tôn bảo Tôn giả Ãnanda: -Này Ãnanda, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ãnanda vâng đáp Thế Tôn, lấy bình bát, đi đến cái giếng ấy. Tại cái giếng ấy, khi Tôn giả Ãnanda đi đến, phun ra tất cả cỏ và trấu khỏi miệng giếng, và nước trong sáng, không câu uê, trong lặng, tràn đây miệng, tưởng như là tràn 115 Rồi Tôn giả Ãnanda suy nghĩ: "That kỳ diệu thay! Thật hy hữu thay, ra ngoài.114 là đại thân lực, đại uy lực của Như Lai! Cái giêng này khi ta đên, phun ra tât cả cỏ và trâu khỏi miệng giêng... như là tràn ra ngoài. Roi Tôn giả Ananda câm lấy bát nước, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, bạch Thế Tôn: -Thật kỳ diệu thay! Thật hy hữu thay, là đại thần lực... như là tràn ra ngoài! Bạch Thế Tôn, hãy uống nước! Bạch Thiện Thệ, hãy uống nước!

114 Tham chỉếu: Xuất diệu kinh niiỊủy pỊin"(T.04.0212.18.0706c07); p/z tập yếu tụng “Thiỉy du phẩm” (r.04. 0213.17. 0785c02). '' 115 Lúc trước nước sâu phải dùng dây, nay nước tràn miệng giếng, con quạ có thể uống được (Chú giải).

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Cân làm gì với giêng, Khi nước có cùng khăp, Chặt đứt ái từ gốc5 Cần hành, tầm cầu gì?

§10. KINH UDENA (Udenasuttà)n6 (Ud 79) 70. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, Vua Ưdena đang đi ngoài vườn thì nội cung bị cháy và năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là Sãmãvatĩ. Rồi nhiều Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Kosambĩ đê khât thực. Các Tỷ-kheo ây khât thực ở Kosambĩ xong, sau buổi ăn, trên đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi Vua Udena đi ra ngoài vườn, nội cung bị cháy, năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là Sãmãvatĩ. Các nữ cư sĩ ấy, sanh thú họ là gì? Tương lai họ thế nào? Này các Tỷ-kheo, có nữ cư sĩ là bậc Dự lưu, có bậc Nhất lai5 có bậc Bất lai. Này các Tỷ-kheo, tất cả các nữ cư sĩ ấy mạng chung không phải không có kết quả. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Đời bị si trói buộc, Được thấy bị tái sanh, Bị trói bởi sanh y, Kẻ ngu bị mù vây, Tự thấy mình thường còn, Nhưng với ai thấy được, sể khống có vật gi.1**

116 Bản PTS, Tích Lan và Thái Lan viết Ụdenasutta. Bản CST viết Utenasutta. Xem Netti. 56, Pannattiharavibhanga (Phân tích cách truyền đạt bằng sự mồ tả). 117 Bộ Netti giải thích ỉà tham, sân, si.

vm. PHẨM DÂN LÀNG PÃTALI (PẴTALIGÂMIY4K4GGA)

§1. KINH THỨ NHẤT LIÊN HỆ ĐÉN NIẾT-BÀN (Pathamanibbanapatisamyuttasutta)118119 (Ud. 80) 71. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tồn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapiụdika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoại liên hệ đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy y r f

chú tâm, tác ý, dôn tât cả tâm tư lăng nghe pháp. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: -Này các Tỷ-kheo, có xứ này, tại đây không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió, không có Hư không vô biên xứ, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không có đời này, không có đời sau, không có cả mặt trăng và mặt trời. Và tại đây, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh, không có an trú, không có chuyên vận, không có sở duyên. Đây là sự đoạn tận khổ đau.

§2. KINH THỨ HAI LIÊN HỆ ĐẾN NIÉT-BÀN (Dutiyanibbãnapatisamyuttasuttà)U9 (Ụd. 80) 72. (Như kinh thứ nhất liên hệ đến Niết-bàn, chỉ khác lời cảm hứng). Khó thấy là vô ngã^ Không dễ thấy sự thật, Với bậc có hiểu biết, Khéo thâu suôt được ái, Với vị ấy thấy rõ, Đâu còn có vật gì.

118 Tham chiếu: Pháp cú kỉnh “N 1ế'(r°4. 0210.36. 0573a23); Pháp tập yếu tụng kinh uViên tịch phẩm,, rã (7L04. 0213.26. 0790bl6). 119 Tham chiếu: Pháp cú ^zn^'^Ne-hoan phẩm,, (T.04. 0210.36. 0573a23); Xuất diệu kinh 4tNê-hoàn ph^ ỉtì(04. 0212.27. 0730c06); Pháp tập yếu tụng kinh “Viên tịch phẩm” (f04.0213.26. 0790bl6).

§3. KINH THỨ BA LIÊN HỆ ĐẾN NIẾT-BÀN (Tatiyanibbãnapatisamyuttasutta)nữ (Ud. 80) 73. (Như kinh thứ nhất liên hệ đến Niết-bàn, chỉ khác lời cảm hứng). -Này các Tỷ-kheo, có sự không sanh, không hiện hữu, không bị làm, khồng hữu vi. Này các Tỷ-kheo, nêu không có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, thì ở đây không thể trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, nên có trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.

§4. KINH THỨ TƯ LIÊN HỆ ĐẾN NIẾT-BÀN (Catutthanibbanapatisamyuttasutta)nx (Ud. 81) 74. (Như các kinh trước, chỉ khác lời cảm hứng). -Cái gì có nương tựa, cái ấy có dao động; cái gì không có nương tựa, cái ấy không có dao động; không có dao động thì có khinh an; có khinh an thì không có thiên về; không có thiên về thì không có đến và đi; không có đến và đi thì không có diệt và sanh; không có diệt và sanh thì không có đời

này, không có đời sau, không có khoảng giữa hai đời. Đây là sự đoạn tận khổ đau.

§5. KINH CƯNDA (Cundasutta)120 *122 (Ud. 81) 75. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang bộ hàrủi giữa dân chúng Mallã, cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đã đến Pãvã. Rồi Thế Tôn tnì ở Pãvã, tại rừng xoài của thợ rèn Cunda. Thợ rèn Cunda được nghe: "Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Mallã, đã đến Pãvã cùng với đại chúng Tỷ-kheo và trú ở Pãvã, trong rừng xoài của ta." Thợ rèn Cunda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho thợ rèn Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Thợ rèn Cunda, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền bạch rin /_ FT11_ Ar _ Thê Tôn: Bạch Thê Tồn, mong Thê Tôn nhận lời mời của con, ngày mai đên dùng cơm với chúng Tỷ-kheo!

120 Tham chiếu: Nettỉ. 56; Xuất diệu kỉnh uNe-hoan phanf5 (04. 0212.27. 0730c06); Pháp tập yếu tụng kinh t4Viên tịch phẩm,, (T.04. 0213.26. 0790b 16). 1 Tham khảo: s. IV. 55, Channasutta (Kinh Channa); Pháp cú Ấi,"Nê-ho2iỊIj)lỊậiỊỊ'L (r.04. 0210.36. 0573a23); Pháp tập yếu tụng kỉnh uViên tịch phẩm^, (roi 0213.26. 0790b 16). 122 Tham chiếu: D. II. 72, MahaparinibbanasuttaJKinh Đại Bát-niết-bàn)', A. V. 263, Cundasutta (Kinh Cunda); Xuất diệu kinh "Ac hành ẹIie gỉ (T.04. 0212.29. 0741b24); Pháp tập yếu tụng kinh 4íTọi chướng phẩm" 2213.28. 0792al7); Căn Ban Thuyết Nhất Thiet Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự (r.24. 1451.35. 0382Ồ29).

Thế Tôn im lặng nhận lời. Thợ rèn Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Thợ rèn Cunda, sau khi đêm đã mãn, liên cho sửa soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại cứng, loại mềm và nhiều thứ mộc nhĩ rồi báo tin cho rT-il _ Ạ FT^ A __ _ The Ton: -Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng. Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ rèn Cunda, khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với thợ rèn Cunda: Này Cunda, loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho Ta! Còn các món ăn

khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo! - Xin vâng, bạch Thế Tôn. Thợ rèn Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm. Rồi Thế Tôn nói với thợ rèn Cunda: —Này Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, hãy đem chôn! Này Cunda, Ta không thấy một ai, ở cõi trời, cõi người, ở ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những thiên nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai. -Xin vâng, bạch Thế Tôn. Thợ rèn Cunda vâng đáp Thế Tôn, đào lỗ chôn món ãn mộc nhĩ còn lại, đi r __ , ___ - 4- Ạ __ Ã rTT|_ A rr^ 4-2 1_ 1 A "X T _ y •_ > _ A • ___ À __ _ __ A. . Ạ • rr-11 A Ạ.ạ. đên cho The Ton, đảnh lê Ngài và ngôi xuong một ben. Roi Thê Ton thuyêt pháp cho thợ rèn Cunda đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho

hoan hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau khi dùng cơm của thợ rèn Cunda, Thế Tôn bị nhiễm bệnh nặng, bệnh lỵ huyết, đau đớn gần như đến chết, và Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại chịu đựng cơn bệnh. Thê Tôn nói với Tôn giả Ananda: -Này Ãnanda, chúng ta hãy đi đến Kusinãrã! -Xin vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ananda vâng đáp Thê Tôn. Dùng cơm Cunda xong, Như vậy tôi được nghe, Bậc trí cảm bệnh nặng, Bạo bệnh, gân như chêt, Khi ăn loại mộc nhĩ, Đạo sư bị bệnh nặng, Khi bệnh được lắng dịu, Thế Tôn nói như sau: "Ta nay sẽ đi đến, Đến Kusinãrã.,, Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một gốc cây và nói với Tôn giả Ãnanda:

-Này Ãnanda, hãy xếp tư áo Sanghãtiỉ Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghi, này Ãnanda. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ãnanda vâng đáp Thế Tôn và xếp áo Sanghãti lại. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn và nói với Tôn giả Ãnanda: -Này Ãnanda, hãy đem nước uống cho Ta! Này Ãnanda, Ta nay đang khát và muốn uống nước! Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthã không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó5 Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda: Này Ananda, hãy đem nước uông cho Ta! Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước! Lần thứ hai, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthã không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay. Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda: -Này Ãnanda, hãy đem nước uống cho Ta! Này Ãnanda, Ta nay đang khát và muốn uống nước! Xin vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ãnanda vâng đáp Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi Tôn giả Ảnanda đến, liền chảy trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục. Tôn giả Ãnanda tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay! Thật hy hữu thay! Thần lực và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuây động và vân đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn due." Sau khi dùng bát lấy nước, Ãnanda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài: Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật la hy hữu! Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước, xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước! Và Thế Tôn uống nước. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakutthã, xuống sông tắm và uống nước, rồi lội qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài và nói với Tôn giả Cundaka:

-Này Cundaka, hãy xếp áo Sanghãti làm bốn cho Ta, này Cundaka, la nay mệt mỏi, muôn năm nghỉ! -Xin vâng, bạch Thê Tôn. Tôn giả Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo Sanghãtỉ làm bốn. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như dáng điệu con sư tử,

hai chân để trên nhau, chánh niệm, tỉnh giác, tác ý đến tưởng ngồi dậy, Tôn giả Cundaka ngồi - Ị _ r_ ÁẠ rri A . ỉ. _ _ phía trước Thê Tôn. Đức Phật tự đi đến, Con sông Kakutthã, Con sông chảy trong sáng, Mát lạnh và thanh tịnh. Vị Đạo Sư moi met Đi dân xuông mé sông, Như Lai, đấng Vô Thượng, Ngự trị ở trên đời. Tăm xong, uông nước xong, Lội qua bên kia sông, Bậc Đạo Sư đi trước, Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo. Vừa đi vừa diễn giảng, Chánh pháp thật vi diệu, Rồi bậc Đại Sĩ đến, Tại khu vực rừng xoài, Cho gọi vị Tỷ-kheo, Tên họ Cundaka: "Hãy gấp tư y lại, Trải y cho Ta nằm!,, Nghe dạy, Cundaka, Lập tức vâng lời dạy, Gấp tư và trải y, Một cách thật mau lẹ. Bậc Đạo Sư năm xuông, Thân mình thật mệt mỏi. Tại đây, Cundaka, Ngồi ngay ngắn trước mặt. Ạ ___ __ ĩ — Roi The Ton nói với Ton gia Ananda: —Này Ãnanda, rất có thể có người làm cho thợ rèn Cunda hối hận: í4Này Hiên giả Cunda, thật không lợi ích gì cho ông, thật là tai hại cho ông, vì Như Lai dùng bữa ăn cuôi cùng từ ông cúng dường và nhập diet!" Này Ananda, cân phải làm tiêu tan sự hôi hận ây của thợ rèn Cunda: t4Này Hiên giả, thật lợi ích cho bạn, thật là công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ bạn cúng dường và nhập diệt! Này Hiên giả Cunda, tôi tự thân nghe, tôi tự thân lãnh thọ lời nói này của Thê Tôn: 'Có hai sự cúng dường ăn uông đông một quả báo, đồng một dị thục quả, quả báo lớn hơn, lợi h hơn các sự cúng dường ăn

uống khác. Thế nào là hai? Một là, bữa ăn trước khi Như Lai chứng Vô thượng Chánh đẳng giác; hai là, bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn giới, khống còn di hưởng sanh tử.' Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị thục quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng tuôi thọ; nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng sắc đẹp; nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng an lạc; nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng danh tiếng; nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng cõi trời; nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng uy quyên.,, Này Ananda, cân phải làm cho thợ rèn tiêu tan hối hận.

184 KINH TIỂU Bộ

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Công đức người bố thí, Luôn luôn được tăng trưởng, Người đang tự chế ngự, Không chất chứa hận thù. Kẻ chí thiện từ bỏ, Mọi ác hạnh bất thiện, Diệt trừ tham, sân, si, Tâm giải thoát thanh tịnh.

§6. KINH DÂN LÀNG PÃTALI (Pãtaligãmiyasutta)ỉ23 (Ud. 85) 76. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Magadha cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đã đến làng Pãtali. Các nam cư sĩ ở làng Pãtali được nghe: cThế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Magadha với đại chúng Tỷ-kheo và đã đến làng Pãtali.,, Rồi các nam cư sĩ ở làng Pãtali đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các nam cư sĩ làng Pãtali bạch Thế Tôn: -Mong Thê Tôn trú ở giảng đường chúng con. Thê Tôn im lặng nhận lời. Rồi các nam cư sĩ ở làng Pãtali, sau khi được biet The Ton đã nhận lời, từ cho ngôi đứng dậy, đảnh le The Ton, thân phía hữu hướng về Ngài rồi đi đến giảng đường; sau khi đến, họ cho trải thảm toàn bộ giảng đường, sửa soạn các chô ngôi, đặt một ghè nước, cho treo đèn dâu, rôi đi đen The Tôn;

sau khi đên9 đảnh lê Thê Tôn, roi đứng một bên. Đứng một bên9 các nam cư sĩ ở làng Pãtali bạch Thế Tôn: -Bạch Thê Tôn, giảng đường đã được trải thảm, các chô ngôi đã sửa soạn, ghè nước đã đặt xong, đèn dầu đã được treo, Thế Tôn hãy làm những gì Thế Ion nghi la hợp tM! g

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến giảng đường; sau khi đến, rửa chân, bước vào giảng đường, lưng đối nơi cây cột ở giữa, ngồi hướng mặt về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo, sau khi rửa chân, bước vào giảng đường, ngồi xuống lưng đối bức tường phía Tây, mặt hướng về phía Đông có đức Phật trước mặt. Các nam cư sĩ ở làng Pãtali, sau khi rửa chân, bước vào giảng đường, đối bức tường phía Đông, mặt hướng về phía Tây và ngôi xuông với đức Phật ở trước mặt. Rồi Thế Tôn bảo các nam cư sĩ ở làng Pãtali: Này các gia chủ, có năm điều nguy hiểm này cho người không giữ giới, người phạm giới. Thế nào là năm? Ở đây, này các gia chủ, người không giữ giới, người phạm giới, do nhân duyên phóng dật, nên hao mất tài sản lớn; đây

123 Tham chiếu: D. II., 72, Mahãparinibbãnasutta (Kinh Đại Bát-niết-bàrì), số 16; D. III. 207, San^tisutta (Kinh Phúng tụng), số 33; A. m. 252, Sĩỉasutta (Kình Giới); Vìn. I. 199; Xuất diệu pm” (T.04. 0212.18. 0706c07); Pháp tập yếu tụng kinh “Thhy dp phảiỊ^ 0213.17. 0785c02); Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hỉcu bộ Tỳ-nại-da tạp sự (T.24.1451.35. 0382b29).

là nguy hiểm thứ nhất cho người không giữ giới, cho người phạm giới. Lại nữa, này các gia chủ, người không giữ giới, người phạm giới, tiếng xấu đồn xa; đây là nguy hiêm thứ hai cho người không giữ giới, cho người phạm giới. Lại nữa, này các gia chủ, người không giữ giới, người phạm giới khi đến hội chúng nào, r J e _ hoặc là hội chúng Sát-đê-ly, hoặc là hội chúng Bà-la-môn, hoặc là hội chúng gia chủ, hoặc là hội chúng Sa-môn, vị ấy đến với sự sợ hãi, với sự ngỡ ngàng; đây là nguy hiểm thứ ba cho người không giữ giới, cho người phạm giới. Lại nữa, này các gia chủ, người không giữ giới, người phạm giới, khi chêt bị si ám; đây là nguy hiểm thứ tư cho người không giữ giới, cho người phạm giới. Lại nữa, này các gia chủ, người khồng giữ giới, người phạm giới, khi thân hoại mạng chung bị sanh vào ác xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục; đây là nguy hiểm thứ năm cho người không giữ giới, cho người phạm giới. Này các gia chủ, có năm điều nguy hiểm này cho người không giữ giới, cho người phạm giới. Này các gia chủ, có năm điều lợi ích này cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Thế nào là năm? Ở đây, này các gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới, do nhân duyên không phóng dật được tài sản lớn; đây là lợi ích thứ nhât cho người giữ giới, cho người đây đủ giới. Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới, tiếng tốt lành được đồn xa; đây là lợi ích thứ hai cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới khi đi đến hội chúng nào, hoặc là Sát-đế-lỵ hoặc là Bà-la-môn, hoặc là gia-chủ, hoặc là Sa-môn, người ấy đi đến không có sợ hãi, không có ngỡ ngàng; đây là lợi ích thứ ba cho người giữ giới, cho người có đầy đủ giới. Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới, khi chết không có si ám; đây là lợi ích

thứ tư cho người giữ giới, cho người có đầy đủ giới. Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, người đây đủ giới khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này; đây là lợi ích thứ năm cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Này các gia chủ, có năm lợi ích này cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Rồi Thế Tôn, sau khi thuyết giảng pháp thoại đến đêm khuya cho các cư sĩ r : X _ ở làng Pãtali, khích lệ, làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ, liên giải tán chúng, nói răng: Đêm đã khuya, này các gia chủ, hãy làm những gì các vị nghĩ là hợp thời! Rồi các gia chủ ở làng Pãtali hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Thế Tôn, sau khi các nam cư sĩ ở làng Pãtali ra đi không bao lâu, đi vào căn nhà trống. Lúc bấy giờ, Sunĩdha và Vassakãra, đại thần ở Magadha đang cho xây dựng một thành phố ở Pãtaligãma để ngăn chặn các người Vàjjĩ. Lúc bây giờ, rât nhiêu chư thiên, có đên con sô ngàn, đang trú tại các trú xứ ở làng Pãtali. Tại chỗ nào các chư thiên có đại uy lực trú ở, tại chỗ ấy họ làm cho tâm các vua, các đại thần có đại uy lực thiên về, hướng về xây dựng các trú xứ. Tại

chỗ nào các chư thiên có uy lực trung bình trú ở, tại chỗ ấy họ làm cho tâm các vua, các vị đại thân có uy lực trung bình thiên vê, hướng vê xây dựng các trú xứ. Tại chô nào các chư thiên thâp kém trú ở, tại chô ây, họ làm cho tâm các vua, các đại thần có uy lực thấp kém thiên về, hướng về xây dựng các trú xứ. Thế Tôn với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy hàng ngàn chư thiên ở làng Pãtali đang trú tại các trú xứ ở làng Pãtali. Tại chỗ nào các chư thiên có đại uy lực trú ở... họ làm cho tâm các vua, các đại thân uy lực thâp kém thiên vê, hướng vê xây dựng các trú xứ. Rồi Thế Tôn, vào lúc tảng sáng đêm ấy, thức dậy và bảo Tôn giả Ãnanda: Này Ãnanda, ai cho xây dựng thành phố ở làng Pãtali? Bạch Thế Tôn, các đại thần Sunĩdha và Vassakãra cho xây dựng thành phố ở làng Pãtali để ngăn chặn các người Vạjjĩ. -Này Ãnanda, ví như họ làm như vậy sau khi đã hỏi chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Cũnẹ vậy, Sunĩdha và Vassakãra, đại thần ở Magadha đang cho xây dựng thành phố ở làng Pãtali để ngăn chặn các người Vàjjĩ. ở đây, này Ãnanda, với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy hàng ngàn chư thiên ở làng Pãtali... hướng về xây dựng các trú xứ. Này Ãnanda, xa cho đến Thánh xứ, xa cho đến con người buôn bán, tại đây sẽ trở thành một thành phố đứng đầu Pãtaliputta, một chỗ mà các kiện hàng được mở ra. Này Ãnanda, ba tai nạn sẽ đến với Pãtaliputta, nạn lửa, nạn lụt và nạn phản bội. Rồi Sunĩdha và Vassakãra, đại thần ở Magadha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi đứng một bên. Đứng môt bên, Sunĩdha và Vàssakãra, đại thân xứ Magadha, bạch Thê Tôn: Mong Tôn giả Gotama hôm nay nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo! Thê Tôn im lặng nhận lời. Rồi Sunĩdha và Vassakãra, đại thần Magadha, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, đi đến chỗ của mình; sau khi đến, sửa soạn các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm rồi báo thời giờ cho Thế Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, nay đã đên thời, cơm đã săn sàng. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến trú xứ của Sunĩdha và Vassakãra, đại thần xứ Magadha, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Sunĩdha và Vassakãra, đại thần xứ Magadha, tự tay thân mời

chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ, và làm cho thỏa mãn với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Rồi Sunīdha và Vassakāra, đại thần xứ Magadha, sau khi Thế Tôn ăn đã xong, tay đã rời khỏi bát, lấy một ghế ngồi thấp khác, ngồi xuống một bên. Thế Tôn với những bài kệ này, nói lên lời tùy hỷ công đức với Sunīdha và Vàssakāra, đại thần xứ Magadha:

PHẬT Tự THUYẾT 187

Tại chô nào bậc trí, Làm thành chỗ an trú, Hãy cúng các món ăn, Cho những người giữ giới, Cho người biết chế ngự, Sống đời sống Phạm hạnh. Ở đấy, chư thiên trú, Hãy cúng dường chư thiên, Được cúng dường, chư thiên, Cúng dường lại vị ây, Được cung kính, chư thiên, Cung kính lại vị ấy, Họ từ mẫn vị ấy, Như mẹ thương con mình, Người được chư thiên thương, Luôn gặp điều tốt lành. Rồi Thế Tôn, sau khi nói lời tùy hỷ công đức với những bài kệ này cho Sunīdha và Vasakāra, đại thần xứ Magadha, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Lúc bấy giờ, Sunīdha và Wssakara, đại thần xứ Magadha, đi theo sau lưng Thế Tôn và nghĩ rằng: "H6m nay, Sa-môn Gotama đi ra cửa nào, cửa ấy sẽ đặt tên là cửa thành Gotama. Tại bến nước nào Sa-môn Gotama sẽ đi qua sông Hằng, bến nước ấy sẽ đặt tên là bến nước Gotama.,, Và cửa nào Thế Tôn đã đi ra khỏi, các vị ấy đặt tên là cửa thành Gotama. Và Thế Tôn đi đến sồng Hằng, nước sông tràn đầy đến bờ, con quạ có thể uống được, một số người đi tìm thuyền, một số người đi tìm bè, một sô người cột chiêc bè đê đi qua sông. Rôi như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Thế Tôn ĩ r : A _

biên mât từ bờ bên này sông Hăng và đứng qua bờ bên kia với chúng Tỷ-kheo. Thê Tôn thây các người ây, một sồ người đi tìm thuyên, một sô người đi tìm bè, một số người cột lại chiếc bè để qua sông; sau khi hiểu biết ý nghĩa này, Thế Tôn ngay trong lúc ây, nói lên bài kệ: Sau khi làm cái cầu, Họ vượt qua sồng suôi, Họ vượt qua hô nước, Họ vượt qua đâm lây, Có người đang cột bè, Bậc trí đã qua sông.

§7. KINH CON ĐƯỜNG RẼ (Dvidhāpathasuttà)ỈU ụjd. 90) 77. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang đi giữa đường cùng với Tôn giả Nãgasamãla, là Sa-môn tùy tùng. Tồn giả Nãgasamãla giữa đường thấy một con đường rẽ, thấy A 1 _ _ Ar ri-< _ — __ vậy bạch The Ton: -Bạch Thế Tôn, đây là con đường, chúng ta hãy đi con đường này! Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Nãgasamãla: Này Nãgasamãla, đây là con đường. Chúng ta đi con đường này! Lần thứ hai... đi con đường này. Lần thứ ba, Tôn giả Nãgasamãla bạch Thế Tôn: -Bạch Thê Tôn, đây là con đường, chúng ta hãy đi con đường này! 12 Tham chiếu: Xuất diệu kinh uÁc hành phậnT th (r.04. 0212.29. 0741b24); Pháp tập yếu tụng kinh uTội chương phẩm” (7.04. 0213.28. 0792al7).

188 KINH TIỂU Bộ

Lần thứ ba, Thế Tôn nói:

-Này Nãgasamãla, đây là con đường. Chúng ta đi con đường này.

Rồi Tôn giả Nãgasamãla đặt xuống đất y và bát của Thế Tôn, bỏ đi và nói:

-Bạch Thế Tôn, đây là y bát của Thế Tôn.

Rồi Tôn giả Nãgasamãla đi theo con đường ấy, giữa đường bị các tên cướp xuất hiện đánh bằng tay hay chân, đập vỡ bình bát và xé rách thượng y của Tôn giả. Rồi Tôn giả Nãgasamãla với bình bát bị vỡ, với thượng y bị xé rách, đi đến rr^l Ạ
r
Ạ _ 1 • J. A . _
r _ ~_1 rrrr|_ A_ FT» Ạ
Ạ _ Ạ •____
r
A. ___
"XT
—_____
>
—_____ Ạ __ _
Thê Tôn; sau khi đên, đảnh lê Thê Tôn, rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Tôn giả Nãgasamăla bạch Thế Tôn:
Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi con đường ấy, các tên cướp xuất hiện đánh

con bằng tay hay bằng chân, đập vỡ bình bát và xé rách thượng y. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Cùng đi với kẻ ngu, Người trí phải chen vai, Khi biết nó là ác, Lập tức từ bỏ nó, Như con diệc uống sữa, Loại bỏ phần nước ra.

§8. KINH VISẢKHÃ (Vỉsãkhãsutta)125 ạjd. 91) 78. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Đông Viên Lộc Mầu giảng đường. Lúc bấy giờ, người cháu trai của Visãkhã, mẹ của Migãra, khả ái và dễ thương bị mạng chung. Và Visãkhã, mẹ của Migãra, với áo đẫm ướt, với tóc đẫm ướt, sáng sớm đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visãkhã, mẹ của Migãra, đang ngồi một bên: -Này Visãkhã, bà từ đâu đến, với áo đẫm ướt, với tóc đẫm ướt, đi đến đây quá sớm như vậy? -Bạch Thế Tôn, đứa cháu khả ái dễ thương của con đã mạng chung. Cho nên con, với áo đẫm ướt, với tóc đẫm ướt, con đến đây sáng sớm như vậy. Này Visãkhã, bà có muốn con và cháu đông như người ở Sãvatthi không? Bạch Thế Tôn, con muốn con và cháu đông như người ở Sãvatthi. Nhưng này Visăkhã, có bao nhiêu người ở Sãvatthi mạng chung hàng ngày?

Bạch Thế Tôn, có mười người ở Sãvatthi mạng chung hàng ngày, chín... " r __ r___

tám... bảy... sáu... năm... bôn... ba... hai. Bạch Thê Tôn, có một người ở Sãvatthi mạng chung hàng ngày. Bạch Thế Tôn, Sãvatthi khồng có thoát được số người bị chết.

125 Tham chiếu: Netti. 63;,Fe. 1; Xuất diệu jtinA uNiệm phẩm,, (T.04. 0212.6. 0649a06); Pháp tập yếu tụng kinh “Ai lạc phẩm^, (04. 0213.5. 0779c23).

PHẬT Tự THƯYÉT 189

Bà nghĩ thế nào, này Visākhā? Như vậy, bà có khi nào được khỏi áo bị ướt5 hay khoi tóc bị ướt không? -Thưa không, bạch Thế Tôn. Thật là vừa đủ cho con, bạch Thế Tôn, số nhiều như vậy về con và về cháu! -Này Visākhā, những ai có một trăm người thân yêu, những người ấy có một trăm sự đau khổ. Những ai có chín mươi người thân yêu, những người ấy có chín mươi sự đau khổ. Những ai có tám mươi người thân yêu, những người ấy có tám mươi sự đau khổ. Những ai có bảy mươi... có sáu mươi... có năm mươi... có bốn mươi... có ba mươi... có hai mươi... có mười... có chín... có tám... có bảy... có sáu... có năm... có bôn... có ba... có hai... có một người thân yêu, những người ấy có một sự đau khổ. Những ai không có người thân yêu, những người ây không có sự đau khô. Ta nói răng, họ là người không có sâu, không có tham dắm, không có ưu não. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Sầu, than và đau khổ, Sai biệt có ở đời, Duyên thân ái, chúng có, Không thân ái, chúng không. Do vậy người an lạc, Người không có sầu muộn, Là những ai ở đời, Không có người thân ái. Do vậy ai tha thiết, Được không sầu, không tham, Chớ làm thân, làm ái? Với một ai ơ đời.

§9. KINH THỨ NHẤT VỀ DABBA (Pathamadabbasuttà)126 ạjd. 92) 79. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Vương Xá? tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Tôn giả Dabba Mallaputta127 đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Dabba Mallaputta bạch Thế Tôn: Nay đã đến thời, con nhập Niết-bàn? bạch Thiện Thệ. Này Dabba, ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời! Rồi Tôn giả Dabba Mallaputta từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng vê Ngài, bay lên hư không, ngôi kiêt-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn. Khi Tôn giả Dabba Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi

126 Tham chiếu: Pháp cụ ^^ê-hoàn phẩm” (7Í04. 0210.36. 0573a23); Xuất diệu kỉnh “Ne'(04. 0212.27. 07§0c06) Pháp tập yếu tụng kỉnh uViên tịch phẩm” rS (7L04. 0213.26. 0790bl6). . 127 Xem Vin. II. 76-80; Thag. V. 5. Ngài có khả năng dùng hỏa giới để đốt cháy sáng ngón tay, dùng như ngọn đuốc ban đêm. Đức Phật và Ty-kheo-ni Uprpalavaina cung có thần thông này (Ĩ7n. I. 25; Thĩg. V. 224-6). Trong s. V. 270, thủỳ giới co thể dùng đe tạo sự di động do Tôn giả Mục-kiền-liên.

định và nhập Niết-bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thê thây được. Ví như bơ hay dâu được cháy, được đôt, khồng còn có than hay có tro có thể thấy được. Cũng vậy, khi Tôn giả Dabba Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Thân bị hoại, tưởng diệt, Mọi thọ được nguội lạnh, Các hành được lắng dịu, Thức đến chỗ dừng nghỉ.

§10. KINH THỨ HAI VỀ DABBA (Dutiyadabbasutta)m ạjd. 93)

80. Như vầy tôi nghe.
Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika.

.

Tại đây, The Ton gọi cac Ty-kheo: -Này các Tỷ-kheo. —Thưa vâng, bạch Thế Tồn. Thế Tôn nói như sau: —Này các Tỷ-kheo, Dabba Mallaputta bay lên hư không, ngôi kiêt-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn... hay có tro có thê thây được. Ví như bơ hay dâu... hay có tro có thê thây được... không còn có tro có thê thây được. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng: Như tia lửa cháy sáng, Phát từ búa sắt đập, Dần dần được nguội lạnh, Sanh thú không biết được Cũng vậy là những bậc, Đã chơn chánh giải thoát, Đã vượt qua thác nước, Trói buộc bởi các dục, Họ đạt được an lạc, Không có bị dao động, Họ không có sanh thú, Để có thể chỉ bày.

128 Tham chiếu: Xuất diệu kinh "Lạc phẩm,, (r.04. 0212.31. 0753al0); Pháp tập yếu tụng “Lạc phẩm” (y.04. 0213.30?0794al6). '

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.